BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo
18/5/2026

PHỤ LỤC
RÀ SOÁT CÁC CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 5. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa 1. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa thực hiện một hoặc một số chức năng sau đây: a) Kết nối hoạt động sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm, sản xuất, phân phối, khai thác và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ văn hóa; b) Cung cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, không gian sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ và các điều kiện cần thiết cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; c) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, ươm tạo tài năng, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, giải trí; d) Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghệ cao, chuyển đổi số, mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; đ) Kết nối doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, tổ chức nghiên cứu, nhà đầu tư, cộng đồng sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa và kết nối thị trường trong nước, quốc tế.	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: **II- MỤC TIÊU** 1.1. Mục tiêu chung Xây dựng một số tập đoàn công nghiệp văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo, tổ hợp sáng tạo văn hoá tầm cỡ quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. **III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP** Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá; phát triển các mô hình kinh tế văn hoá mới, các dự án trọng điểm, quy mô lớn về	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
2. Việc hình thành, phát triển cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy; bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc; không làm biến dạng, xâm hại hoặc thương mại hóa trái pháp luật giá trị văn hóa, di sản văn hóa.	văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp văn hoá tiếp cận và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nội dung số, phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hoá và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số; chính sách thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn vào hạ tầng số và phát triển các giải pháp công nghệ cao cho văn hoá; ưu tiên đầu tư phát triển các cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện.		
Điều 6. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa 1. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa thực hiện hoạt động sau đây: a) Cung cấp dịch vụ hỗ trợ về pháp lý, sở hữu trí tuệ, thiết kế, truyền thông, quảng cáo, marketing, phân phối, xúc tiến thương mại, đào tạo và phát triển tài năng; b) Kết nối hoạt động sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm, sản xuất, phân phối, khai thác và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ văn hóa; c) Cung cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, không gian sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ và các điều kiện cần thiết cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; d) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, ươm tạo tài năng, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, giải trí; đ) Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghệ cao, chuyển đổi số, mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; g) Kết nối doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, tổ chức nghiên cứu, nhà đầu tư, cộng đồng sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa và kết nối thị trường trong nước, quốc tế. 2. Việc hình thành, phát triển cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: **II- MỤC TIÊU** 1.1. Mục tiêu chung Xây dựng một số tập đoàn công nghiệp văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo, tổ hợp sáng tạo văn hoá tầm cỡ quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. **III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP** Thí điểm các mô hình kinh doanh văn hoá mới gắn với nền tảng số; khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư các cơ sở đào tạo và thiết chế văn hoá, đặc biệt là ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Có chính sách ưu đãi vượt trội về đất đai, miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
trường, phòng cháy và chữa cháy; bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc; không làm biến dạng, xâm hại hoặc thương mại hóa trái pháp luật giá trị văn hóa, di sản văn hóa.	hoá, ưu tiên công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí. Xây dựng hạ tầng và kiến tạo thị trường trọng điểm cho các ngành công nghiệp văn hoá có lợi thế cạnh tranh; hình thành các cụm, khu và tổ hợp văn hoá - sáng tạo; phát triển tập đoàn văn hoá - sáng tạo tầm cỡ quốc gia và quốc tế; xây dựng và vận hành sàn giao dịch sản phẩm văn hoá, nghệ thuật, đặc biệt dưới dạng tài sản số.		
Điều 7. Tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Tổ hợp sáng tạo văn hóa được tổ chức để thực hiện hoạt động sau đây: a) Cho thuê, khai thác, sử dụng không gian sáng tạo, không gian làm việc chung, không gian sáng tạo, không gian biểu diễn, trưng bày, triển lãm, trải nghiệm văn hóa; b) Tổ chức hoạt động sáng tạo, sản xuất, thử nghiệm, biểu diễn, giới thiệu, phân phối và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ văn hóa; c) Cung cấp dịch vụ hỗ trợ về pháp lý, sở hữu trí tuệ, thiết kế, truyền thông, quảng cáo, marketing, phân phối, xúc tiến thương mại, đào tạo và phát triển tài năng; d) Kết hợp phát triển thương mại, dịch vụ phù hợp với mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa, tập trung phát triển du lịch văn hóa, ẩm thực, giải trí, giáo dục trải nghiệm ; đ) Tổ chức sự kiện văn hóa, nghệ thuật, sáng tạo, tuần lễ sáng tạo, hội chợ, triển lãm, biểu diễn sản phẩm, dịch vụ văn hóa. 2. Tổ hợp sáng tạo văn hóa được hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp hoặc mô hình tổ chức hợp pháp khác.	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: **II- MỤC TIÊU** Xây dựng một số tập đoàn công nghiệp văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo, tổ hợp sáng tạo văn hoá tầm cỡ quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hoá; xây dựng Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của các sự kiện văn hoá, nghệ thuật tầm cỡ khu vực và thế giới **III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP** Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá; phát triển các mô hình kinh tế văn hoá mới, các dự án trọng điểm, quy mô lớn về văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp văn hoá tiếp cận và ứng dụng công nghệ tiên tiến	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	vào sản xuất nội dung số, phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hoá và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số; chính sách thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn vào hạ tầng số và phát triển các giải pháp công nghệ cao cho văn hoá; ưu tiên đầu tư phát triển các cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện.		
Điều 8. Điều kiện hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Điều kiện hình thành: a) Có địa điểm, ranh giới, quy mô, diện tích, phương án sử dụng đất, công trình, mặt bằng hoặc tài sản phù hợp với tính chất, mục tiêu, chức năng hoạt động; trong đó khu công nghiệp sáng tạo văn hóa có diện tích tối thiểu 10 ha, cụm công nghiệp sáng tạo văn hóa có diện tích từ 02 ha đến dưới 10 ha; tổ hợp sáng tạo văn hóa có diện tích tối thiểu 0,3 ha hoặc tối thiểu 5.000 m2 sàn sử dụng đối với tòa nhà, công trình cải tạo, tái thiết hoặc chuyển đổi công năng. Đối với các mô hình có tích hợp phân khu trải nghiệm, du lịch văn hóa, phải dành tối thiểu 10% diện tích sàn sử dụng cho các hoạt động công cộng, trưng bày và tương tác văn hóa; b) Có phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng, chuyển đổi công năng hoặc khai thác hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng dịch vụ, không gian sáng tạo và điều kiện bảo đảm vận hành; bảo đảm hạ tầng viễn thông, lưu trữ, xử lý dữ liệu, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu phù hợp quy mô, tính chất hoạt động; c) Có phương án tổ chức quản lý, vận hành, khai thác khả thi, hiệu quả, an toàn, công khai, minh bạch; có bộ máy quản lý, vận hành và cơ chế phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan; d) Có nguồn lực tài chính và phương án huy động nguồn lực tài chính hợp pháp để đầu tư, vận hành, duy trì hoạt động;	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: **II- MỤC TIÊU** Xây dựng một số tập đoàn công nghiệp văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo, tổ hợp sáng tạo văn hoá tầm cỡ quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hoá; xây dựng Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của các sự kiện văn hoá, nghệ thuật tầm cỡ khu vực và thế giới Xây dựng hạ tầng và kiến tạo thị trường trọng điểm cho các ngành công nghiệp văn hoá có lợi thế cạnh tranh; hình thành các cụm, khu và tổ hợp văn hoá - sáng tạo; phát triển tập đoàn văn hoá - sáng tạo tầm cỡ quốc gia và quốc tế; xây dựng và vận hành sàn giao dịch sản phẩm văn hoá, nghệ thuật, đặc biệt dưới dạng tài sản số.	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
đ) Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn lao động, bảo vệ di sản văn hóa, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và điều kiện khác theo quy định của pháp luật; e) Có cơ chế quản lý sở hữu trí tuệ, cơ chế bảo mật dữ liệu sáng tạo và chỉ tiêu đánh giá hiệu quả vận hành phù hợp với mô hình cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa hoặc tổ hợp sáng tạo văn hóa; g) Có phương án phân khu chức năng, bao gồm: Phân khu xây dựng, sáng tạo; sản xuất chính; phân khu hạ tầng kỹ thuật dùng chung; phân khu trình diễn, giới thiệu, trải nghiệm và giao lưu; phân khu lưu trú cho chuyên gia, cá nhân sáng tạo; phân khu đào tạo, nghiên cứu. 2. Lập Đề án hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa phải xác định mục tiêu duy trì tối thiểu 60% số lượng tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân hoặc diện tích sử dụng cho hoạt động thuộc danh mục ngành, lĩnh vực công nghiệp văn hóa; đồng thời phải cam kết lộ trình đạt tỷ lệ doanh thu từ IP quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. 3. Đối với các doanh nghiệp hoạt động nội khu, lộ trình đáp ứng tỷ lệ doanh thu từ IP được áp dụng quy định ưu đãi đặc thù như sau: a) Trong thời gian 02 năm đầu (24 tháng) kể từ ngày thành lập hoặc gia nhập cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa: miễn áp dụng chỉ tiêu tỷ lệ doanh thu IP. b) Từ năm thứ 3: tỷ lệ doanh thu IP trên tổng doanh thu hoạt động phải đạt tối thiểu 10%. c) Từ năm thứ 5 trở đi: tỷ lệ doanh thu IP phải đạt tối thiểu 20%. d) Trường hợp doanh nghiệp chưa đạt tỷ lệ doanh thu IP do đặc thù sản phẩm nội dung có chu kỳ nghiên cứu và sản xuất dài, doanh nghiệp được phép quy đổi bằng việc chứng minh chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) dành cho IP chiếm trên 30% tổng chi phí vận hành/năm của doanh nghiệp. Trường hợp tỷ lệ quy định tại Khoản này thấp hơn 60% hoặc không đáp ứng cam kết về doanh thu IP trong 03 năm liên tiếp, cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, đình chỉ, chấm dứt việc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù hoặc thu hồi quyết định, văn bản chấp thuận theo quy định của pháp luật. đ) Công thức tính tỷ lệ doanh thu IP/năm (TIP):			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
$T_{IP} = \frac{DT_{IP}}{DT_{Tổng}} \times 100\%$ Trong đó: TIP: tỷ lệ doanh thu từ tài sản trí tuệ trong tổng doanh thu của doanh nghiệp trong năm tài chính. DTIP: tổng doanh thu từ việc chuyển quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ, tiền bản quyền, tiền cấp phép; từ phân phối, phổ biến, trình chiếu, phát sóng, truyền đạt, khai thác nội dung trên nền tảng số; doanh thu từ sản phẩm phái sinh dựa trên tài sản trí tuệ gốc và doanh thu khác từ IP quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. DTTổng: doanh thu hợp lệ của doanh nghiệp trong năm tài chính. 3. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa chỉ được hình thành trên cơ sở đề án được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận theo quy định tại Nghị định này.			
Điều 9. Thẩm quyền quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Chính quyền địa phương tỉnh, thành phố trực thuộc trưng ương quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa trên địa bàn. 2. Tổ chức, cá nhân đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa chịu trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này và gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: **II- MỤC TIÊU** Xây dựng một số tập đoàn công nghiệp văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo, tổ hợp sáng tạo văn hoá tầm cỡ quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hoá; xây dựng Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của các sự kiện văn hoá, nghệ thuật tầm cỡ khu vực và thế giới **III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP** Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá;	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	phát triển các mô hình kinh tế văn hoá mới, các dự án trọng điểm, quy mô lớn về văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp văn hoá tiếp cận và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nội dung số, phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hoá và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số; chính sách thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn vào hạ tầng số và phát triển các giải pháp công nghệ cao cho văn hoá; ưu tiên đầu tư phát triển các cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện. Xây dựng hạ tầng và kiến tạo thị trường trọng điểm cho các ngành công nghiệp văn hoá có lợi thế cạnh tranh; hình thành các cụm, khu và tổ hợp văn hoá - sáng tạo; phát triển tập đoàn văn hoá - sáng tạo tầm cỡ quốc gia và quốc tế; xây dựng và vận hành sàn giao dịch sản phẩm văn hoá, nghệ thuật, đặc biệt dưới dạng tài sản số.		
Điều 10. Hồ sơ đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Hồ sơ gồm: a) Văn bản đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa; b) Đề án hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa gồm các nội dung chủ yếu sau: (i) Sự cần thiết, căn cứ pháp lý và mục tiêu hình thành;	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: **II- MỤC TIÊU** Xây dựng một số tập đoàn công nghiệp văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo, tổ hợp sáng tạo văn hoá tầm cỡ quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hoá; xây dựng Việt Nam trở thành điểm	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
(ii) Tên gọi, địa điểm, ranh giới, quy mô, diện tích, diện tích sàn sử dụng (nếu có), phạm vi, nội dung hoạt động; phương án phân khu chức năng, phân khu dùng chung, phân khu trải nghiệm du lịch; (iii) Hiện trạng đất đai, công trình, tài sản, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng dịch vụ và điều kiện phục vụ hoạt động; (iv) Phương án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, lưu trữ, xử lý dữ liệu, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu; phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng, chuyển đổi công năng, khai thác và sử dụng hạ tầng, mặt bằng, công trình, tài sản; (v) Phương án tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, cung cấp dịch vụ hỗ trợ, bảo vệ và phát triển IP và kết nối thị trường; (vi) Phương án huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính; dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội, văn hóa, tác động môi trường; (vii) Phương án bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ di sản văn hóa, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và xử lý rủi ro trong quá trình hoạt động. c) Đối với trường hợp đề xuất hình thành cụm công nghiệp sáng tạo văn hóa và tổ hợp sáng tạo văn hóa có sử dụng đất, tài sản công, công trình công cộng, thiết chế văn hóa, thể thao, trụ sở, nhà xưởng, kho tàng hoặc công trình thuộc sở hữu nhà nước (hoặc di sản công nghiệp thuộc diện di dời), hồ sơ phải kèm theo tài liệu về hiện trạng pháp lý, phương án quản lý, sử dụng, khai thác, chuyển đổi công năng, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai, tài sản công, đầu tư, xây dựng và pháp luật có liên quan. d) Đối với trường hợp nằm trong khu vực có di sản văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị, khu vực bảo vệ di tích, không gian văn hóa truyền thống hoặc khu vực có yếu tố quốc phòng, an ninh, phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.	đến hấp dẫn của các sự kiện văn hoá, nghệ thuật tầm cỡ khu vực và thế giới Xây dựng hạ tầng và kiến tạo thị trường trọng điểm cho các ngành công nghiệp văn hoá có lợi thế cạnh tranh; hình thành các cụm, khu và tổ hợp văn hoá - sáng tạo; phát triển tập đoàn văn hoá - sáng tạo tầm cỡ quốc gia và quốc tế; xây dựng và vận hành sàn giao dịch sản phẩm văn hoá, nghệ thuật, đặc biệt dưới dạng tài sản số.		
Điều 11. Trình tự, thủ tục hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa lập hồ sơ theo quy định tại Điều 10 của Nghị định này và gửi đến ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: **II- MỤC TIÊU** Xây dựng một số tập đoàn công nghiệp văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo, tổ hợp sáng tạo văn hoá tầm cỡ quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân đề hoàn thiện hồ sơ. 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, lấy ý kiến của cơ quan có liên quan về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xây dựng, tài chính, tài sản công, môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu, di sản văn hóa, khoa học và công nghệ, công thương, sở hữu trí tuệ và nội dung khác có liên quan. 4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong đó nêu rõ ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước. 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, trên cơ sở hồ sơ đề nghị và ý kiến của cơ quan có liên quan, cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định, lập báo cáo thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa. 6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa. Trường hợp không chấp thuận, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do (biểu mẫu quyết định ban hành kèm theo Phụ lục số…).	hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hoá; xây dựng Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của các sự kiện văn hoá, nghệ thuật tầm cỡ khu vực và thế giới		
Điều 12. Điều chỉnh, bổ sung, thu hồi quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Trường hợp thay đổi, bổ sung, điều chỉnh đơn vị quản lý, vận hành hoặc nội dung hoạt động mà không làm thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi và tính chất hoạt động của cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để theo dõi, cập nhật. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản ghi nhận hoặc yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, làm rõ nội dung thông báo. 2. Trường hợp nội dung điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi hoặc tính chất hoạt động, chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh quyết định	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: **II- MỤC TIÊU** Xây dựng một số tập đoàn công nghiệp văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo, tổ hợp sáng tạo văn hoá tầm cỡ quốc tế dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hoá; xây dựng Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của các sự kiện văn hoá, nghệ thuật tầm cỡ khu vực và thế giới	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
hình thành theo quy định tại Nghị định này. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh; trường hợp không điều chỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 3. Quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa bị thu hồi trong các trường hợp sau: a) Không còn đáp ứng điều kiện hình thành, hoạt động theo quy định tại Nghị định này; b) Hoạt động không đúng mục tiêu, tính chất, chức năng, quy mô, phạm vi hoặc nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định; c) Không duy trì tỷ lệ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân hoặc diện tích sử dụng cho hoạt động công nghiệp văn hóa theo quy định tại Điều 9 Nghị định này; d) Vi phạm đến mức phải xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ di sản văn hóa, sở hữu trí tuệ hoặc quy định pháp luật khác có liên quan; đ) Chủ đầu tư có văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động. 4. Trước khi thu hồi, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư và yêu cầu giải trình, khắc phục trong thời hạn 30 ngày làm việc, trừ trường hợp chủ đầu tư đề nghị chấm dứt hoạt động hoặc trường hợp phải thu hồi ngay để bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, di sản văn hóa hoặc lợi ích công cộng. 5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn khắc phục mà chủ đầu tư không khắc phục hoặc khắc phục không đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi. 6. Trường hợp chủ đầu tư đề nghị chấm dứt hoạt động, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 7. Quyết định thu hồi phải được gửi cho chủ đầu tư, cơ quan có liên quan và công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành quyết định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành. Chủ đầu tư có trách nhiệm chấm dứt việc sử dụng tên gọi cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 13. Tiêu chí thí điểm mô hình đô thị di sản văn hóa Mô hình đô thị di sản xây dựng thí điểm tại các địa phương quy định tại Điều 9 Nghị định này được đầu tư tu bổ, tôn tạo, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa để đáp ứng các tiêu chí sau đây: 1. Hình thành quần thể kiến trúc đô thị, nông thôn, địa điểm cư trú, khu vực đô thị và nông thôn, công trình công nghiệp chứa đựng công trình kiến trúc và không gian lịch sử, văn hóa có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển của lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật. 2. Hình thành các nhóm công trình xây dựng, các nhóm công trình liên hoàn có tính đồng nhất về kiến trúc và cảnh quan hoặc có giá trị nổi bật về văn hoá, khoa học, lịch sử theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá. 3. Các địa điểm, khu vực trong lòng đất và dưới nước đã phát hiện di tích, di vật hoặc có dấu hiệu lưu giữ di tích, di vật có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. 4. Cảnh quan thiên nhiên, môi trường - sinh thái và không gian cảnh quan vật chất tự nhiên chứa đựng giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ cùng không gian văn hóa vật thể và phi vật thể liên quan có tầm quan trọng trong việc hình thành giá trị của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được bảo tồn và phát huy giá trị theo hướng gắn kết không gian di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể với cộng đồng chủ thể. 5. Có nhiều di sản văn hóa vật thể hoặc di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu trên địa bàn được công nhận, xếp hạng, ghi danh UNESCO và quốc gia; thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát huy giá trị gắn với phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa; Ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách đặc thù trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với nghệ nhân. 6. Có kinh nghiệm thực tiễn trong công tác đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa bảo đảm nguyên tắc bảo tồn và yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa theo hướng ổn định, lâu dài, bền vững; lấy di sản văn hoá làm nền	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Nhận diện đầy đủ và khai thác hiệu quả tài nguyên văn hoá; lấy di sản văn hoá là trung tâm và tài nguyên văn hoá số là thế mạnh, hướng đến việc bảo tồn, phát huy, phát triển bền vững các giá trị văn hoá. Tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia sản xuất, tiêu dùng, phản biện và chia sẻ lợi ích từ tài nguyên văn hoá. Đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hoá lồng ghép vào mục tiêu phát triển bền vững về môi trường, văn hoá, kinh tế, xã hội gắn với sinh kế cộng đồng, hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái văn hoá.	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
tảng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa có hiệu quả, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và GRDP của địa phương. 7. Thực hiện tốt việc phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với giáo dục truyền thống, du lịch văn hóa, tạo sinh kế cho cộng đồng và phát triển bền vững.			
Điều 14. Cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai Chính quyền địa phương thực hiện thí điểm mô hình đô thị di sản văn hóa được quyết định cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai như sau: 1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chỉ tiêu sử dụng đất ngoài các chỉ tiêu đã được phân bổ theo quy hoạch sử dụng đất quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực di sản văn hóa, công nghiệp văn hóa. Chỉ tiêu sử dụng đất bổ sung được cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thời kỳ tiếp theo theo quy định; 2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức áp dụng cơ chế ưu đãi đơn giá thuê đất theo từng không gian đặc thù, bảo đảm mức tối đa không vượt quá 50% so với mức quy định hiện hành, để thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ, du lịch, dự án đầu tư công - quản trị tư, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực di sản văn hóa, thực hiện các đề án khai thác kinh tế di sản, phát triển công nghiệp văn hóa theo quy hoạch, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong khu vực di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới (sau đây gọi chung là di tích) trong trường hợp bảo đảm không ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành và cảnh quan văn hóa của di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Mức áp dụng cơ chế ưu đãi đơn giá thuê đất theo từng không gian đặc thù do các tỉnh/thành phố thí điểm đô thị di sản quyết định; 3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giá thuê mặt bằng khai thác dịch vụ tại các di tích thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, làm cơ sở để tổ chức đấu thầu, đấu giá theo hình thức cho thuê mặt bằng tại di tích trong trường hợp bảo đảm không ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành và cảnh quan văn hóa của di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Nhận diện đầy đủ và khai thác hiệu quả tài nguyên văn hoá; lấy di sản văn hoá là trung tâm và tài nguyên văn hoá số là thế mạnh, hướng đến việc bảo tồn, phát huy, phát triển bền vững các giá trị văn hoá. Tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia sản xuất, tiêu dùng, phản biện và chia sẻ lợi ích từ tài nguyên văn hoá. Đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hoá lồng ghép vào mục tiêu phát triển bền vững về môi trường, văn hoá, kinh tế, xã hội gắn với sinh kế cộng đồng, hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái văn hoá.	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
4. Ngân sách đô thị di sản được giữ lại 50 % số tiền thu được từ khai thác dịch vụ di sản văn hóa sau khi trừ các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc tổ chức khai thác dịch vụ bao gồm chi phí xác định giá, chi phí tổ chức đấu giá, chi phí trong lựa chọn nhà thầu, chi phí điện nước, nhân công và các chi phí có liên quan khác thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật (nếu có) để tái đầu tư cho hoạt động dịch vụ di sản văn hóa, bổ sung nguồn chi thường xuyên hằng năm sử dụng cho công tác quản lý và hoạt động của đơn vị được giao quản lý, sử dụng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan và được xác định là nguồn thu hợp pháp của đơn vị; trích lập các quỹ theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập; 5. Ngân sách đô thị di sản được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới) do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh (trừ cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của địa bàn; 6. Ngân sách địa phương thí điểm đô thị di sản được hưởng toàn bộ các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất và tiền cho thuê mặt bằng khai thác dịch vụ tại di tích, thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này để tái đầu tư hạ tầng đô thị di sản, thực hiện bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và các hoạt động bảo vệ phát huy giá trị di tích, di sản văn hóa, công nghiệp văn hóa; 7. Các khoản thu quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.			
Điều 15. Cơ chế, chính sách ưu đãi về phí, lệ phí Chính quyền địa phương thực hiện thí điểm mô hình đô thị di sản được quyết định cơ chế, chính sách ưu đãi về phí, lệ phí như sau: 1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định ban hành mức thu phí dịch vụ tại di tích, lệ phí ngoài Danh mục phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí; 2. Ngân sách địa phương được hưởng toàn bộ các khoản thu từ phí, lệ phí do Hội đồng nhân dân ban hành ngoài Danh mục phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Nhận diện đầy đủ và khai thác hiệu quả tài nguyên văn hoá; lấy di sản văn hoá là trung tâm và tài nguyên văn hoá số là thế mạnh, hướng đến việc bảo tồn, phát huy, phát triển bền vững các giá trị văn hoá. Tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia sản xuất, tiêu dùng, phản biện và chia	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
3. Phí thăm quan di tích trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thí điểm mô hình đô thị di sản phải nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ chi phí được trích để lại cho đơn vị sự nghiệp công lập để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. Ngân sách địa phương được bố trí đầu tư tương ứng số thu phí thăm quan nộp vào ngân sách nhà nước để thực hiện đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn; 4. Các khoản thu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.	sẻ lợi ích từ tài nguyên văn hoá. Đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hoá lồng ghép vào mục tiêu phát triển bền vững về môi trường, văn hoá, kinh tế, xã hội gắn với sinh kế cộng đồng, hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái văn hoá.		
Điều 16. Đặt hàng đối với hoạt động sáng tạo văn hóa sử dụng ngân sách nhà nước 1. Việc đặt hàng sản xuất phim, phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 131/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu và các quy định liên quan. 2. Việc tổ chức các chương trình nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền bản quyền, phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang và các quy định khác có liên quan. 3. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cụng cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. 4. Cơ chế giá đặt hàng đối với sản phẩm văn hoá như tác phẩm văn học, chương trình biểu diễn nghệ thuật được xác định theo mức khoán chi thí điểm quy định tại Điều 16 Nghị định này do cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án giá. 5. Đối với các công trình, tác phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật có thời gian thực hiện kéo dài hơn 01 năm thì giá đặt hàng được xác định tại năm đầu tiên cho công trình, tác	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Ban hành cơ chế tài chính để ưu tiên thực hiện trong 3 lĩnh vực đột phá: Đào tạo và đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá và đặt hàng sáng tạo các công trình văn hoá, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Có cơ chế đặt hàng sáng tạo và phổ biến các công trình, tác phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
phẩm hoàn thiện. Việc điều chỉnh giá đặt hàng (nếu có) thực hiện theo quy định của Luật Giá và các văn bản có liên quan.			
Điều 17. Hỗ trợ kinh phí sáng tạo, phổ biến các công trình, tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật 1. Nhà nước bảo đảm chi cho các hoạt động sáng tạo a) Chi cho các chức danh sáng tạo tác phẩm theo quy định của pháp luật về nhuận bút thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác. b) Chi cho các hoạt động truyền dạy, sưu tầm, dàn dựng nhằm bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống () theo định mức kinh tế-kỹ thuật. c) Chi cho các tác giả viết, sáng tác đề cương tác phẩm văn học được Hội đồng thẩm định quyết định lựa chọn để hỗ trợ tác phẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 350/2025/NĐ-CP quy định về khuyến khích phát triển văn học. d) Chi cho các tác giả viết, sáng tác tác phẩm văn học hoàn chỉnh được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại Chương II Nghị định 350/2025/NĐ-CP. Ngân sách nhà nước bảo đảm chi cho tác giả được lựa chọn theo một trong hai hình thức sau đây: d1) Trong thời hạn 80 ngày làm việc, tác giả hoàn thành tác phẩm viết, sáng tác tác phẩm văn học và gửi đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Nghị định 350/2025/NĐ-CP. Trong thời gian này, tác giả được chi trả theo lương tối thiểu của viên chức hạng II, bậc 1, loại A2.1; d2) Kinh phí ăn, nghỉ của các tác giả được lựa chọn khi tham gia trại viết, trại sáng tác văn học tổ chức theo quy định tại Chương III Nghị định 350/2025/NĐ-CP. đ) Chi cho sản xuất phim theo quy định tại Điều 7 và 8 của Nghị định số 131/2022/NĐ-CP, theo quy định của pháp luật về nhuận bút thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác và định mức kinh tế-kỹ thuật. e) Chương trình nghệ thuật biểu diễn đặt hàng cho các đơn vị công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo đúng chức năng nhiệm vụ để phục vụ nhiệm vụ chính trị quốc gia, Bộ, ngành và địa phương theo thí điểm khoán chi quy định Điều 16 Nghị định này . 2. Hỗ trợ kinh phí sáng tạo	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Ban hành cơ chế tài chính để ưu tiên thực hiện trong 3 lĩnh vực đột phá: Đào tạo và đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá và đặt hàng sáng tạo các công trình văn hoá, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Có cơ chế đặt hàng sáng tạo và phổ biến các công trình, tác phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới.	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho tác giả có kịch bản phim thuộc các loại hình: phim truyện, phim hoạt hình, phim tài liệu, phim khoa học có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật đã được Hội đồng Trung ương thẩm định và tuyển chọn kịch bản phim thẩm định. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các tiêu chí thẩm định cụ thể của Hội đồng Trung ương thẩm định và tuyển chọn kịch bản phim b) Hỗ trợ tác giả thoả thuận chuyển giao các tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật cho cơ quan tổ chức công lập để phổ biến phát hành rộng rãi cho nhân dân. 3. Hỗ trợ phổ biến a) Đối với tác phẩm văn học: a1) Công bố tác phẩm văn học trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 10 ngày làm việc theo quy định tại Điều 13 Nghị định 350/2025/NĐ-CP; a2) Phổ biến trên môi trường số trong thời gian 03 năm kể từ ngày công bố, phát hành trên nền tảng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý và khuyến khích tại các nền tảng khác trên cơ sở thoả thuận phù hợp với quy định về bản quyền; a3) Gửi tác phẩm văn học ra nước ngoài dự thi, giới thiệu theo quy định tại Điều 33 Nghị định 350/2025/NĐ-CP. Tác phẩm văn học được hỗ trợ khi đáp ứng đồng thời tiêu chí tại Điều 43 Luật Xuất bản và Điều 28 Nghị định 350/2025/NĐ-CP; a4) Hỗ trợ chi phí dịch thuật theo mức khoán chi văn bản tiếng Việt sang tiếng nước ngoài quy định tại mục C Phụ III Nghị định 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. b) Đối với các chương trình nghệ thuật biểu diễn b1) Hỗ trợ các đơn vị nghệ thuật tổ chức biểu diễn chương trình nghệ thuật đáp ứng tiêu chí tại Điều 16 Nghị định này với mục đích biểu diễn phục vụ công chúng, bảo đảm biểu diễn ít nhất 10 buổi biểu diễn tại các vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa. Kinh phí hỗ trợ gồm chi phí bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn theo mức chi tại Nghị định quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang.			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
b2) Hỗ trợ phát sóng các chương trình biểu diễn nghệ thuật theo Điều 27 của Nghị định này.			
Điều 18. Khoán chi kinh phí cho các hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa đối với sản xuất phim, nghệ thuật biểu diễn 1. Nội dung khoán chi từng phần cho các hoạt động sáng tạo nghệ thuật biểu diễn bao gồm: a) Chi hỗ trợ tập luyện theo mức chi tại Nghị định quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang; b) Chi cho chức danh sáng tạo tác phẩm theo mức khoán chi theo quy định của pháp luật về nhuận bút thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác; c) Chi cho nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư tiêu hao phục vụ hoạt động sáng tạo. 2. Cơ sở xác định mức khoán chi theo một trong các phương thức xác định tương đương như sau: a) Định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành; b) Theo số lượng, khối lượng, đơn giá, giá dịch vụ, quyết toán năm trước liền kề với sự kiện tương tự có dự kiến biến động các yếu tố chi phí đầu vào; c) Giá trúng thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia; d) Giá tối đa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được công bố trên Hệ thống giá Quốc gia. 3. Nội dung khoán chi từng phần cho các hoạt động sáng tạo điện ảnh Khoán chi buổi ra mắt, công bố giới thiệu phim đối với phim truyện sản xuất sử dụng ngân sách nhà nước. Mức khoán chi căn cứ mức chi đã thực hiện và quyết toán của năm trước liền kề.	Có cơ chế đặt hàng sáng tạo và phổ biến các công trình, tác phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới.	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	
Điều 19. Chính sách hỗ trợ, thúc đẩy quảng bá hình ảnh Việt Nam 1. Nhà nước tổ chức Tuần Văn hóa Việt Nam; chương trình giao lưu nghệ thuật Việt Nam ở nước ngoài do trung ương tổ chức kỷ niệm thiết lập quan hệ ngoại giao với các quốc	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Phát huy vai trò cơ quan đại diện ngoại giao và cộng đồng người Việt Nam ởnước	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
gia, đối tác quan trọng của Việt Nam trên thế giới, phục vụ các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước ở nước ngoài; chương trình giao lưu nghệ thuật tại nước ngoài do địa phương chủ trì tổ chức tại các thủ đô, thành phố kết nghĩa ở nước ngoài; Kinh phí tổ chức các sự kiện tại các điểm này được Nhà nước hỗ trợ 100% cho các hoạt động sau đây: a) Thuê địa điểm tổ chức chương trình tại nhà hát, bảo tàng, quảng trường, trung tâm hội nghị và các không gian phù hợp theo yêu cầu thực tế; b) Thiết kế và dàn dựng sân khấu; c) Trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, kỹ thuật phục vụ biểu diễn tại nước sở tại; d) Vận chuyển nhạc cụ, đạo cụ, trang phục, hiện vật triển lãm và các sản phẩm văn hóa từ Việt Nam đến địa điểm tổ chức và ngược lại; đ) Chi phí bản quyền tác giả, tác phẩm phục vụ chương trình theo quy định; Hoạt động truyền thông, quảng bá trên cơ quan báo chí, truyền thông, mạng xã hội; e) In ấn tờ rơi, áp phích, bộ nhận diện sự kiện tại nước sở tại; g) Thuê chuyên gia, cộng tác viên, tình nguyện viên tại nước sở tại phục vụ công tác tổ chức, phiên dịch và hướng dẫn; h) Thù lao cho nghệ sĩ tham gia chương trình. Kinh phí cử đoàn ra nước ngoài thực hiện sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của Nhà nước về cử cán bộ đi công tác ngắn hạn. Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài hỗ trợ miễn phí thủ tục pháp lý, kết nối với chính quyền địa phương và huy động các nguồn lực cộng đồng tại chỗ tham gia phối hợp tổ chức các sự kiện. Các tổ chức, cá nhân tài trợ cho sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này được quảng bá thương hiệu, sản phẩm tại sự kiện đó. 2. Truyền dạy và biểu diễn nghệ thuật truyền thống ở nước ngoài: a) Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức các lớp truyền dạy, giới thiệu nghệ thuật truyền thống Việt Nam ở nước ngoài do các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài tổ chức, bao gồm: kinh phí mua sắm các nhạc cụ, trang phục truyền thống, vận chuyển các nhạc cụ, trang phục truyền thống sang địa bàn và kinh phí tổ chức lớp học.	ngoài trong quảng bá nền văn hoá dân tộc. Xây dựng và lan toả cuộc vận động "Tự hào là người Việt Nam"; mở rộng giảng dạy tiếng Việt, tạo điều kiện để người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức và cộng đồng quốc tế giới thiệu đất nước, con người, văn hoá Việt Nam; hỗ trợ nhân rộng mô hình khu phố Việt Nam, làng Việt Nam, các mô hình câu lạc bộ văn hoá, võ thuật, học tiếng Việt… tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc, hình thành chuỗi các nhà hàng ẩm thực Việt Nam ở nước ngoài.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
b) Nhà nước thực hiện đặt hàng hoặc hỗ trợ kinh phí cho các hội đoàn người Việt, các trường đại học nước ngoài có khoa Việt Nam học để tổ chức các lớp truyền dạy, biểu diễn nghệ thuật truyền thống Việt Nam ở nước ngoài. c) Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú được cử đi truyền dạy, biểu diễn tại nước ngoài được hưởng mức thù lao chuyên gia theo quy định đặc thù, cao hơn 1,5 lần so với định mức công tác phí thông thường áp dụng cho cán bộ, công chức. Chuyên gia tại chỗ được hưởng thù lao, hỗ trợ chi phí đi lại. d) Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng hệ thống bài giảng điện tử, video hướng dẫn đa ngôn ngữ (phụ đề hoặc lồng tiếng) các bộ môn nghệ thuật truyền thống để phổ biến đến các cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. đ) Nhà nước xây dựng "Kho tàng số Nghệ thuật truyền thống", cấp quyền truy cập miễn phí cho các học viên tại nước ngoài vào cơ sở dữ liệu quốc gia về âm nhạc, vũ điệu và kịch bản tuồng, chèo, cải lương để phục vụ biểu diễn phi lợi nhuận. e) Nhà nước có chính sách khen thưởng đối với các cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong công tác truyền dạy và biểu diễn nghệ thuật truyền thống ở nước ngoài. 3. Dạy tiếng Việt a) Nhà nước xây dựng giáo trình dạy tiếng Việt phù hợp theo địa bàn. Định kỳ 02 năm một lần, Nhà nước thực hiện cấp tặng miễn phí bộ sách giáo khoa tiếng Việt chuẩn và tài liệu hướng dẫn văn hóa cho các Trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, các cơ sở giáo dục, câu lạc bộ văn hóa, các lớp học cộng đồng cuối tuần hoặc sau giờ học của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đăng ký thực hiện dạy và học tiếng Việt. b) Ngân sách nhà nước chi trả 100% chi phí tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trực tuyến hoặc trực tiếp cho giáo viên, tình nguyện viên dạy tiếng Việt tại nước ngoài. Định kỳ một năm tổ chức 01 lần. 4. Nhân rộng mô hình khu phố Việt Nam, làng Việt Nam, các mô hình câu lạc bộ văn hóa, võ dân tộc, ẩm thực Việt Nam, học tiếng Việt tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc. a) Hỗ trợ đối với mô hình Khu phố Việt Nam, Làng Việt Nam:			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
a1) Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thiết kế phối cảnh kiến trúc, cổng chào, biển bảng và các biểu tượng văn hóa đặc trưng để tạo sự thống nhất về nhận diện thương hiệu văn hóa quốc gia. a2) Hỗ trợ cung cấp hiện vật phục vụ trang trí không gian chung bao gồm: tranh ảnh di sản, sản phẩm thủ công mỹ nghệ tiêu biểu, tư liệu giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. a3) Ưu tiên đưa các mô hình Khu phố Việt Nam, Làng Việt Nam vào danh mục địa điểm quảng bá trong các chương trình xúc tiến du lịch quốc gia và các diễn đàn kinh tế quốc tế. b) Hỗ trợ đối với mô hình câu lạc bộ văn hóa, võ dân tộc, ẩm thực: b1) Hỗ trợ chuyên môn: Miễn phí cung cấp hệ thống giáo trình, phim tư liệu hướng dẫn kỹ thuật võ thuật dân tộc (Vovinam, võ cổ truyền), công thức chuẩn hóa các món ăn ẩm thực tiêu biểu Việt Nam. b2) Cung cấp định kỳ 02 năm một lần các gói hỗ trợ bao gồm: võ phục, thảm tập, dụng cụ thi đấu võ thuật; dụng cụ trình diễn ẩm thực và trang phục dân tộc phục vụ hoạt động câu lạc bộ. b3) Nhà nước hỗ trợ kinh phí tổ chức các giải thi đấu võ thuật, hội thi ẩm thực Việt Nam, liên hoan nghệ thuật truyền thống quy mô khu vực hoặc toàn cầu để gắn kết các câu lạc bộ. c) Hỗ trợ đối với mô hình học tiếng Việt: c1) Hỗ trợ xây dựng và duy trì các tủ sách truyền thống và thư viện số tại các trung tâm cộng đồng, cung cấp miễn phí sách giáo khoa, truyện tranh, báo chí tiếng Việt phù hợp với từng lứa tuổi. c2) Nhà nước đầu tư và duy trì hệ thống cổng học tập trực tuyến (E-learning) đa ngôn ngữ dành cho người Việt Nam ở nước ngoài; cung cấp miễn phí tài khoản học tập cho người học tại các địa bàn trọng điểm. c3) Khen thưởng và học bổng: Hàng năm xét chọn và cấp học bổng cho thanh thiếu niên người Việt ở nước ngoài có thành tích xuất sắc trong học tập tiếng Việt để tham gia trại hè và các khóa trải nghiệm văn hóa ngắn hạn tại Việt Nam.			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan nhân rộng các mô hình học tiếng Việt hiệu quả tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc.			
Điều 20. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, xuất khẩu sản phẩm văn hóa tiêu biểu ra nước ngoài 1. Doanh nghiệp có sản phẩm văn hóa thuộc danh mục sản phẩm văn hóa tiêu biểu của Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định, được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động sau đây: a) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả tại thị trường nước ngoài; b) Thuê chuyên gia tư vấn định hướng thị trường, thiết kế bao bì, nhãn mác phù hợp với văn hóa nước sở tại; c) Biên dịch, phụ đề, lồng tiếng và chuyển đổi định dạng kỹ thuật phục vụ xuất khẩu sản phẩm văn hóa. 2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% mức chi do cơ quan có thẩm quyền quyết định. 3. Điều kiện thụ hưởng hỗ trợ: a) Doanh nghiệp có hồ sơ dự án quảng bá, xuất khẩu sản phẩm văn hóa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; b) Sản phẩm văn hóa xuất khẩu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật khác có liên quan. 4. Tiêu chí xác định, quy trình hỗ trợ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Phát huy vai trò cơ quan đại diện ngoại giao và cộng đồng người Việt Nam ởnước ngoài trong quảng bá nền văn hoá dân tộc. Xây dựng và lan toả cuộc vận động "Tự hào là người Việt Nam"; mở rộng giảng dạy tiếng Việt, tạo điều kiện để người Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức và cộng đồng quốc tế giới thiệu đất nước, con người, văn hoá Việt Nam; hỗ trợ nhân rộng mô hình khu phố Việt Nam, làng Việt Nam, các mô hình câu lạc bộ văn hoá, võ thuật, học tiếng Việt… tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc, hình thành chuỗi các nhà hàng ẩm thực Việt Nam ở nước ngoài Hỗ trợ/tài trợ công tác dịch thuật và xuất bản sách văn học, văn hoá nghệ thuật Việt Nam ra nước ngoài bằng nhiều ngôn ngữ và tạo điều kiện thuận lợi để giới thiệu các xuất bản phẩm tiếng nước ngoài tại Việt Nam. Triển khai các giải pháp hiệu quả chống lại sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai phản cảm, phi văn hoá, nhất là trên các nền tảng trực tuyến xuyên biên giới.	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 21. Xây dựng và thực hiện trưng bày chuyên đề các sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới phục vụ nhiệm vụ chính trị, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam 1. Việc lựa chọn sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam để thực hiện trưng bày hoặc kết hợp trưng bày gắn với các hoạt động thực hành, giáo dục di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi chung là trưng bày chuyên đề) tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới, phục vụ nhiệm vụ chính trị, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam được thực hiện bảo đảm các yêu cầu sau: a) Hiện vật trong sưu tập được lựa chọn phải có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học tiêu biểu; ưu tiên các hiện vật là bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm phản ánh đặc trưng văn hóa các thời kỳ lịch sử, các vùng miền hoặc các di sản văn hóa của Việt Nam; b) Hiện vật trong sưu tập phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và thuộc quyền sở hữu, quản lý hợp pháp của Nhà nước Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; c) Hiện vật trong sưu tập phải được cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương đánh giá bảo đảm về tình trạng vật lý để vận chuyển và trưng bày. Phải thực hiện định giá hiện vật làm cơ sở mua bảo hiểm và lập phương án bảo vệ, bảo quản nghiêm ngặt trong suốt quá trình từ khi rời kho lưu giữ cho đến khi hoàn trả về Việt Nam theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. d) Sưu tập phải được xây dựng theo chủ đề khoa học, có đề cương trưng bày chặt chẽ, hấp dẫn, gắn liền với mục tiêu quảng bá hình ảnh quốc gia và phù hợp với định hướng đối ngoại của Đảng và Nhà nước, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt. 2. Tiêu chí lựa chọn bảo tàng có uy tín trên thế giới để phối hợp tổ chức trưng bày: a) Bảo tàng tiếp nhận trưng bày chuyên đề phải là các tổ chức văn hóa có uy tín, có tầm ảnh hưởng tích cực tại quốc gia sở tại hoặc trên thế giới; có lượng khách tham quan ổn định và khả năng lan tỏa truyền thông cao; b) Phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế về bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy và các thông số kỹ thuật về môi trường trưng bày (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng) phù hợp với yêu cầu bảo quản đối với từng loại chất liệu của hiện vật Việt Nam;	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Củng cố thương hiệu địa phương bằng việc phát triển những sản phẩm, dịch vụ văn hoá độc đáo, giàu bản sắc; từng bước hình thành thương hiệu quốc gia. Định vị và quảng bá thương hiệu quốc gia trên trường quốc tế mang đậm bản sắc văn hoá, con người Việt Nam. Đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ văn hoá, xuất bản phẩm truyền thông và đa phương tiện… Phát triển các thương hiệu văn hoá chất lượng cao, có sức cạnh tranh, đóng góp vào kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thương hiệu văn hoá mạnh trong chuỗi giá trị và cung ứng toàn cầu. Xây dựng Chiến lược truyền thông quảng bá hình ảnh Việt Nam ra nước ngoài, lấy văn hoá làm nền tảng, trụ cột, lan toả hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam là một quốc gia giàu bản sắc văn hoá, nhân văn, có trách nhiệm, đóng góp tích cực vào dòng chảy văn minh của nhân loại. Triển khai các chiến dịch truyền thông đa phương tiện toàn diện, đa nền tảng, đa ngôn ngữ, sử dụng hiệu quả truyền hình, báo chí, mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến; ưu tiên tổ chức tại các quốc gia là đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, địa bàn đông người Việt Nam ở nước		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
c) Bảo tàng đối tác phải ký kết thỏa thuận hợp tác bằng văn bản, cam kết đảm bảo quyền sở hữu của Việt Nam đối với hiện vật; tuân thủ các quy định quốc tế về quyền miễn trừ tịch thu tư pháp và các thủ tục hải quan, vận chuyển theo quy định của cả hai bên; c) Ưu tiên các bảo tàng tại các địa bàn trọng điểm về đối ngoại, các trung tâm văn hóa lớn của thế giới nhằm tối ưu hóa mục tiêu chính trị, văn hóa và phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa. 3. Việc xây dựng và tổ chức trưng bày chuyên đề các sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới được thực hiện như sau: a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức đoàn khảo sát, ký kết hợp tác tổ chức trưng bày giới thiệu di sản văn hóa Việt Nam tại bảo tàng có uy tín trên thế giới; b) Nghiên cứu, xây dựng nội dung, xây dựng danh mục hiện vật trong sưu tập dự kiến trưng bày, đề cương trưng bày, biên soạn nội dung thuyết minh trưng bày; dịch thuật tư liệu phục vụ trưng bày, quảng bá... trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, phê duyệt; c) Tổ chức thiết kế tổng thể trưng bày; thiết kế đồ họa trưng bày; thiết kế ứng dụng công nghệ và các thiết kế phục vụ quảng bá, giới thiệu về trưng bày; d) Tổ chức vận chuyển hiện vật, gồm đóng gói chuyên dụng, vận chuyển quốc tế và bảo quản tạm thời tại nước ngoài; thuê chuyên gia giám sát vận chuyển, bảo quản đi kèm sưu tập trong suốt quá trình vận chuyển và trưng bày; e) Xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho hiện vật và mua bảo hiểm quốc tế cho toàn bộ sưu tập hiện vật; g) Tổ chức lắp dựng trưng bày tại địa điểm trưng bày; lắp đặt các thiết bị an ninh, tủ trưng bày chuyên dụng tại điểm trưng bày; h) Tổ chức các hoạt động giáo dục di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, hoạt động truyền thông gắn với nội dung trưng bày; i) Tổ chức lễ khai mạc trưng bày chuyên đề, các hoạt động truyền thông và giới thiệu di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể tại bảo tàng nước ngoài. 4. Kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ cho xây dựng và tổ chức thực hiện trưng bày chuyên đề được bố trí để chi cho các nội dung, nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều	ngoài sinh sống, đồng bộ với các thị trường quan trọng của thương mại, du lịch Việt Nam.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
này; nội dung và định mức chi áp dụng theo quy định tại Nghị định 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.			
Điều 22. Chính sách hoàn thuế cho đoàn làm phim nước ngoài sử dụng bối cảnh tại Việt Nam 1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam được hưởng chính sách hoàn thuế đối với những bộ phim góp phần quảng bá đất nước, con người, du lịch Việt Nam. 2. Nguyên tắc thực hiện chính sách hoàn thuế a) Cơ chế hoàn thuế quy định tại Điều này là cơ chế đặc thù thực hiện theo Nghị quyết số 28/2026/QH16 và được áp dụng độc lập với cơ chế hoàn thuế giá trị gia tăng theo pháp luật về thuế; b) Việc hoàn thuế được thực hiện thông qua cơ chế khấu trừ, giảm trừ hoặc hoàn trả trực tiếp vào nghĩa vụ thuế phải nộp đối với hoạt động cung cấp dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam; c) Việc hoàn thuế chỉ áp dụng đối với dịch vụ sản xuất phim, bối cảnh quay phim, nhân lực, thiết bị kỹ thuật và các dịch vụ hợp pháp khác phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim truyền hình, phim tài liệu, phim hoạt hình, video ca nhạc hoặc chương trình ghi hình thực tế tại Việt Nam; d) Không áp dụng cơ chế hoàn thuế sau đầu tư theo quy định chung của pháp luật về thuế. 3. Điều kiện được hưởng chính sách hoàn thuế Tổ chức, cá nhân nước ngoài được xem xét hoàn thuế khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Có giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về điện ảnh; b) Có sử dụng dịch vụ sản xuất phim, bối cảnh quay phim, nhân lực, thiết bị kỹ thuật và các dịch vụ hợp pháp khác tại Việt Nam phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim truyền hình, phim tài liệu, phim hoạt hình. c) Nội dung phim góp phần quảng bá đất nước, con người, du lịch Việt Nam, không vi phạm Điều 9 Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15; d) Có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan.	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Có chính sách ưu đãi vượt trội về đất đai, miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hoá, ưu tiên công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí. Xây dựng, phát triển hệ sinh thái văn hoá mang bản sắc Việt Nam, đa dạng, hiện đại, có sức mạnh dẫn dắt, thúc đẩy xã hội phát triển bền vững. Doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá, công nghiệp sáng tạo và giải trí là động lực then chốt thúc đẩy đổi mới sáng tạo văn hoá. Người dân vừa là chủ thể vừa là trung tâm của đổi mới sáng tạo văn hoá, đồng thời thụ hưởng trực tiếp giá trị và thành quả của văn hoá, tạo điều kiện hình thành tầng lớp công chúng văn hoá hiện đại, gắn với môi trường số và đổi mới sáng tạo.	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
4. Các khoản chi phí được hoàn thuế bao gồm: a) Chi phí thuê, sản xuất bối cảnh quay phim tại Việt Nam; b) Chi phí thuê dịch vụ kỹ thuật điện ảnh, hậu kỳ, dựng phim, âm thanh, kỹ xảo và các dịch vụ sản xuất phim khác tại Việt Nam; c) Chi phí mua, thuê thiết bị phục vụ hoạt động quay phim tại Việt Nam. 5. Mức hoàn thuế a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này được áp dụng mức hoàn thuế cơ bản bằng 3% tổng chi phí hợp lệ phát sinh tại Việt Nam. b) Mức hoàn thuế bổ sung: b1) Tổ chức, cá nhân nước ngoài được hoàn thuế theo quy định tại điểm a khoản này được hoàn thuế thêm 1% đối với bộ phim có hình ảnh địa danh, di sản, danh lam thắng cảnh, biểu tượng văn hóa Việt Nam được UNESCO công nhận xuất hiện trong phim với thời lượng từ 10 phút trở lên hoặc xuất hiện xuyên suốt bộ phim; b2) Tổ chức, cá nhân nước ngoài được hoàn thuế theo quy định tại điểm a khoản này được hoàn thuế thêm 1% đối với bộ phim thực hiện hậu kỳ, dựng phim, âm thanh, kỹ xảo hoặc xử lý hình ảnh tại Việt Nam. c) Tổng mức hoàn thuế tối đa không vượt quá 5% tổng chi phí hợp lệ phát sinh tại Việt Nam hoặc không quá 50% số thuế giá trị gia tăng thực tế phát sinh tại Việt Nam đối với hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện hoàn thuế. 6. Hồ sơ đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế bao gồm: a) Văn bản đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế theo mẫu số… tại Phụ lục số… ban hành kèm theo Nghị định này; b) Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam; c) Hợp đồng cung cấp dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam; d) Kế hoạch sản xuất phim và dự toán chi phí phát sinh tại Việt Nam; đ) Danh mục hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan. 7. Trình tự, thủ tục thực hiện hoàn thuế a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam đặt trụ sở chính;			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
b) Xác nhận đủ điều kiện áp dụng cơ chế hoàn thuế. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thẩm định điều kiện áp dụng cơ chế hoàn thuếxác nhận nội dung dự kiến phù hợp điều kiện hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này. c) Sau khi hoàn thành phim, có bản phim hoàn chỉnh và được phép phổ biến hoặc phát hành tại nước sở tại hoặc quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam nộp hồ sơ quyết toán hoàn thuế đến cơ quan có thẩm quyền. d) Cơ quan có thẩm quyền căn cứ bản phim hoàn chỉnh, tài liệu phát hành, nội dung thực tế của phim và mức độ quảng bá hình ảnh Việt Nam để xác nhận mức hoàn thuế bổ sung quy định tại điểm b khoản 5 Điều này. đ) Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ quyết toán, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, số thuế thực tế phát sinh, hóa đơn, chứng từ hợp pháp để thực hiện khấu trừ, giảm trừ hoặc hoàn trả trực tiếp. e) Thời hạn giải quyết hoàn thuế thực hiện trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. g) Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan chuyên môn về tài chính và cơ quan thuế có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm việc thực hiện cơ chế hoàn thuế quy định tại Điều này. h) Trường hợp tổ chức cá nhân nước ngoài và Việt Nam kê khai không đúng, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, sử dụng chính sách không đúng mục đích hoặc không đáp ứng điều kiện hưởng chính sách theo quy định của Nghị định này thì bị thu hồi số thuế đã được hoàn và xử lý theo quy định của pháp luật. 8. Thủ tục để hoàn thuế về tài khoản của tổ chức, cá nhân nước ngoài. 9. Chính sách hỗ trợ của địa phương đối với hoạt động sản xuất phim sử dụng bối cảnh tại địa phương: a) Căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định chính sách hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hoạt động quay phim, sản xuất phim sử dụng bối cảnh tại địa phương			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nhằm quảng bá hình ảnh, văn hóa, du lịch của địa phương và Việt Nam, phù hợp quy định Luật Ngân sách nhà nước b) Nội dung hỗ trợ bao gồm: b1) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, bối cảnh quay phim tại địa phương; b2) Hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, mặt bằng, công trình công cộng phục vụ hoạt động quay phim; b3) Hỗ trợ chi phí quảng bá, truyền thông, phát hành phim gắn với quảng bá hình ảnh địa phương; b4) Hỗ trợ chi phí tổ chức sản xuất phim, hậu cần, lưu trú, vận chuyển và các hoạt động phục vụ trực tiếp quá trình quay phim tại địa phương; c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định: c1) Mức hỗ trợ cụ thể đối với từng nội dung hỗ trợ; c2) Điều kiện, tiêu chí áp dụng hỗ trợ; c3) Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; c4) Miễn, giảm các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của địa phương đối với hoạt động quay phim, sản xuất phim sử dụng bối cảnh tại địa phương theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. d) Ngoài các nội dung hỗ trợ quy định tại điểm b khoản này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định các hình thức hỗ trợ khác phù hợp điều kiện thực tế của địa phương và quy định của pháp luật. 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: a1) Chủ trì tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký áp dụng chính sách hoàn thuế theo cơ chế đặc thù đối với hoạt động sản xuất phim sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp Việt Nam. a2) Xác định nội dung phim, mức độ quảng bá hình ảnh, văn hóa, đất nước, con người và du lịch Việt Nam và mức độ đáp ứng điều kiện áp dụng mức hoàn thuế bổ sung theo quy định tại Điều này.			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
a3) Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan thuế trong việc xác nhận điều kiện hưởng chính sách hoàn thuế theo quy định tại Điều này. a4) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm việc thực hiện cơ chế hoàn thuế thuộc phạm vi quản lý nhà nước về điện ảnh. b) Bộ Tài chính (cơ quan thuế): b1) Chủ trì thực hiện cơ chế hoàn thuế đặc thù theo quy định tại Điều này; b2) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ quyết toán hoàn thuế; xác định: chi phí hợp lệ, số thuế giá trị gia tăng thực tế phát sinh tại Việt Nam, mức thuế được hoàn theo quy định tại Điều này; b3) Thực hiện khấu trừ, giảm trừ, hoàn trả trực tiếp đối với số thuế được hoàn theo quy định tại Điều này; b4) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, xử lý vi phạm đối với việc thực hiện cơ chế hoàn thuế đặc thù. c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: c1) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ tại địa phương theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và các nội dung hỗ trợ khác theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng. c2) Công khai thủ tục, đầu mối hỗ trợ hoạt động quay phim; c3) Chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quay phim, sản xuất phim tại địa phương.			
Điều 23. Quỹ Văn hóa, nghệ thuật Quỹ Văn hóa, nghệ thuật tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 264/2025/NĐ-CP quy định về quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương. 1. Nhà nước thí điểm thành lập Quỹ Văn hóa, nghệ thuật (sau đây gọi là quỹ) ở trung ương và một số địa phương. Quỹ hoạt động theo mô hình hợp tác công tư, là quỹ đầu tư mạo hiểm, hoạt động theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận khả năng rủi ro, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn. Thời gian thực hiện thí điểm tối đa đến hết năm 2035. 2. Quỹ ở trung ương do Thủ tướng Chính phủ thành lập, quỹ ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập. Người có thẩm quyền thành lập quỹ quyết định tỷ lệ	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Xây dựng Quỹ văn hoá, nghệ thuật theo mô hình công tư.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
vốn góp từ ngân sách nhà nước, tổng mức vốn nhà nước trong vốn điều lệ của quỹ phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng huy động nhà đầu tư tham gia thành lập quỹ. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ ngân sách trung ương hoặc địa phương, được cấp một lần và được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu tài trợ, hỗ trợ, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; chương trình, dự án văn hóa, nghệ thuật có tính sáng tạo đột phá, có tiềm năng thị trường và khả năng thương mại, khả năng lan tỏa, tác động xã hội mà không được ngân sách nhà nước cấp kinh phí. 3. Trường hợp không thành lập riêng Quỹ thì bổ sung danh mục đầu tư mạo hiểm cho lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật quy định ở khoản 4 Điều này vào Quỹ đầu tư mạo hiểm đã thành lập ở trung ương, địa phương. 4. Danh mục các chương trình, dự án văn hóa, nghệ thuật có tính sáng tạo đột phá, có tiềm năng thị trường và khả năng thương mại, khả năng lan tỏa, tác động xã hội mà không được nhà nước cấp kinh phí quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 28/2026/QH16 quy định tại Phụ lục … ban hành kèm theo Nghị định này.			
Điều 24. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê bất động sản khác là tài sản công 1. Nhà xuất bản, cơ sở sản xuất phim tài liệu và khoa học do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuê nhà và bất động sản khác gắn liền với đất là tài sản công đối với diện tích sử dụng trực tiếp cho hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm; tổ chức hoạt động giới thiệu sách, triển lãm sách; thư viện và phát triển văn hóa đọc; sản xuất phim tài liệu, phim khoa học và thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. 2. Miễn 100% tiền thuê đất; giảm 80% tiền thuê nhà và bất động sản khác gắn liền với đất là tài sản công đối với diện tích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Không áp dụng miễn, giảm đối với diện tích sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết hoặc hoạt động khác không thuộc khoản 1 Điều này. 4. Chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định danh mục, diện tích, mức miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuê nhà và bất động sản khác gắn liền với đất là tài sản công cụ thể đối với từng đơn vị trên địa bàn bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục tiêu hỗ trợ phát triển văn hóa, không làm thất thoát tài sản công.	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá; phát triển các mô hình kinh tế văn hoá mới, các dự án trọng điểm, quy mô lớn về văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp văn hoá tiếp cận và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nội dung số, phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hoá và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số; chính sách thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn vào hạ tầng số và phát triển các giải pháp công nghệ cao cho văn hoá; ưu tiên	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	đầu tư phát triển các cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện. Thí điểm các mô hình kinh doanh văn hoá mới gắn với nền tảng số; khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư các cơ sở đào tạo và thiết chế văn hoá, đặc biệt là ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Có chính sách ưu đãi vượt trội về đất đai, miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hoá, ưu tiên công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí.		
Điều 25. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bố trí kinh phí đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước Việc bố trí kinh phí đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi chung là bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị) về nước được thực hiện như sau: 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép chủ trương sử dụng ngân sách nhà nước để mua, đấu giá và đưa về nước. 2. Bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương mua hoặc đấu giá và đưa về Việt Nam, đưa về Việt Nam theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này gửi Bộ Tài chính để bố trí kinh phí thực hiện. 3. Sau khi nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Bộ Tài chính xem xét, cấp kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện việc mua hoặc đấu giá bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị và đưa về Việt Nam, đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị về Việt Nam. Trường hợp mua hoặc đấu	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Có cơ chế hiệu quả để đưa các tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao, di sản văn hoá của Việt Nam đáp ứng được tiêu chí bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị đang ở nước ngoài về nước.	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
giá bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị có thời hạn giao dịch, chuyển nhượng gấp theo điều kiện của phía nước ngoài, không đủ thời gian để lập hồ sơ gửi Bộ Tài chính cấp kinh phí theo quy định tại Khoản 4 Điều này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được chủ động sử dụng dự toán ngân sách nhà nước giao hàng năm để thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp kinh phí gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí theo quy định. 4. Hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính cấp kinh phí mua, đấu giá, đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước, bao gồm: a) Văn bản đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; b) Tài liệu chứng minh về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và nguồn gốc Việt Nam của hiện vật, gồm văn bản giám định, ảnh đặc tả, tư liệu lịch sử; c) Thông tin về đấu giá hoặc thỏa thuận mua bán, gồm hồ sơ đấu giá, hợp đồng nguyên tắc hoặc văn bản báo giá của phía nước ngoài kèm Dự toán chi tiết kinh phí bao gồm: giá mua, chi phí chuyển quyền sở hữu, phí đấu giá, phí dịch vụ pháp lý, chi phí bảo hiểm, chi phí đóng gói, vận chuyển quốc tế và chi phí bảo quản tạm thời, chi phương án bảo đảm an ninh, an toàn, chi phí vận chuyển bảo vật quốc gia, cổ vật về Việt Nam.			
Điều 26. Ưu tiên sử dụng dịch vụ và đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất tại đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động văn hóa, nghệ thuật truyền thống 1. Khi tổ chức các sự kiện, chương trình nghệ thuật quốc gia, quốc tế phục vụ nhiệm vụ chính trị ở trung ương và địa phương, ưu tiên sự tham gia của các loại hình nghệ thuật truyền thống. 2. Việc thực hiện đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho đơn vị sự nghiệp công lập đang cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu là dịch vụ văn hóa, nghệ thuật truyền thống phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Cơ bản hoàn thành việc tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt; phục hồi, bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể, nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một, cần bảo vệ khẩn cấp Xây dựng cơ chế đặc thù trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và phát huy tài năng văn hoá, nghệ thuật, thể thao; chú trọng các môn nghệ thuật truyền thống, đồng thời thúc đẩy các loại hình nghệ thuật đương đại; bảo đảm điều kiện giảng dạy, sáng tạo đặc thù và chăm sóc sức khoẻ chuyên biệt.	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 27. Bảo đảm thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống trên hệ thống phát thanh, truyền hình 1. Đối với kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình a) Chương trình tin tức văn hóa, nghệ thuật: a1) Thời lượng truyền dẫn, phát sóng: Tối thiểu 60 giây cho một lần truyền dẫn, phát sóng. a2) Tần suất truyền dẫn, phát sóng mới: Tối thiểu 01 lần cho một ngày; riêng tháng 11 hàng năm 03 lần cho một ngày. a3) Thời điểm truyền dẫn, phát sóng: Trong các chương trình bản tin hàng ngày. b) Chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống: b1) Thời lượng truyền dẫn, phát sóng: Tối thiểu 15 phút cho một lần truyền dẫn, phát sóng. b2) Tần suất truyền dẫn, phát sóng mới: Tối thiểu 01 lần trong một tuần; riêng tháng 11 hàng năm là tối thiểu 03 lần trong một tuần. b3) Thời điểm truyền dẫn, phát sóng: Trong khung giờ từ 18h00 đến 22h00 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; trong khung giờ từ 8h00 đến 12h00 và trong khung giờ từ 18h00 đến 22h00 các ngày thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần. 2. Đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước có tôn chỉ, mục đích, nội dung chuyên biệt về văn hóa, nghệ thuật, thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống thực hiện theo quy định tại giấy phép được cấp. 3. Đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước có tôn chỉ, mục đích phục vụ đối tượng trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số và phục vụ nhiệm vụ đối ngoại, thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống bảo đảm tối thiểu 02 % tổng thời lượng phát sóng kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình tính theo ngày. 4. Đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước khác, thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian,	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Cơ bản hoàn thành việc tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt; phục hồi, bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể, nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một, cần bảo vệ khẩn cấp Xây dựng cơ chế đặc thù trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và phát huy tài năng văn hoá, nghệ thuật, thể thao; chú trọng các môn nghệ thuật truyền thống, đồng thời thúc đẩy các loại hình nghệ thuật đương đại; bảo đảm điều kiện giảng dạy, sáng tạo đặc thù và chăm sóc sức khoẻ chuyên biệt.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nghệ thuật truyền thống bảo đảm tối thiểu 01% tổng thời lượng phát sóng kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình tính theo tuần. 5. Trách nhiệm của cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình a) Thực hiện truyền dẫn, phát sóng đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. b) Cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình văn hóa đặc trưng của địa phương. c) Xây dựng kế hoạch hàng năm để triển khai sản xuất, truyền dẫn, phát sóng đáp ứng yêu cầu tuyên truyền về văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống. d) Chủ động đề xuất hoặc bố trí đủ kinh phí sản xuất, truyền dẫn, phát sóng theo quy định tại Nghị định này. 6. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản báo chí a) Chỉ đạo các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép được cấp và đúng theo chương trình, kế hoạch hàng năm của cơ quan. b) Bố trí kinh phí bảo đảm duy trì giao nhiệm vụ, đặt hàng cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình trực thuộc thực hiện sản xuất, truyền dẫn, phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật theo quy định tại Nghị định này.			
Điều 28. Chính sách tuyển dụng đối với tài năng và nhân lực đặc thù về nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao 1. Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao được áp dụng hình thức tiếp nhận vào viên chức đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Đối tượng tiếp nhận a) Người học được đào tạo trong nước hoặc nước ngoài thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao ở trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng, tốt nghiệp loại giỏi trở lên hoặc có kết quả học tập, kết quả đánh giá chuyên môn, đồ án, luận văn, luận án, đề án, dự án, tác phẩm, chương trình tốt nghiệp, bài thi tốt nghiệp, kết quả biểu diễn, sáng tác, thực hành nghề nghiệp hoặc hình thức đánh giá chuyên môn đặc thù đạt loại giỏi trở lên hoặc mức tương đương theo hệ thống đánh giá của cơ sở đào tạo; đối	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Ban hành cơ chế tài chính để ưu tiên thực hiện trong 3 lĩnh vực đột phá: Đào tạo và đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá và đặt hàng sáng tạo các công trình văn hoá, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới.	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
với chương trình đào tạo không áp dụng xếp loại theo loại giỏi trở lên, việc xác định kết quả đào tạo hoặc năng lực chuyên môn của người học được thực hiện theo xác nhận của cơ sở đào tạo, hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền. b) Vận động viên, nghệ sĩ tài năng có trình độ đào tạo theo yêu cầu vị trí việc làm tuyển dụng đạt được một trong các huy chương, giải thưởng cá nhân tại cuộc thi, liên hoan, hội thi, triển lãm, giải đấu chuyên ngành cấp quốc gia, khu vực, châu lục, quốc tế phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng, cụ thể như sau: b1) Vận động viên lĩnh vực thể thao thành tích cao đạt 02 huy chương vàng giải Đại hội Thể thao khu vực Đông Nam Á (SEA Games) hoặc đạt 01 huy chương bạc hoặc huy chương vàng Đại hội Thể thao Châu á (ASIAD) hoặc giành suất chính thức tham dự Đại hội thể thao Thế giới (Olympic, Olympic trẻ) hoặc đạt 03 huy chương vàng giải vô địch Đông Nam Á hoặc đạt 01 huy chương vàng giải vô địch Châu Á hoặc đạt 01 huy chương giải vô địch Thế giới; b2) Vận động viên lĩnh vực thể thao dành cho người khuyết tật đạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại Đại hội thể thao người khuyết tật châu Á (Asian Para Games) và Đại hội thể thao người khuyết tật thế giới (Paralympic Games) hoặc đạt huy chương Vàng, Bạc tại giải vô địch thể thao người khuyết tật châu Á hoặc thế giới hoặc đạt huy chương Vàng từ 02 kỳ liên tiếp trở lên tại Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á (ASEAN Para Games); b3) Nghệ sĩ lĩnh vực điện ảnh: Đạt ít nhất 02 giải thưởng cá nhân xuất sắc tại Liên hoan phim Việt Nam hoặc tại các Liên hoan phim, giải thưởng điện ảnh cấp khu vực, quốc tế có tối thiểu 70 quốc gia/vùng lãnh thổ gửi phim dự thi (02 giải thưởng từ 02 kỳ Liên hoan phim hoặc giải thưởng phim khác nhau); đạt ít nhất 01 giải thưởng cá nhân xuất sắc tại các Liên hoan phim, Giải thưởng phim nêu trên và 01 giải cá nhân từ giải Ba, giải Đồng trở lên tại cuộc thi sáng tác kịch bản cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức; đạt ít nhất 02 giải cá nhân tại 02 cuộc thi khác nhau từ giải Ba, giải Đồng (giải Tư) trở lên tại cuộc thi sáng tác kịch bản cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức. Giải thưởng cá nhân xuất sắc là giải thưởng cao nhất theo từng lĩnh vực sáng tạo hoặc chuyên môn điện ảnh do Ban Tổ chức công bố, bao gồm: biên kịch/tác giả kịch bản, đạo	Xây dựng cơ chế đặc thù trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và phát huy tài năng văn hoá, nghệ thuật, thể thao; chú trọng các môn nghệ thuật truyền thống, đồng thời thúc đẩy các loại hình nghệ thuật đương đại; bảo đảm điều kiện giảng dạy, sáng tạo đặc thù và chăm sóc sức khoẻ chuyên biệt. Trọng dụng, tôn vinh, giải phóng sức sáng tạo, tạo môi trường thuận lợi để các chuyên gia, trí thức, văn nghệ sĩ tài năng và học sinh, sinh viên có năng khiếu vượt trội trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được bồi dưỡng, rèn luyện, sáng tạo, cống hiến, phát triển.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
diễn, quay phim, âm thanh, âm nhạc, họa sĩ, diễn viên, kỹ xảo điện ảnh và các chức danh chuyên môn tương đương. Trường hợp cơ cấu giải thưởng được chia thành giải thưởng cá nhân chính xuất sắc và giải thưởng cá nhân phụ xuất sắc thì được quy đổi như sau: 01 giải thưởng cá nhân chính xuất sắc được tính tương đương 01 giải thưởng cá nhân xuất sắc; 02 giải thưởng cá nhân phụ xuất sắc được tính tương đương 01 giải thưởng cá nhân xuất sắc. Tác phẩm tham dự Liên hoan phim, Giải thưởng phim phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép phổ biến trước khi tham dự. b4) Nghệ sĩ lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đạt ít nhất 01 giải Vàng quốc gia trở lên tại các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc hoặc ít nhất từ 01 giải Nhì quốc tế của cá nhân trở lên tại cuộc thi, liên hoan nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế (Cục Nghệ thuật biểu diễn chưa cung cấp nội dung) b5) Nghệ sĩ lĩnh vực mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng: Có ít nhất 01 giải Ba (hoặc giải Đồng) trở lên tại các cuộc thi/triển lãm/liên hoan sau: Cuộc thi và Triển lãm Mỹ thuật Việt Nam, Cuộc thi và Triển lãm Điêu khắc toàn quốc, Festival Mỹ thuật trẻ toàn quốc, Cuộc thi và Triển lãm Mỹ thuật ứng dụng toàn quốc, Cuộc thi và Triển lãm tranh đồ họa 10 nước ASEAN do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức. b6) Nghệ sĩ lĩnh vực nhiếp ảnh: Có ít nhất 02 giải Ba (hoặc giải Đồng) và tương đương (vì Festival Nhiếp ảnh quốc tế chỉ có Giải đồng hạng, không phân chia giải nhất, nhì, ba) trở lên tại các cuộc thi/triển lãm/liên hoan sau: Cuộc thi và Triển lãm ảnh nghệ thuật Việt Nam, Festival Nhiếp ảnh Trẻ, Festival Nhiếp ảnh Quốc tế do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức. 3. Thẩm quyền tiếp nhận Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hoặc được phân cấp thẩm quyền tuyển dụng quyết định tiếp nhận theo thẩm quyền. 4. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. 5. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào viên chức a) Sơ yếu lý lịch cá nhân;			

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
b) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, giải thưởng, huy chương, thành tích học tập và giấy tờ khác liên quan phù hợp với vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận; c) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng; d) Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác. Trường hợp các thành phần hồ sơ trong tiếp nhận quy định tại khoản này đã tồn tại trong cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức hoặc được trích xuất từ cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức hoặc tồn tại trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thì được sử dụng để tham chiếu và thay thế bản giấy tương ứng; người được đề nghị tiếp nhận vào làm viên chức không phải chuẩn bị. 6. Thủ tục tiếp nhận a) Trường hợp tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định tiếp nhận viên chức theo thẩm quyền. b) Trường hợp tiếp nhận vào viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. 7. Người được tuyển dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài theo quy định của pháp luật về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.			
Điều 29. Đào tạo lại cho viên chức thuộc các lĩnh vực nghệ thuật truyền thống, xiếc, múa khi hết tuổi nghề 1. Viên chức khi hết tuổi nghề được học tập để chuyển đổi vị trí việc làm trong các lĩnh vực sau đây: a) Nghệ thuật truyền thống; b) Xiếc; c) Múa. 2. Viên chức quy định tại khoản 1 Điều này có thời gian trực tiếp luyện tập, biểu diễn chuyên môn (liên tục hoặc cộng dồn) từ 15 năm trở lên được xác định hết tuổi nghề trên cơ sở nguyện vọng của người lao động và quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức.	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Ban hành cơ chế tài chính để ưu tiên thực hiện trong 3 lĩnh vực đột phá: Đào tạo và đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá và đặt hàng sáng tạo các công trình văn hoá, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới.	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
3. Viên chức được xác định hết tuổi nghề khi không đáp ứng yêu cầu về sức khỏe, thể lực, kỹ năng vận động, độ dẻo dai, phản xạ nghề nghiệp, chất lượng biểu diễn, vị trí biểu diễn trực tiếp. 4. Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo lại, bồi dưỡng, chuyển đổi nghề nghiệp cho viên chức quy định tại khoản 1 Điều này, bao gồm: a) Học phí, chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; b) Chi phí tài liệu, giáo trình, học liệu, thiết bị học tập cần thiết; c) Chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian đào tạo tập trung ngoài địa bàn công tác (nếu có); d) Kinh phí kiểm tra, đánh giá, cấp chứng chỉ hoặc xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo; đ) Các chi phí hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc đào tạo lại, bồi dưỡng, chuyển đổi vị trí việc làm. 5. Hồ sơ đánh giá viên chức hết tuổi nghề bao gồm: Báo cáo tự đánh giá hết tuổi nghề của viên chức; nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo, cấp ủy nơi viên chức công tác, trong đó thể hiện rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý; kết quả đánh giá viên chức 02 năm liền kề của viên chức. Căn cứ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định công nhận hoặc không công nhận viên chức hết tuổi nghề. Căn cứ quyết định công nhận hết tuổi nghề và ngân sách của đơn vị, viên chức được cử đi đào tạo, học tập để chuyển đổi vị trí việc làm.	Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, cán bộ cấp chiến lược, phát triển nguồn nhân lực văn hoá; chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức, người lao động, nhất là cán bộ chủ chốt và những người làm công tác văn hoá, nghệ thuật ở địa phương. Xây dựng và phát triển mạng lưới chuyên gia trong và ngoài nước về văn hoá.		
Điều 30. Chính sách đào tạo, phát triển tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Đề án phát triển tài năng theo giai đoạn định kỳ 5 năm một lần trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nguồn nhân lực chất lượng cao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. 2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án mở mã ngành đào tạo chuyên ngành giám tuyển, giám định di sản văn hóa, tác phẩm văn hóa, nghệ thuật, phát triển công nghiệp văn hóa.	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Ban hành cơ chế tài chính để ưu tiên thực hiện trong 3 lĩnh vực đột phá: Đào tạo và đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá và đặt hàng sáng tạo các công trình văn hoá, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, cán bộ cấp chiến lược, phát triển nguồn nhân lực văn hoá; chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức, người lao động, nhất là cán bộ chủ chốt và những người làm công tác văn hoá, nghệ thuật ở địa phương. Xây dựng và phát triển mạng lưới chuyên gia trong và ngoài nước về văn hoá.		
Điều 31. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao cho giám tuyển định di sản văn hóa 1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng a. Công chức, viên chức đang làm công tác chuyên môn tại các bảo tàng công lập và các đơn vị công lập có trưng bày, triển lãm về di sản văn hoá. b. Cán bộ quản lý triển lãm tại các trung tâm văn hóa, đơn vị lưu trữ di sản văn hoá. c. Các nghệ sĩ, nhà nghiên cứu làm việc tại bảo tàng, đơn vị có trưng bày, triển lãm về di sản văn hoá, có năng lực và nguyện vọng chuyển sang công tác giám tuyển chuyên nghiệp. 2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng a. Lý thuyết giám tuyển hiện đại, gồm nội dung về tư duy biên tập nội dung, xây dựng thông điệp và câu chuyện (storytelling) cho di sản văn hoá. b. Kỹ năng làm việc với thiết kế trưng bày, triển lãm; Giám tuyển trưng bày, triển lãm số, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và các ứng dụng tương tác đa phương tiện. c. Kỹ năng quản trị trưng bày, triển lãm, marketing văn hóa và xây dựng trải nghiệm khách tham quan.	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Ban hành cơ chế tài chính để ưu tiên thực hiện trong 3 lĩnh vực đột phá: Đào tạo và đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá và đặt hàng sáng tạo các công trình văn hoá, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, cán bộ cấp chiến lược, phát triển nguồn nhân lực văn hoá; chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng,	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
d. Kiến thức về luật pháp và đạo đức nghề nghiệp liên quan đến giám tuyển, gồm bản quyền tác phẩm, quy trình mượn - trả hiện vật quốc tế và đạo đức nghề nghiệp giám tuyển,… và các nội dung liên quan khác. 3. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài gồm các trường đại học quốc tế uy tín trong lĩnh vực Di sản văn hoá, các viên nghiên cứu chuyên ngành và các tổ chức nghề nghiệp quốc tế liên quan. 4. Thời gian đào tạo, bồi dưỡng được quy định từ 01 đến 06 tháng đối với các khóa bồi dưỡng ngắn hạn; từ 01 đến 02 năm đối với chương trình thạc sĩ và từ 04 đến 05 năm đối với chương trình tiến sĩ, bao gồm cả thời gian thực tập tại các bảo tàng, viện nghiên cứu lớn trong nước và nước ngoài. 5. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ.	nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức, người lao động, nhất là cán bộ chủ chốt và những người làm công tác văn hoá, nghệ thuật ở địa phương. Xây dựng và phát triển mạng lưới chuyên gia trong và ngoài nước về văn hoá.		
Điều 32. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao cho giám định di sản văn hóa 1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng a) Công chức, viên chức làm việc tại các trung tâm giám định hiện vật, bảo tàng công lập, viện nghiên cứu chuyên ngành (Khảo cổ, Hán Nôm, Lịch sử...). b) Các nhà khoa học trẻ thuộc lĩnh vực khảo cổ học vật lý, hóa học, sinh học hiện đang làm việc tại các đơn vị công lập liên quan có định hướng ứng dụng khoa học vào giám định di sản văn hoá chuyên nghiệp. 2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng a) Phương pháp giám định khoa học, gồm các kỹ năng sử dụng các thiết bị công nghệ cao (phân tích đồng vị carbon, tia X, quang phổ, soi vi mạch) để xác định niên đại và chất liệu. b) Giám định mỹ thuật, kỹ thuật và phong cách, gôm các kiến thức về kỹ năng phân tích đặc điểm tạo hình, hoa văn, kỹ thuật chế tác qua các thời kỳ lịch sử. c) Kỹ năng phát hiện hiện vật giả, gồm kỹ năng nhận diện các kỹ thuật làm giả cổ vật tinh vi và xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện vật thật - giả. d) Số hóa dữ liệu giám định, gồm các kỹ năng ứng dụng AI và Blockchain,… trong việc thiết lập hồ sơ số, truy xuất nguồn gốc và bảo mật thông tin di sản. đ) Nghiên cứu thị trường và định giá, gồm các kiến thức về thị trường cổ vật quốc tế, quy trình đấu giá và các quy định pháp luật về sở hữu di sản văn hoá.	Nghị quyết số 80-NQ/TW quy định: Ban hành cơ chế tài chính để ưu tiên thực hiện trong 3 lĩnh vực đột phá: Đào tạo và đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá và đặt hàng sáng tạo các công trình văn hoá, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, cán bộ cấp chiến lược, phát triển nguồn nhân lực văn hoá; chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức, người lao động, nhất là cán bộ chủ chốt và những	Dự thảo Nghị định đã thể chế đầy đủ	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
e) Những nội dung liên quan khác. 3. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài gồm các trường đại học quốc tế uy tín trong lĩnh vực Di sản văn hoá, các viên nghiên cứu chuyên ngành và các tổ chức nghề nghiệp quốc tế liên quan. 4. Thời gian đào tạo, bồi dưỡng được quy định từ 01 đến 06 tháng đối với các khóa bồi dưỡng ngắn hạn; từ 01 đến 02 năm đối với chương trình thạc sĩ và từ 04 đến 05 năm đối với chương trình tiến sĩ, bao gồm cả thời gian thực tập tại các bảo tàng, viện nghiên cứu lớn trong nước và nước ngoài. 5. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ.	người làm công tác văn hoá, nghệ thuật ở địa phương. Xây dựng và phát triển mạng lưới chuyên gia trong và ngoài nước về văn hoá.		

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 5. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa 1. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa thực hiện một hoặc một số chức năng sau đây: a) Kết nối hoạt động sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm, sản xuất, phân phối, khai thác và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ văn hóa; b) Cung cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, không gian sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ và các điều kiện cần thiết cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; c) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, ươm tạo tài năng, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, giải trí; d) Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghệ cao, chuyển đổi số, mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; đ) Kết nối doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, tổ chức nghiên cứu, nhà đầu tư, cộng đồng sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa và kết nối thị trường trong nước, quốc tế. 2. Việc hình thành, phát triển cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy; bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc; không làm biến dạng, xâm hại hoặc thương mại hóa trái pháp luật giá trị văn hóa, di sản văn hóa.	Chưa có quy định Nghị quyết 198/2025/QH15 chỉ quy định trường hợp ưu đãi khu/cụm công nghiệp công nghệ cao, cho doanh nghiệp thuộc tại các khu/cụm công nghiệp công nghệ cao, miễn thuế cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ cao, các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt làm việc tại các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ cao. Pháp luật chuyên ngành như: (i) Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp quy định về hoạt động đầu tư, kinh doanh; (ii) Luật Quy hoạch, Luật Đất đai, Luật Xây dựng quy định về quy hoạch, sử dụng đất, phát triển khu chức năng; (iii) các quy định về khu công nghiệp, khu kinh tế (Nghị định số 35/2022/NĐ-CP) điều chỉnh khu công nghiệp theo hướng sản xuất công nghiệp truyền thống.		Quy định tại dự thảo Nghị định
Điều 6. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa 1. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa thực hiện hoạt động sau đây: a) Cung cấp dịch vụ hỗ trợ về pháp lý, sở hữu trí tuệ, thiết kế, truyền thông, quảng cáo, marketing, phân phối, xúc tiến thương mại, đào tạo và phát triển tài năng;	Chưa có quy định về cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa Nghị định số 35/2022/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.		Quy định tại dự thảo

b) Kết nối hoạt động sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm, sản xuất, phân phối, khai thác và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ văn hóa; c) Cung cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, không gian sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ và các điều kiện cần thiết cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; d) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, ươm tạo tài năng, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, giải trí; đ) Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghệ cao, chuyển đổi số, mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; g) Kết nối doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, tổ chức nghiên cứu, nhà đầu tư, cộng đồng sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa và kết nối thị trường trong nước, quốc tế. 2. Việc hình thành, phát triển cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy; bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc; không làm biến dạng, xâm hại hoặc thương mại hóa trái pháp luật giá trị văn hóa, di sản văn hóa.	Nghị định số 32/2024/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.		Nghị định
Điều 7. Tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Tổ hợp sáng tạo văn hóa được tổ chức để thực hiện hoạt động sau đây: a) Cho thuê, khai thác, sử dụng không gian sáng tạo, không gian làm việc chung, không gian sáng tạo, không gian biểu diễn, trưng bày, triển lãm, trải nghiệm văn hóa; b) Tổ chức hoạt động sáng tạo, sản xuất, thử nghiệm, biểu diễn, giới thiệu, phân phối và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ văn hóa; c) Cung cấp dịch vụ hỗ trợ về pháp lý, sở hữu trí tuệ, thiết kế, truyền thông, quảng cáo, marketing, phân phối, xúc tiến thương mại, đào tạo và phát triển tài năng; d) Kết hợp phát triển thương mại, dịch vụ phù hợp với mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa, tập trung phát triển du lịch văn hóa, ẩm thực, giải trí, giáo dục trải nghiệm ; đ) Tổ chức sự kiện văn hóa, nghệ thuật, sáng tạo, tuần lễ sáng tạo, hội chợ, triển lãm, biểu diễn sản phẩm, dịch vụ văn hóa.	Chưa có quy định		Quy định tại dự thảo Nghị định

2. Tổ hợp sáng tạo văn hóa được hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp hoặc mô hình tổ chức hợp pháp khác.			
Điều 8. Điều kiện hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Điều kiện hình thành: a) Có địa điểm, ranh giới, quy mô, diện tích, phương án sử dụng đất, công trình, mặt bằng hoặc tài sản phù hợp với tính chất, mục tiêu, chức năng hoạt động; trong đó khu công nghiệp sáng tạo văn hóa có diện tích tối thiểu 10 ha, cụm công nghiệp sáng tạo văn hóa có diện tích từ 02 ha đến dưới 10 ha; tổ hợp sáng tạo văn hóa có diện tích tối thiểu 0,3 ha hoặc tối thiểu 5.000 m2 sàn sử dụng đối với tòa nhà, công trình cải tạo, tái thiết hoặc chuyển đổi công năng. Đối với các mô hình có tích hợp phân khu trải nghiệm, du lịch văn hóa, phải dành tối thiểu 10% diện tích sàn sử dụng cho các hoạt động công cộng, trưng bày và tương tác văn hóa; b) Có phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng, chuyển đổi công năng hoặc khai thác hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng dịch vụ, không gian sáng tạo và điều kiện bảo đảm vận hành; bảo đảm hạ tầng viễn thông, lưu trữ, xử lý dữ liệu, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu phù hợp quy mô, tính chất hoạt động; c) Có phương án tổ chức quản lý, vận hành, khai thác khả thi, hiệu quả, an toàn, công khai, minh bạch; có bộ máy quản lý, vận hành và cơ chế phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan; d) Có nguồn lực tài chính và phương án huy động nguồn lực tài chính hợp pháp để đầu tư, vận hành, duy trì hoạt động; đ) Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn lao động, bảo vệ di sản văn hóa, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và điều kiện khác theo quy định của pháp luật; e) Có cơ chế quản lý sở hữu trí tuệ, cơ chế bảo mật dữ liệu sáng tạo và chỉ tiêu đánh giá hiệu quả vận hành phù hợp với mô hình cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa hoặc tổ hợp sáng tạo văn hóa; g) Có phương án phân khu chức năng, bao gồm: Phân khu xây dựng, sáng tạo; sản xuất chính; phân khu hạ tầng kỹ thuật dùng chung; phân khu trình diễn, giới thiệu, trải nghiệm và giao lưu; phân khu lưu trú cho chuyên gia, cá nhân sáng tạo; phân khu đào tạo, nghiên cứu.	Chưa có quy định về điều kiện hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa và tổ hợp sáng tạo văn hóa. Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP quy định điều kiện thành lập, mở rộng cụm công nghiệp. Điều 9 Nghị định số 35/2022 quy định điều kiện đầu tư hạ tầng khu công nghiệp. Việc hình thành các khu chức năng, dự án đầu tư, sử dụng đất, xây dựng công trình được quy định rải rác trong nhiều luật chuyên ngành, cụ thể: (i) Khoản 2 Điều 4 Luật Quy hoạch 2025 quy định: "Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ." (ii) Luật Xây dựng 2014: quy định Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đầu tư xây dựng "Bảo đảm đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch, thiết kế, bảo vệ cảnh quan, môi trường; phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội, đặc điểm văn hóa của địa phương; bảo đảm ổn định cuộc sống của Nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu." (iii) Điều 5 Luật Đất đai 2024 quy định nguyên tắc sử dụng đất (iii) Điều 17 Luật Phòng cháy và chữa cháy 2024		

2. Lập Đề án hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa phải xác định mục tiêu duy trì tối thiểu 60% số lượng tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân hoặc diện tích sử dụng cho hoạt động thuộc danh mục ngành, lĩnh vực công nghiệp văn hóa; đồng thời phải cam kết lộ trình đạt tỷ lệ doanh thu từ IP quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. 3. Đối với các doanh nghiệp hoạt động nội khu, lộ trình đáp ứng tỷ lệ doanh thu từ IP được áp dụng quy định ưu đãi đặc thù như sau: a) Trong thời gian 02 năm đầu (24 tháng) kể từ ngày thành lập hoặc gia nhập cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa: miễn áp dụng chỉ tiêu tỷ lệ doanh thu IP. b) Từ năm thứ 3: tỷ lệ doanh thu IP trên tổng doanh thu hoạt động phải đạt tối thiểu 10%. c) Từ năm thứ 5 trở đi: tỷ lệ doanh thu IP phải đạt tối thiểu 20%. d) Trường hợp doanh nghiệp chưa đạt tỷ lệ doanh thu IP do đặc thù sản phẩm nội dung có chu kỳ nghiên cứu và sản xuất dài, doanh nghiệp được phép quy đổi bằng việc chứng minh chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) dành cho IP chiếm trên 30% tổng chi phí vận hành/năm của doanh nghiệp. Trường hợp tỷ lệ quy định tại Khoản này thấp hơn 60% hoặc không đáp ứng cam kết về doanh thu IP trong 03 năm liên tiếp, cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, đình chỉ, chấm dứt việc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù hoặc thu hồi quyết định, văn bản chấp thuận theo quy định của pháp luật. đ) Công thức tính tỷ lệ doanh thu IP/năm (TIP): $$T_{IP} = \frac{DT_{IP}}{DT_{Tổng}} \times 100\%$$ Trong đó: TIP: tỷ lệ doanh thu từ tài sản trí tuệ trong tổng doanh thu của doanh nghiệp trong năm tài chính. DTIP: tổng doanh thu từ việc chuyển quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ, tiền bản quyền, tiền cấp phép; từ phân phối, phổ biến, trình chiếu, phát sóng, truyền đạt, khai thác nội dung trên nền tảng số; doanh thu từ sản phẩm phái sinh dựa trên tài sản trí tuệ gốc và doanh thu khác từ IP quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. DTTổng: doanh thu hợp lệ của doanh nghiệp trong năm tài chính.			

3. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa chỉ được hình thành trên cơ sở đề án được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận theo quy định tại Nghị định này.			
Điều 9. Thẩm quyền quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Chính quyền địa phương tỉnh, thành phố trực thuộc trưng ương quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa trên địa bàn. 2. Tổ chức, cá nhân đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa chịu trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Nghị định này và gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Chưa có quy định về thẩm quyền phê duyệt, quản lý và vận hành đối với cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa và tổ hợp sáng tạo văn hóa. Điều 21 Nghị định 35/2022/NĐ-CP quy định thẩm quyền thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu kinh tế Điều 9 Nghị định 32/2024/NĐ-CP quy định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án và quản lý các khu chức năng được quy định tại Điều 25 Luật Đầu tư 2025, Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017 Các quy định này xác lập nguyên tắc phân cấp thẩm quyền và quản lý chung, nhưng chưa có quy định cụ thể áp dụng cho mô hình công nghiệp văn hóa với đặc thù liên ngành, tích hợp nhiều chức năng và chủ thể tham gia.		Quy định tại dự thảo Nghị định
Điều 10. Hồ sơ đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Hồ sơ gồm: a) Văn bản đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa; b) Đề án hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa gồm các nội dung chủ yếu sau: (i) Sự cần thiết, căn cứ pháp lý và mục tiêu hình thành; (ii) Tên gọi, địa điểm, ranh giới, quy mô, diện tích, diện tích sàn sử dụng (nếu có), phạm vi, nội dung hoạt động; phương án phân khu chức năng, phân khu dùng chung, phân khu trải nghiệm du lịch;	Chưa có quy định Điều 9 Nghị định 32/2024/NĐ-CP quy định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp Điều 15 Nghị định 35/2022/NĐ-CP quy định hồ sơ thành lập khu kinh tế		

(iii) Hiện trạng đất đai, công trình, tài sản, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng dịch vụ và điều kiện phục vụ hoạt động; (iv) Phương án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, lưu trữ, xử lý dữ liệu, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu; phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng, chuyển đổi công năng, khai thác và sử dụng hạ tầng, mặt bằng, công trình, tài sản; (v) Phương án tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, cung cấp dịch vụ hỗ trợ, bảo vệ và phát triển IP và kết nối thị trường; (vi) Phương án huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính; dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội, văn hóa, tác động môi trường; (vii) Phương án bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ di sản văn hóa, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và xử lý rủi ro trong quá trình hoạt động. c) Đối với trường hợp đề xuất hình thành cụm công nghiệp sáng tạo văn hóa và tổ hợp sáng tạo văn hóa có sử dụng đất, tài sản công, công trình công cộng, thiết chế văn hóa, thể thao, trụ sở, nhà xưởng, kho tàng hoặc công trình thuộc sở hữu nhà nước (hoặc di sản công nghiệp thuộc diện di dời), hồ sơ phải kèm theo tài liệu về hiện trạng pháp lý, phương án quản lý, sử dụng, khai thác, chuyển đổi công năng, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai, tài sản công, đầu tư, xây dựng và pháp luật có liên quan. d) Đối với trường hợp nằm trong khu vực có di sản văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị, khu vực bảo vệ di tích, không gian văn hóa truyền thống hoặc khu vực có yếu tố quốc phòng, an ninh, phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.			
Điều 11. Trình tự, thủ tục hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa lập hồ sơ theo quy định tại Điều 10 của Nghị định này và gửi đến ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân đề hoàn thiện hồ sơ. 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, lấy ý kiến của cơ quan có liên quan về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xây dựng, tài chính, tài sản công, môi trường, phòng cháy và chữa cháy,	Chưa có quy định Điều 16 Nghị định 35/2022/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục thành lập khu kinh tế Điều 10 Nghị định 32/2024/NĐ-CP quy định trình tự thành lập, mở rộng cụm công nghiệp		Quy định tại dự thảo Nghị định

an ninh, trật tự, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu, di sản văn hóa, khoa học và công nghệ, công thương, sở hữu trí tuệ và nội dung khác có liên quan. 4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong đó nêu rõ ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước. 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, trên cơ sở hồ sơ đề nghị và ý kiến của cơ quan có liên quan, cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định, lập báo cáo thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa. 6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa. Trường hợp không chấp thuận, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do (biểu mẫu quyết định ban hành kèm theo Phụ lục số…).			
Điều 12. Điều chỉnh, bổ sung, thu hồi quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Trường hợp thay đổi, bổ sung, điều chỉnh đơn vị quản lý, vận hành hoặc nội dung hoạt động mà không làm thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi và tính chất hoạt động của cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để theo dõi, cập nhật. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản ghi nhận hoặc yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, làm rõ nội dung thông báo. 2. Trường hợp nội dung điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi hoặc tính chất hoạt động, chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh quyết định hình thành theo quy định tại Nghị định này. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh; trường hợp không điều chỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 3. Quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa bị thu hồi trong các trường hợp sau: a) Không còn đáp ứng điều kiện hình thành, hoạt động theo quy định tại Nghị định này; b) Hoạt động không đúng mục tiêu, tính chất, chức năng, quy mô, phạm vi hoặc nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định;	Chưa có quy định Điều 18 Nghị định 35/2022/NĐ-CP quy định điều chỉnh ranh giới khu kinh tế		

c) Không duy trì tỷ lệ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân hoặc diện tích sử dụng cho hoạt động công nghiệp văn hóa theo quy định tại Điều 9 Nghị định này; d) Vi phạm đến mức phải xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ di sản văn hóa, sở hữu trí tuệ hoặc quy định pháp luật khác có liên quan; đ) Chủ đầu tư có văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động. 4. Trước khi thu hồi, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư và yêu cầu giải trình, khắc phục trong thời hạn 30 ngày làm việc, trừ trường hợp chủ đầu tư đề nghị chấm dứt hoạt động hoặc trường hợp phải thu hồi ngay để bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, di sản văn hóa hoặc lợi ích công cộng. 5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn khắc phục mà chủ đầu tư không khắc phục hoặc khắc phục không đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi. 6. Trường hợp chủ đầu tư đề nghị chấm dứt hoạt động, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 7. Quyết định thu hồi phải được gửi cho chủ đầu tư, cơ quan có liên quan và công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành quyết định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành. Chủ đầu tư có trách nhiệm chấm dứt việc sử dụng tên gọi cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.			
Điều 13. Tiêu chí thí điểm mô hình đô thị di sản văn hóa Mô hình đô thị di sản xây dựng thí điểm tại các địa phương được đầu tư tu bổ, tôn tạo, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa để đáp ứng các tiêu chí sau đây: 1. Hình thành quần thể kiến trúc đô thị, nông thôn, địa điểm cư trú, khu vực đô thị và nông thôn, công trình công nghiệp chứa đựng công trình kiến trúc và không gian lịch sử, văn hóa có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển của lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật; 2. Hình thành các nhóm công trình xây dựng, các nhóm công trình liên hoàn có tính đồng nhất về kiến trúc và cảnh quan hoặc có giá trị nổi bật về văn hoá, khoa học, lịch sử theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá;	Chưa có quy định tiêu chí để nhận diện đô thị di sản		Quy định tại dự thảo Nghị định

3. Các địa điểm, khu vực trong lòng đất và dưới nước đã phát hiện di tích, di vật hoặc có dấu hiệu lưu giữ di tích, di vật có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; 4. Cảnh quan thiên nhiên, môi trường - sinh thái và không gian cảnh quan vật chất tự nhiên chứa đựng giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ cùng không gian văn hóa vật thể và phi vật thể liên quan có tầm quan trọng trong việc hình thành giá trị của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được bảo tồn và phát huy giá trị theo hướng gắn kết không gian di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể với cộng đồng chủ thể; 5. Có nhiều di sản văn hóa vật thể hoặc di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu trên địa bàn được công nhận, xếp hạng, ghi danh UNESCO và quốc gia; thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát huy giá trị gắn với phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa; Ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách đặc thù trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với nghệ nhân; 6. Có kinh nghiệm thực tiễn trong công tác đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa bảo đảm nguyên tắc bảo tồn và yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa theo hướng ổn định, lâu dài, bền vững; lấy di sản văn hoá làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa có hiệu quả, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và GRDP của địa phương; 7. Thực hiện tốt việc phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với giáo dục truyền thống, du lịch văn hóa, tạo sinh kế cho cộng đồng và phát triển bền vững.			
Điều 14. Cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai Chính quyền địa phương thực hiện thí điểm mô hình đô thị di sản văn hóa được quyết định cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai như sau: 1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chỉ tiêu sử dụng đất ngoài các chỉ tiêu đã được phân bổ theo quy hoạch sử dụng đất quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực di sản văn hóa, công nghiệp văn hóa. Chỉ tiêu sử dụng đất bổ sung được cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thời kỳ tiếp theo theo quy định; 2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức áp dụng cơ chế ưu đãi đơn giá thuê đất theo từng không gian đặc thù, bảo đảm mức tối đa không vượt quá 50% so với mức quy định hiện hành, để thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ,	Chưa có quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai đối với các địa phương được lựa chọn thí điểm mô hình đô thị di sản văn hóa. Điều 65 Luật Đất đai 2024 và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định về tiêu chí phân bổ các chỉ tiêu trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh cho quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.		Quy định tại dự thảo Nghị định

du lịch, dự án đầu tư công - quản trị tư, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực di sản văn hóa, thực hiện các đề án khai thác kinh tế di sản, phát triển công nghiệp văn hóa theo quy hoạch, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong khu vực di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới (sau đây gọi chung là di tích) trong trường hợp bảo đảm không ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành và cảnh quan văn hóa của di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Mức áp dụng cơ chế ưu đãi đơn giá thuê đất theo từng không gian đặc thù do các tỉnh/thành phố thí điểm đô thị di sản quyết định; 3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giá thuê mặt bằng khai thác dịch vụ tại các di tích thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, làm cơ sở để tổ chức đấu thầu, đấu giá theo hình thức cho thuê mặt bằng tại di tích trong trường hợp bảo đảm không ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành và cảnh quan văn hóa của di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; 4. Ngân sách đô thị di sản được giữ lại 50 % số tiền thu được từ khai thác dịch vụ di sản văn hóa sau khi trừ các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc tổ chức khai thác dịch vụ bao gồm chi phí xác định giá, chi phí tổ chức đấu giá, chi phí trong lựa chọn nhà thầu, chi phí điện nước, nhân công và các chi phí có liên quan khác thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật (nếu có) để tái đầu tư cho hoạt động dịch vụ di sản văn hóa, bổ sung nguồn chi thường xuyên hằng năm sử dụng cho công tác quản lý và hoạt động của đơn vị được giao quản lý, sử dụng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan và được xác định là nguồn thu hợp pháp của đơn vị; trích lập các quỹ theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập; 5. Ngân sách đô thị di sản được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới) do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh (trừ cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của địa bàn; 6. Ngân sách địa phương thí điểm đô thị di sản được hưởng toàn bộ các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất và tiền cho thuê mặt bằng khai thác dịch vụ tại di tích, thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương quy định tại khoản 2	Chương III Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về căn cứ tính tiền thuê đất, đơn giá thuê đất đối với các công trình khác nhau. Khoản 2 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước 2025 quy định khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý. Địa phương được hưởng tối đa 85%. Điểm b khoản 2 Điều 42 Luật quy định cơ sở xác định số bổ sung cân đối giữa trung ương và địa phương bao gồm khoản thu tiền sử dụng đất ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 36.		

và khoản 3 Điều này để tái đầu tư hạ tầng đô thị di sản, thực hiện bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và các hoạt động bảo vệ phát huy giá trị di tích, di sản văn hóa, công nghiệp văn hóa; 7. Các khoản thu quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.			
Điều 15. Cơ chế, chính sách ưu đãi về phí, lệ phí Chính quyền địa phương thực hiện thí điểm mô hình đô thị di sản được quyết định cơ chế, chính sách ưu đãi về phí, lệ phí như sau: 1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định ban hành mức thu phí dịch vụ tại di tích, lệ phí ngoài Danh mục phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí; 2. Ngân sách địa phương được hưởng toàn bộ các khoản thu từ phí, lệ phí do Hội đồng nhân dân ban hành ngoài Danh mục phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí; 3. Phí thăm quan di tích trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thí điểm mô hình đô thị di sản phải nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ chi phí được trích để lại cho đơn vị sự nghiệp công lập để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. Ngân sách địa phương được bố trí đầu tư tương ứng số thu phí thăm quan nộp vào ngân sách nhà nước để thực hiện đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn; 4. Các khoản thu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.	Điểm e khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước 2025 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật; được phép ban hành một số khoản thu phí, lệ phí ngoài danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí. Khoản 1 Điều 39 Luật Ngân sách nhà nước 2025 quy định phí thu từ các hoạt động dịch vụ và lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện là các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước. Điểm b Khoản 2 Điều 42 Luật Ngân sách nhà nước 2025 quy định cơ sở xác định số bổ sung cân đối giữa trung ương và địa phương bao gồm khoản Các khoản thu phí, lệ phí ngoài Danh mục phí, lệ phí được quy định tại Luật Phí và lệ phí quy định tại điểm e khoản 9 Điều 31.		Quy định tại dự thảo Nghị định
Điều 16. Đặt hàng đối với hoạt động sáng tạo văn hóa sử dụng ngân sách nhà nước 1. Việc đặt hàng sản xuất phim, phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 131/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu và các quy định liên quan.	Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cụng cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước. Chưa quy định khoán chi kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa.		Quy định tại dự thảo Nghị định

2. Việc tổ chức các chương trình nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền bản quyền, phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang và các quy định khác có liên quan. 3. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cụng cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. 4. Cơ chế giá đặt hàng đối với sản phẩm văn hoá như tác phẩm văn học, chương trình biểu diễn nghệ thuật được xác định theo mức khoán chi thí điểm quy định tại Điều 16 Nghị định này do cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án giá. 5. Đối với các công trình, tác phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật có thời gian thực hiện kéo dài hơn 01 năm thì giá đặt hàng được xác định tại năm đầu tiên cho công trình, tác phẩm hoàn thiện. Việc điều chỉnh giá đặt hàng (nếu có) thực hiện theo quy định của Luật Giá và các văn bản có liên quan.			
Điều 17. Hỗ trợ kinh phí sáng tạo, phổ biến các công trình, tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật 1. Nhà nước bảo đảm chi cho các hoạt động sáng tạo a) Chi cho các chức danh sáng tạo tác phẩm theo quy định của pháp luật về nhuận bút thù lao đối vói tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác. b) Chi cho các hoạt động truyền dạy, sưu tầm, dàn dựng nhằm bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống theo định mức kinh tế-kỹ thuật. c) Chi cho các tác giả viết, sáng tác đề cương tác phẩm văn học được Hội đồng thẩm định quyết định lựa chọn để hỗ trợ tác phẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 350/2025/NĐ-CP quy định về khuyến khích phát triển văn học. d) Chi cho các tác giả viết, sáng tác tác phẩm văn học hoàn chỉnh được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại Chương II Nghị định 350/2025/NĐ-CP. Ngân sách nhà nước bảo đảm chi cho tác giả được lựa chọn theo một trong hai hình thức sau đây:	Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cụng cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.		Quy định tại dự thảo Nghị định

d1) Trong thời hạn 80 ngày làm việc, tác giả hoàn thành tác phẩm viết, sáng tác tác phẩm văn học và gửi đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Nghị định 350/2025/NĐ-CP. Trong thời gian này, tác giả được chi trả theo lương tối thiểu của viên chức hạng II, bậc 1, loại A2.1; d2) Kinh phí ăn, nghỉ của các tác giả được lựa chọn khi tham gia trại viết, trại sáng tác văn học tổ chức theo quy định tại Chương III Nghị định 350/2025/NĐ-CP. đ) Chi cho sản xuất phim theo quy định tại Điều 7 và 8 của Nghị định số 131/2022/NĐ-CP, theo quy định của pháp luật về nhuận bút thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác và định mức kinh tế-kỹ thuật. e) Chương trình nghệ thuật biểu diễn đặt hàng cho các đơn vị công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo đúng chức năng nhiệm vụ để phục vụ nhiệm vụ chính trị quốc gia, Bộ, ngành và địa phương theo thí điểm khoán chi quy định Điều 16 Nghị định này . 2. Hỗ trợ kinh phí sáng tạo a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho tác giả có kịch bản phim thuộc các loại hình: phim truyện, phim hoạt hình, phim tài liệu, phim khoa học có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật đã được Hội đồng Trung ương thẩm định và tuyển chọn kịch bản phim thẩm định. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các tiêu chí thẩm định cụ thể của Hội đồng Trung ương thẩm định và tuyển chọn kịch bản phim b) Hỗ trợ tác giả thoả thuận chuyển giao các tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật cho cơ quan tổ chức công lập để phổ biến phát hành rộng rãi cho nhân dân. 3. Hỗ trợ phổ biến a) Đối với tác phẩm văn học: a1) Công bố tác phẩm văn học trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 10 ngày làm việc theo quy định tại Điều 13 Nghị định 350/2025/NĐ-CP; a2) Phổ biến trên môi trường số trong thời gian 03 năm kể từ ngày công bố, phát hành trên nền tảng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý và khuyến khích tại các nền tảng khác trên cơ sở thoả thuận phù hợp với quy định về bản quyền; a3) Gửi tác phẩm văn học ra nước ngoài dự thi, giới thiệu theo quy định tại Điều 33 Nghị định 350/2025/NĐ-CP. Tác phẩm văn học được hỗ trợ khi đáp ứng			

đồng thời tiêu chí tại Điều 43 Luật Xuất bản và Điều 28 Nghị định 350/2025/NĐ-CP; a4) Hỗ trợ chi phí dịch thuật theo mức khoán chi văn bản tiếng Việt sang tiếng nước ngoài quy định tại mục C Phụ III Nghị định 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. b) Đối với các chương trình nghệ thuật biểu diễn b1) Hỗ trợ các đơn vị nghệ thuật tổ chức biểu diễn chương trình nghệ thuật đáp ứng tiêu chí tại Điều 16 Nghị định này với mục đích biểu diễn phục vụ công chúng, bảo đảm biểu diễn ít nhất 10 buổi biểu diễn tại các vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa. Kinh phí hỗ trợ gồm chi phí bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn theo mức chi tại Nghị định quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang. b2) Hỗ trợ phát sóng các chương trình biểu diễn nghệ thuật theo Điều 27 của Nghị định này.			
Điều 18. Khoán chi kinh phí cho các hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa đối với sản xuất phim, nghệ thuật biểu diễn 1. Nội dung khoán chi từng phần cho các hoạt động sáng tạo nghệ thuật biểu diễn bao gồm: a) Chi hỗ trợ tập luyện theo mức chi tại Nghị định quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang; b) Chi cho chức danh sáng tạo tác phẩm theo mức khoán chi theo quy định của pháp luật về nhuận bút thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác; c) Chi cho nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư tiêu hao phục vụ hoạt động sáng tạo. 2. Cơ sở xác định mức khoán chi theo một trong các phương thức xác định tương đương như sau: a) Định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành;	Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cụng cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước. Chưa quy định khoán chi kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa.		

b) Theo số lượng, khối lượng, đơn giá, giá dịch vụ, quyết toán năm trước liền kề với sự kiện tương tự có dự kiến biến động các yếu tố chi phí đầu vào; c) Giá trúng thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia; d) Giá tối đa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được công bố trên Hệ thống giá Quốc gia. 3. Nội dung khoán chi từng phần cho các hoạt động sáng tạo điện ảnh Khoán chi buổi ra mắt, công bố giới thiệu phim đối với phim truyện sản xuất sử dụng ngân sách nhà nước. Mức khoán chi căn cứ mức chi đã thực hiện và quyết toán của năm trước liền kề.			
Điều 19. Chính sách hỗ trợ, thúc đẩy quảng bá hình ảnh Việt Nam 1. Nhà nước tổ chức Tuần Văn hóa Việt Nam; chương trình giao lưu nghệ thuật Việt Nam ở nước ngoài do trung ương tổ chức kỷ niệm thiết lập quan hệ ngoại giao với các quốc gia, đối tác quan trọng của Việt Nam trên thế giới, phục vụ các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước ở nước ngoài; chương trình giao lưu nghệ thuật tại nước ngoài do địa phương chủ trì tổ chức tại các thủ đô, thành phố kết nghĩa ở nước ngoài; Kinh phí tổ chức các sự kiện tại các điểm này được Nhà nước hỗ trợ 100% cho các hoạt động sau đây: a) Thuê địa điểm tổ chức chương trình tại nhà hát, bảo tàng, quảng trường, trung tâm hội nghị và các không gian phù hợp theo yêu cầu thực tế; b) Thiết kế và dàn dựng sân khấu; c) Trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, kỹ thuật phục vụ biểu diễn tại nước sở tại; d) Vận chuyển nhạc cụ, đạo cụ, trang phục, hiện vật triển lãm và các sản phẩm văn hóa từ Việt Nam đến địa điểm tổ chức và ngược lại; đ) Chi phí bản quyền tác giả, tác phẩm phục vụ chương trình theo quy định; Hoạt động truyền thông, quảng bá trên cơ quan báo chí, truyền thông, mạng xã hội; e) In ấn tờ rơi, áp phích, bộ nhận diện sự kiện tại nước sở tại; g) Thuê chuyên gia, cộng tác viên, tình nguyện viên tại nước sở tại phục vụ công tác tổ chức, phiên dịch và hướng dẫn; h) Thù lao cho nghệ sĩ tham gia chương trình. Kinh phí cử đoàn ra nước ngoài thực hiện sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của Nhà nước về cử cán bộ đi công tác ngắn hạn. Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài hỗ trợ miễn phí thủ tục pháp lý, kết nối với chính quyền địa phương và huy động các nguồn lực cộng đồng tại chỗ tham gia	Nghị định số 129/2026/NĐ-CP quy định về các khoản chi sử dụng ngân sách trung ương chi cho hoạt động đối ngoại, không bao gồm các khoản chi cho hoạt động văn hóa nghệ thuật, các thủ tục pháp lý. Ngân sách nhà nước chi cho các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước chưa được quy định. Chưa có quy định về việc Nhà nước hỗ trợ kinh phí kinh phí truyền dạy và biểu diễn nghệ thuật truyền thống ở nước ngoài.		Quy định tại dự thảo Nghị định

phối hợp tổ chức các sự kiện. Các tổ chức, cá nhân tài trợ cho sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này được quảng bá thương hiệu, sản phẩm tại sự kiện đó. 2. Truyền dạy và biểu diễn nghệ thuật truyền thống ở nước ngoài: a) Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức các lớp truyền dạy, giới thiệu nghệ thuật truyền thống Việt Nam ở nước ngoài do các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài tổ chức, bao gồm: kinh phí mua sắm các nhạc cụ, trang phục truyền thống, vận chuyển các nhạc cụ, trang phục truyền thống sang địa bàn và kinh phí tổ chức lớp học. b) Nhà nước thực hiện đặt hàng hoặc hỗ trợ kinh phí cho các hội đoàn người Việt, các trường đại học nước ngoài có khoa Việt Nam học để tổ chức các lớp truyền dạy, biểu diễn nghệ thuật truyền thống Việt Nam ở nước ngoài. c) Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú được cử đi truyền dạy, biểu diễn tại nước ngoài được hưởng mức thù lao chuyên gia theo quy định đặc thù, cao hơn 1,5 lần so với định mức công tác phí thông thường áp dụng cho cán bộ, công chức. Chuyên gia tại chỗ được hưởng thù lao, hỗ trợ chi phí đi lại. d) Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng hệ thống bài giảng điện tử, video hướng dẫn đa ngôn ngữ (phụ đề hoặc lồng tiếng) các bộ môn nghệ thuật truyền thống để phổ biến đến các cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. đ) Nhà nước xây dựng "Kho tàng số Nghệ thuật truyền thống", cấp quyền truy cập miễn phí cho các học viên tại nước ngoài vào cơ sở dữ liệu quốc gia về âm nhạc, vũ điệu và kịch bản tuồng, chèo, cải lương để phục vụ biểu diễn phi lợi nhuận. e) Nhà nước có chính sách khen thưởng đối với các cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong công tác truyền dạy và biểu diễn nghệ thuật truyền thống ở nước ngoài. 3. Dạy tiếng Việt a) Nhà nước xây dựng giáo trình dạy tiếng Việt phù hợp theo địa bàn. Định kỳ 02 năm một lần, Nhà nước thực hiện cấp tặng miễn phí bộ sách giáo khoa tiếng Việt chuẩn và tài liệu hướng dẫn văn hóa cho các Trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, các cơ sở giáo dục, câu lạc bộ văn hóa, các lớp học cộng đồng cuối tuần hoặc sau giờ học của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đăng ký thực hiện dạy và học tiếng Việt. b) Ngân sách nhà nước chi trả 100% chi phí tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trực tuyến hoặc trực tiếp cho giáo viên, tình nguyện viên dạy tiếng Việt tại nước ngoài. Định kỳ một năm tổ chức 01 lần.	Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 14/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 về Đề án "Nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài", trong đó quy định việc xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu học tiếng Việt, Tổ chức bồi dưỡng giáo viên, tình nguyện viên dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài		

4. Nhân rộng mô hình khu phố Việt Nam, làng Việt Nam, các mô hình câu lạc bộ văn hóa, võ dân tộc, ẩm thực Việt Nam, học tiếng Việt tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc. a) Hỗ trợ đối với mô hình Khu phố Việt Nam, Làng Việt Nam: a1) Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thiết kế phối cảnh kiến trúc, cổng chào, biển bảng và các biểu tượng văn hóa đặc trưng để tạo sự thống nhất về nhận diện thương hiệu văn hóa quốc gia. a2) Hỗ trợ cung cấp hiện vật phục vụ trang trí không gian chung bao gồm: tranh ảnh di sản, sản phẩm thủ công mỹ nghệ tiêu biểu, tư liệu giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. a3) Ưu tiên đưa các mô hình Khu phố Việt Nam, Làng Việt Nam vào danh mục địa điểm quảng bá trong các chương trình xúc tiến du lịch quốc gia và các diễn đàn kinh tế quốc tế. b) Hỗ trợ đối với mô hình câu lạc bộ văn hóa, võ dân tộc, ẩm thực: b1) Hỗ trợ chuyên môn: Miễn phí cung cấp hệ thống giáo trình, phim tư liệu hướng dẫn kỹ thuật võ thuật dân tộc (Vovinam, võ cổ truyền), công thức chuẩn hóa các món ăn ẩm thực tiêu biểu Việt Nam. b2) Cung cấp định kỳ 02 năm một lần các gói hỗ trợ bao gồm: võ phục, thảm tập, dụng cụ thi đấu võ thuật; dụng cụ trình diễn ẩm thực và trang phục dân tộc phục vụ hoạt động câu lạc bộ. b3) Nhà nước hỗ trợ kinh phí tổ chức các giải thi đấu võ thuật, hội thi ẩm thực Việt Nam, liên hoan nghệ thuật truyền thống quy mô khu vực hoặc toàn cầu để gắn kết các câu lạc bộ. c) Hỗ trợ đối với mô hình học tiếng Việt: c1) Hỗ trợ xây dựng và duy trì các tủ sách truyền thống và thư viện số tại các trung tâm cộng đồng, cung cấp miễn phí sách giáo khoa, truyện tranh, báo chí tiếng Việt phù hợp với từng lứa tuổi. c2) Nhà nước đầu tư và duy trì hệ thống cổng học tập trực tuyến (E-learning) đa ngôn ngữ dành cho người Việt Nam ở nước ngoài; cung cấp miễn phí tài khoản học tập cho người học tại các địa bàn trọng điểm. c3) Khen thưởng và học bổng: Hàng năm xét chọn và cấp học bổng cho thanh thiếu niên người Việt ở nước ngoài có thành tích xuất sắc trong học tập tiếng Việt để tham gia trại hè và các khóa trải nghiệm văn hóa ngắn hạn tại Việt Nam.	Chưa có quy định		

Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan nhân rộng các mô hình học tiếng Việt hiệu quả tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc.			
Điều 20. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, xuất khẩu sản phẩm văn hóa tiêu biểu ra nước ngoài 1. Doanh nghiệp có sản phẩm văn hóa thuộc danh mục sản phẩm văn hóa tiêu biểu của Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định, được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động sau đây: a) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả tại thị trường nước ngoài; b) Thuê chuyên gia tư vấn định hướng thị trường, thiết kế bao bì, nhãn mác phù hợp với văn hóa nước sở tại; c) Biên dịch, phụ đề, lồng tiếng và chuyển đổi định dạng kỹ thuật phục vụ xuất khẩu sản phẩm văn hóa. 2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% mức chi do cơ quan có thẩm quyền quyết định. 3. Điều kiện thụ hưởng hỗ trợ: a) Doanh nghiệp có hồ sơ dự án quảng bá, xuất khẩu sản phẩm văn hóa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; b) Sản phẩm văn hóa xuất khẩu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật khác có liên quan. 4. Tiêu chí xác định, quy trình hỗ trợ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Nghị định số 129/2026/NĐ-CP quy định về các khoản chi sử dụng ngân sách trung ương chi cho hoạt động đối ngoại, không bao gồm các khoản chi hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, xuất khẩu sản phẩm văn hóa tiêu biểu ra nước ngoài.		Quy định tại dự thảo Nghị định
Điều 21. Xây dựng và thực hiện trưng bày chuyên đề các sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới phục vụ nhiệm vụ chính trị, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam 1. Việc lựa chọn sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam để thực hiện trưng bày hoặc kết hợp trưng bày gắn với các hoạt động thực hành, giáo dục di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi chung là trưng bày chuyên đề) tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới, phục vụ nhiệm vụ chính trị, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam được thực hiện bảo đảm các yêu cầu sau: a) Hiện vật trong sưu tập được lựa chọn phải có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học tiêu biểu; ưu tiên các hiện vật là bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm phản ánh đặc trưng văn hóa các thời kỳ lịch sử, các vùng miền hoặc các di sản văn hóa của Việt Nam;	Điều 35 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP quy định các trường hợp, trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép mang di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài. Chưa có quy định cụ thể tiêu chí lựa chọn bảo tàng tại nước ngoài, các hiện vật, sưu tập được đưa ra nước ngoài phục vụ nhiệm vụ chính trị, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam, các khoản chi được Nhà nước hỗ trợ.		Quy định tại dự thảo Nghị định

b) Hiện vật trong sưu tập phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và thuộc quyền sở hữu, quản lý hợp pháp của Nhà nước Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; c) Hiện vật trong sưu tập phải được cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương đánh giá bảo đảm về tình trạng vật lý để vận chuyển và trưng bày. Phải thực hiện định giá hiện vật làm cơ sở mua bảo hiểm và lập phương án bảo vệ, bảo quản nghiêm ngặt trong suốt quá trình từ khi rời kho lưu giữ cho đến khi hoàn trả về Việt Nam theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. d) Sưu tập phải được xây dựng theo chủ đề khoa học, có đề cương trưng bày chặt chẽ, hấp dẫn, gắn liền với mục tiêu quảng bá hình ảnh quốc gia và phù hợp với định hướng đối ngoại của Đảng và Nhà nước, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt. 2. Tiêu chí lựa chọn bảo tàng có uy tín trên thế giới để phối hợp tổ chức trưng bày: a) Bảo tàng tiếp nhận trưng bày chuyên đề phải là các tổ chức văn hóa có uy tín, có tầm ảnh hưởng tích cực tại quốc gia sở tại hoặc trên thế giới; có lượng khách tham quan ổn định và khả năng lan tỏa truyền thông cao; b) Phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế về bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy và các thông số kỹ thuật về môi trường trưng bày (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng) phù hợp với yêu cầu bảo quản đối với từng loại chất liệu của hiện vật Việt Nam; c) Bảo tàng đối tác phải ký kết thỏa thuận hợp tác bằng văn bản, cam kết đảm bảo quyền sở hữu của Việt Nam đối với hiện vật; tuân thủ các quy định quốc tế về quyền miễn trừ tịch thu tư pháp và các thủ tục hải quan, vận chuyển theo quy định của cả hai bên; c) Ưu tiên các bảo tàng tại các địa bàn trọng điểm về đối ngoại, các trung tâm văn hóa lớn của thế giới nhằm tối ưu hóa mục tiêu chính trị, văn hóa và phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa. 3. Việc xây dựng và tổ chức trưng bày chuyên đề các sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới được thực hiện như sau: a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức đoàn khảo sát, ký kết hợp tác tổ chức trưng bày giới thiệu di sản văn hóa Việt Nam tại bảo tàng có uy tín trên thế giới;			

b) Nghiên cứu, xây dựng nội dung, xây dựng danh mục hiện vật trong sưu tập dự kiến trưng bày, đề cương trưng bày, biên soạn nội dung thuyết minh trưng bày; dịch thuật tư liệu phục vụ trưng bày, quảng bá... trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, phê duyệt; c) Tổ chức thiết kế tổng thể trưng bày; thiết kế đồ họa trưng bày; thiết kế ứng dụng công nghệ và các thiết kế phục vụ quảng bá, giới thiệu về trưng bày; d) Tổ chức vận chuyển hiện vật, gồm đóng gói chuyên dụng, vận chuyển quốc tế và bảo quản tạm thời tại nước ngoài; thuê chuyên gia giám sát vận chuyển, bảo quản đi kèm sưu tập trong suốt quá trình vận chuyển và trưng bày; e) Xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho hiện vật và mua bảo hiểm quốc tế cho toàn bộ sưu tập hiện vật; g) Tổ chức lắp dựng trưng bày tại địa điểm trưng bày; lắp đặt các thiết bị an ninh, tủ trưng bày chuyên dụng tại điểm trưng bày; h) Tổ chức các hoạt động giáo dục di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, hoạt động truyền thông gắn với nội dung trưng bày; i) Tổ chức lễ khai mạc trưng bày chuyên đề, các hoạt động truyền thông và giới thiệu di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể tại bảo tàng nước ngoài. 4. Kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ cho xây dựng và tổ chức thực hiện trưng bày chuyên đề được bố trí để chi cho các nội dung, nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này; nội dung và định mức chi áp dụng theo quy định tại Nghị định 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.			
Điều 22. Chính sách hoàn thuế cho đoàn làm phim nước ngoài sử dụng bối cảnh tại Việt Nam 1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam được hưởng chính sách hoàn thuế đối với những bộ phim góp phần quảng bá đất nước, con người, du lịch Việt Nam. 2. Nguyên tắc thực hiện chính sách hoàn thuế a) Cơ chế hoàn thuế quy định tại Điều này là cơ chế đặc thù thực hiện theo Nghị quyết số 28/2026/QH16 và được áp dụng độc lập với cơ chế hoàn thuế giá trị gia tăng theo pháp luật về thuế;	Điều 29 Nghị định số 181/2025 quy định hoàn thuế đối với xuất khẩu, trong đó quy định hoàn thuế đối với dịch vụ xuất khẩu		Quy định tại dự thảo Nghị định

b) Việc hoàn thuế được thực hiện thông qua cơ chế khấu trừ, giảm trừ hoặc hoàn trả trực tiếp vào nghĩa vụ thuế phải nộp đối với hoạt động cung cấp dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam; c) Việc hoàn thuế chỉ áp dụng đối với dịch vụ sản xuất phim, bối cảnh quay phim, nhân lực, thiết bị kỹ thuật và các dịch vụ hợp pháp khác phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim truyền hình, phim tài liệu, phim hoạt hình, video ca nhạc hoặc chương trình ghi hình thực tế tại Việt Nam; d) Không áp dụng cơ chế hoàn thuế sau đầu tư theo quy định chung của pháp luật về thuế. 3. Điều kiện được hưởng chính sách hoàn thuế Tổ chức, cá nhân nước ngoài được xem xét hoàn thuế khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Có giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về điện ảnh; b) Có sử dụng dịch vụ sản xuất phim, bối cảnh quay phim, nhân lực, thiết bị kỹ thuật và các dịch vụ hợp pháp khác tại Việt Nam phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim truyền hình, phim tài liệu, phim hoạt hình. c) Nội dung phim góp phần quảng bá đất nước, con người, du lịch Việt Nam, không vi phạm Điều 9 Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15; d) Có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan. 4. Các khoản chi phí được hoàn thuế bao gồm: a) Chi phí thuê, sản xuất bối cảnh quay phim tại Việt Nam; b) Chi phí thuê dịch vụ kỹ thuật điện ảnh, hậu kỳ, dựng phim, âm thanh, kỹ xảo và các dịch vụ sản xuất phim khác tại Việt Nam; c) Chi phí mua, thuê thiết bị phục vụ hoạt động quay phim tại Việt Nam. 5. Mức hoàn thuế a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này được áp dụng mức hoàn thuế cơ bản bằng 3% tổng chi phí hợp lệ phát sinh tại Việt Nam. b) Mức hoàn thuế bổ sung: b1) Tổ chức, cá nhân nước ngoài được hoàn thuế theo quy định tại điểm a khoản này được hoàn thuế thêm 1% đối với bộ phim có hình ảnh địa danh, di sản, danh lam thắng cảnh, biểu tượng văn hóa Việt Nam được UNESCO công nhận xuất hiện trong phim với thời lượng từ 10 phút trở lên hoặc xuất hiện xuyên suốt bộ phim;			

b2) Tổ chức, cá nhân nước ngoài được hoàn thuế theo quy định tại điểm a khoản này được hoàn thuế thêm 1% đối với bộ phim thực hiện hậu kỳ, dựng phim, âm thanh, kỹ xảo hoặc xử lý hình ảnh tại Việt Nam. c) Tổng mức hoàn thuế tối đa không vượt quá 5% tổng chi phí hợp lệ phát sinh tại Việt Nam hoặc không quá 50% số thuế giá trị gia tăng thực tế phát sinh tại Việt Nam đối với hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện hoàn thuế. 6. Hồ sơ đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế bao gồm: a) Văn bản đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế theo mẫu số… tại Phụ lục số… ban hành kèm theo Nghị định này; b) Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam; c) Hợp đồng cung cấp dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam; d) Kế hoạch sản xuất phim và dự toán chi phí phát sinh tại Việt Nam; đ) Danh mục hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan. 7. Trình tự, thủ tục thực hiện hoàn thuế a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam đặt trụ sở chính; b) Xác nhận đủ điều kiện áp dụng cơ chế hoàn thuế. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thẩm định điều kiện áp dụng cơ chế hoàn thuếxác nhận nội dung dự kiến phù hợp điều kiện hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này. c) Sau khi hoàn thành phim, có bản phim hoàn chỉnh và được phép phổ biến hoặc phát hành tại nước sở tại hoặc quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam nộp hồ sơ quyết toán hoàn thuế đến cơ quan có thẩm quyền. d) Cơ quan có thẩm quyền căn cứ bản phim hoàn chỉnh, tài liệu phát hành, nội dung thực tế của phim và mức độ quảng bá hình ảnh Việt Nam để xác nhận mức hoàn thuế bổ sung quy định tại điểm b khoản 5 Điều này. đ) Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ quyết toán, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, số thuế thực tế phát sinh, hóa đơn, chứng từ hợp pháp để thực hiện khấu trừ, giảm trừ hoặc hoàn trả trực tiếp. e) Thời hạn giải quyết hoàn thuế thực hiện trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			

g) Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan chuyên môn về tài chính và cơ quan thuế có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm việc thực hiện cơ chế hoàn thuế quy định tại Điều này. h) Trường hợp tổ chức cá nhân nước ngoài và Việt Nam kê khai không đúng, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, sử dụng chính sách không đúng mục đích hoặc không đáp ứng điều kiện hưởng chính sách theo quy định của Nghị định này thì bị thu hồi số thuế đã được hoàn và xử lý theo quy định của pháp luật. 8. Thủ tục để hoàn thuế về tài khoản của tổ chức, cá nhân nước ngoài. 9. Chính sách hỗ trợ của địa phương đối với hoạt động sản xuất phim sử dụng bối cảnh tại địa phương: a) Căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định chính sách hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hoạt động quay phim, sản xuất phim sử dụng bối cảnh tại địa phương nhằm quảng bá hình ảnh, văn hóa, du lịch của địa phương và Việt Nam, phù hợp quy định Luật Ngân sách nhà nước b) Nội dung hỗ trợ bao gồm: b1) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, bối cảnh quay phim tại địa phương; b2) Hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, mặt bằng, công trình công cộng phục vụ hoạt động quay phim; b3) Hỗ trợ chi phí quảng bá, truyền thông, phát hành phim gắn với quảng bá hình ảnh địa phương; b4) Hỗ trợ chi phí tổ chức sản xuất phim, hậu cần, lưu trú, vận chuyển và các hoạt động phục vụ trực tiếp quá trình quay phim tại địa phương; c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định: c1) Mức hỗ trợ cụ thể đối với từng nội dung hỗ trợ; c2) Điều kiện, tiêu chí áp dụng hỗ trợ; c3) Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; c4) Miễn, giảm các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của địa phương đối với hoạt động quay phim, sản xuất phim sử dụng bối cảnh tại địa phương theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. d) Ngoài các nội dung hỗ trợ quy định tại điểm b khoản này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định các hình thức hỗ trợ khác phù hợp điều kiện thực tế của địa phương và quy định của pháp luật.			

9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: a1) Chủ trì tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký áp dụng chính sách hoàn thuế theo cơ chế đặc thù đối với hoạt động sản xuất phim sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp Việt Nam. a2) Xác định nội dung phim, mức độ quảng bá hình ảnh, văn hóa, đất nước, con người và du lịch Việt Nam và mức độ đáp ứng điều kiện áp dụng mức hoàn thuế bổ sung theo quy định tại Điều này. a3) Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan thuế trong việc xác nhận điều kiện hưởng chính sách hoàn thuế theo quy định tại Điều này. a4) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm việc thực hiện cơ chế hoàn thuế thuộc phạm vi quản lý nhà nước về điện ảnh. b) Bộ Tài chính (cơ quan thuế): b1) Chủ trì thực hiện cơ chế hoàn thuế đặc thù theo quy định tại Điều này; b2) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ quyết toán hoàn thuế; xác định: chi phí hợp lệ, số thuế giá trị gia tăng thực tế phát sinh tại Việt Nam, mức thuế được hoàn theo quy định tại Điều này; b3) Thực hiện khấu trừ, giảm trừ, hoàn trả trực tiếp đối với số thuế được hoàn theo quy định tại Điều này; b4) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, xử lý vi phạm đối với việc thực hiện cơ chế hoàn thuế đặc thù. c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: c1) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ tại địa phương theo Nghị quyết HĐND tỉnh và các nội dung hỗ trợ khác theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng. c2) Công khai thủ tục, đầu mối hỗ trợ hoạt động quay phim; c3) Chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quay phim, sản xuất phim tại địa phương.			
Điều 23. Quỹ Văn hóa, nghệ thuật Quỹ Văn hóa, nghệ thuật tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 264/2025/NĐ-CP quy định về quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương. 1. Nhà nước thí điểm thành lập Quỹ Văn hóa, nghệ thuật (sau đây gọi là quỹ) ở trung ương và một số địa phương. Quỹ hoạt động theo mô hình hợp tác công tư, là	Chưa có quy định về Quỹ Văn hóa, nghệ thuật Nghị định số 264/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương, có mô hình		Quy định tại dự thảo Nghị định

quỹ đầu tư mạo hiểm, hoạt động theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận khả năng rủi ro, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn. Thời gian thực hiện thí điểm tối đa đến hết năm 2035. 2. Quỹ ở trung ương do Thủ tướng Chính phủ thành lập, quỹ ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập. Người có thẩm quyền thành lập quỹ quyết định tỷ lệ vốn góp từ ngân sách nhà nước, tổng mức vốn nhà nước trong vốn điều lệ của quỹ phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng huy động nhà đầu tư tham gia thành lập quỹ. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ ngân sách trung ương hoặc địa phương, được cấp một lần và được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu tài trợ, hỗ trợ, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; chương trình, dự án văn hóa, nghệ thuật có tính sáng tạo đột phá, có tiềm năng thị trường và khả năng thương mại, khả năng lan tỏa, tác động xã hội mà không được ngân sách nhà nước cấp kinh phí. 3. Trường hợp không thành lập riêng Quỹ thì bổ sung danh mục đầu tư mạo hiểm cho lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật quy định ở khoản 4 Điều này vào Quỹ đầu tư mạo hiểm đã thành lập ở trung ương, địa phương. 4. Danh mục các chương trình, dự án văn hóa, nghệ thuật có tính sáng tạo đột phá, có tiềm năng thị trường và khả năng thương mại, khả năng lan tỏa, tác động xã hội mà không được nhà nước cấp kinh phí quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 28/2026/QH16 quy định tại Phụ lục … ban hành kèm theo Nghị định này.	hoạt động tương tự với mô hình của Quỹ Văn hóa, nghệ thuật.		
Điều 24. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê bất động sản khác là tài sản công 1. Nhà xuất bản, cơ sở sản xuất phim tài liệu và khoa học do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuê nhà và bất động sản khác gắn liền với đất là tài sản công đối với diện tích sử dụng trực tiếp cho hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm; tổ chức hoạt động giới thiệu sách, triển lãm sách; thư viện và phát triển văn hóa đọc; sản xuất phim tài liệu, phim khoa học và thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. 2. Miễn 100% tiền thuê đất; giảm 80% tiền thuê nhà và bất động sản khác gắn liền với đất là tài sản công đối với diện tích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Không áp dụng miễn, giảm đối với diện tích sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết hoặc hoạt động khác không thuộc khoản 1 Điều này. 4. Chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định danh mục, diện tích, mức miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuê nhà và bất động sản khác gắn liền với đất là tài sản	Điều 157 Luật Đất đai 2024, Điều 39, 40 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP và Nghị định số 230/2025/NĐ-CP quy định các việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trong đó không bao gồm trường hợp miễn, giảm tiền thuê đất, thuê bất động sản khác đối với nhà xuất bản, cơ sở sản xuất phim tài liệu và khoa học do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ		Quy định tại dự thảo Nghị định

công cụ thể đối với từng đơn vị trên địa bàn bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục tiêu hỗ trợ phát triển văn hóa, không làm thất thoát tài sản công.			
Điều 25. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bố trí kinh phí đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước Việc bố trí kinh phí đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi chung là bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị) về nước được thực hiện như sau: 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép chủ trương sử dụng ngân sách nhà nước để mua, đấu giá và đưa về nước. 2. Bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương mua hoặc đấu giá và đưa về Việt Nam, đưa về Việt Nam theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này gửi Bộ Tài chính để bố trí kinh phí thực hiện. 3. Sau khi nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Bộ Tài chính xem xét, cấp kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện việc mua hoặc đấu giá bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị và đưa về Việt Nam, đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị về Việt Nam. Trường hợp mua hoặc đấu giá bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị có thời hạn giao dịch, chuyển nhượng gấp theo điều kiện của phía nước ngoài, không đủ thời gian để lập hồ sơ gửi Bộ Tài chính cấp kinh phí theo quy định tại Khoản 4 Điều này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được chủ động sử dụng dự toán ngân sách nhà nước giao hàng năm để thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp kinh phí gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí theo quy định. 4. Hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính cấp kinh phí mua, đấu giá, đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước, bao gồm: a) Văn bản đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; b) Tài liệu chứng minh về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và nguồn gốc Việt Nam của hiện vật, gồm văn bản giám định, ảnh đặc tả, tư liệu lịch sử;	Điều 83 Luật Di sản văn hóa quy định ngân sách nhà nước chi cho đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước đối với các trường hợp được xác định tại khoản 4 Điều 51 và khoản 4 Điều 62 của Luật Điều 7 Luật Di sản văn hóa quy định chính sách của Nhà nước về di sản văn hóa Luật Di sản văn hóa và pháp luật về ngân sách nhà nước chưa quy định cụ thể về thời gian cấp kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí mua, đấu giá, đưa cổ vật, bảo vật quốc gia về nước		Quy định tại dự thảo Nghị định

c) Thông tin về đấu giá hoặc thỏa thuận mua bán, gồm hồ sơ đấu giá, hợp đồng nguyên tắc hoặc văn bản báo giá của phía nước ngoài kèm Dự toán chi tiết kinh phí bao gồm: giá mua, chi phí chuyển quyền sở hữu, phí đấu giá, phí dịch vụ pháp lý, chi phí bảo hiểm, chi phí đóng gói, vận chuyển quốc tế và chi phí bảo quản tạm thời, chi phương án bảo đảm an ninh, an toàn, chi phí vận chuyển bảo vật quốc gia, cổ vật về Việt Nam.			
Điều 26. Ưu tiên sử dụng dịch vụ và đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất tại đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động văn hóa, nghệ thuật truyền thống 1. Khi tổ chức các sự kiện, chương trình nghệ thuật quốc gia, quốc tế phục vụ nhiệm vụ chính trị ở trung ương và địa phương, ưu tiên sự tham gia của các loại hình nghệ thuật truyền thống. 2. Việc thực hiện đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho đơn vị sự nghiệp công lập đang cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu là dịch vụ văn hóa, nghệ thuật truyền thống phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Chưa có quy định sự tham gia của các loại hình nghệ thuật truyền thống tại các sự kiện, chương trình nghệ thuật quốc gia, quốc tế phục vụ nhiệm vụ chính trị. Quyết định số 156/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà mước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thế thao và du lịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 965/QĐ-TTg Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.		Quy định tại dự thảo Nghị định
Điều 27. Bảo đảm thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống trên hệ thống phát thanh, truyền hình 1. Đối với kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình a) Chương trình tin tức văn hóa, nghệ thuật: a1) Thời lượng truyền dẫn, phát sóng: Tối thiểu 60 giây cho một lần truyền dẫn, phát sóng. a2) Tần suất truyền dẫn, phát sóng mới: Tối thiểu 01 lần cho một ngày; riêng tháng 11 hàng năm 03 lần cho một ngày. a3) Thời điểm truyền dẫn, phát sóng: Trong các chương trình bản tin hàng ngày. b) Chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống:	Nghị định số 131/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Điện ảnh quy định tỷ lệ suất chiếu phim Việt Nam, khung giờ chiếu phim Việt Nam, thời lượng và khung giờ chiếu phim cho trẻ em trong hệ thống rạp chiếu phim (Điều 9), tỷ lệ thời lượng phát sóng phim Việt Nam so với phim nước ngoài, khung giờ phát sóng phim Việt Nam, thời lượng và khung giờ phát sóng phim cho trẻ em trên các kênh có phát phim trên kênh truyền hình trong nước (Điều 11).		Quy định tại dự thảo Nghị định

b1) Thời lượng truyền dẫn, phát sóng: Tối thiểu 15 phút cho một lần truyền dẫn, phát sóng. b2) Tần suất truyền dẫn, phát sóng mới: Tối thiểu 01 lần trong một tuần; riêng tháng 11 hàng năm là tối thiểu 03 lần trong một tuần. b3) Thời điểm truyền dẫn, phát sóng: Trong khung giờ từ 18h00 đến 22h00 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; trong khung giờ từ 8h00 đến 12h00 và trong khung giờ từ 18h00 đến 22h00 các ngày thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần. 2. Đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước có tôn chỉ, mục đích, nội dung chuyên biệt về văn hóa, nghệ thuật, thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống thực hiện theo quy định tại giấy phép được cấp. 3. Đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước có tôn chỉ, mục đích phục vụ đối tượng trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số và phục vụ nhiệm vụ đối ngoại, thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống bảo đảm tối thiểu 02 % tổng thời lượng phát sóng kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình tính theo ngày. 4. Đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước khác, thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống bảo đảm tối thiểu 01% tổng thời lượng phát sóng kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình tính theo tuần. 5. Trách nhiệm của cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình a) Thực hiện truyền dẫn, phát sóng đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. b) Cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình văn hóa đặc trưng của địa phương. c) Xây dựng kế hoạch hàng năm để triển khai sản xuất, truyền dẫn, phát sóng đáp ứng yêu cầu tuyên truyền về văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống. d) Chủ động đề xuất hoặc bố trí đủ kinh phí sản xuất, truyền dẫn, phát sóng theo quy định tại Nghị định này. 6. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản báo chí	Chưa có quy định tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng truyền dẫn, phát sóng chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống.		

a) Chỉ đạo các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép được cấp và đúng theo chương trình, kế hoạch hàng năm của cơ quan. b) Bố trí kinh phí bảo đảm duy trì giao nhiệm vụ, đặt hàng cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình trực thuộc thực hiện sản xuất, truyền dẫn, phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật theo quy định tại Nghị định này.			
Điều 28. Chính sách tuyển dụng đối với tài năng và nhân lực đặc thù về nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao 1. Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao được áp dụng hình thức tiếp nhận vào viên chức đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Đối tượng tiếp nhận a) Người học được đào tạo trong nước hoặc nước ngoài thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao ở trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng, tốt nghiệp loại giỏi trở lên hoặc có kết quả học tập, kết quả đánh giá chuyên môn, đồ án, luận văn, luận án, đề án, dự án, tác phẩm, chương trình tốt nghiệp, bài thi tốt nghiệp, kết quả biểu diễn, sáng tác, thực hành nghề nghiệp hoặc hình thức đánh giá chuyên môn đặc thù đạt loại giỏi trở lên hoặc mức tương đương theo hệ thống đánh giá của cơ sở đào tạo; đối với chương trình đào tạo không áp dụng xếp loại theo loại giỏi trở lên, việc xác định kết quả đào tạo hoặc năng lực chuyên môn của người học được thực hiện theo xác nhận của cơ sở đào tạo, hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền. b) Vận động viên, nghệ sĩ tài năng có trình độ đào tạo theo yêu cầu vị trí việc làm tuyển dụng đạt được một trong các huy chương, giải thưởng cá nhân tại cuộc thi, liên hoan, hội thi, triển lãm, giải đấu chuyên ngành cấp quốc gia, khu vực, châu lục, quốc tế phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng, cụ thể như sau: b1) Vận động viên lĩnh vực thể thao thành tích cao đạt 02 huy chương vàng giải Đại hội Thể thao khu vực Đông Nam Á (SEA Games) hoặc đạt 01 huy chương bạc hoặc huy chương vàng Đại hội Thể thao Châu á (ASIAD) hoặc giành suất chính thức tham dự Đại hội thể thao Thế giới (Olympic, Olympic trẻ) hoặc đạt 03 huy chương vàng giải vô địch Đông Nam Á hoặc đạt 01 huy chương vàng giải vô địch Châu Á hoặc đạt 01 huy chương giải vô địch Thế giới; b2) Vận động viên lĩnh vực thể thao dành cho người khuyết tật đạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại Đại hội thể thao người khuyết tật châu Á (Asian Para Games)	Nghị quyết 248/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo chưa quy định Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội quy định chính sách xét tuyển đối với Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng tốt nghiệp thủ khoa hoặc tốt nghiệp đại học loại xuất sắc và đồng thời đạt các giải thưởng trong kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi hoặc các kỳ thi quốc tế. Quyết định 14/2015/QĐ-TTg về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn		Quy định tại dự thảo Nghị định

và Đại hội thể thao người khuyết tật thế giới (Paralympic Games) hoặc đạt huy chương Vàng, Bạc tại giải vô địch thể thao người khuyết tật châu Á hoặc thế giới hoặc đạt huy chương Vàng từ 02 kỳ liên tiếp trở lên tại Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á (ASEAN Para Games); b3) Nghệ sĩ lĩnh vực điện ảnh: Đạt ít nhất 02 giải thưởng cá nhân xuất sắc tại Liên hoan phim Việt Nam hoặc tại các Liên hoan phim, giải thưởng điện ảnh cấp khu vực, quốc tế có tối thiểu 70 quốc gia/vùng lãnh thổ gửi phim dự thi (02 giải thưởng từ 02 kỳ Liên hoan phim hoặc giải thưởng phim khác nhau); đạt ít nhất 01 giải thưởng cá nhân xuất sắc tại các Liên hoan phim, Giải thưởng phim nêu trên và 01 giải cá nhân từ giải Ba, giải Đồng trở lên tại cuộc thi sáng tác kịch bản cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức; đạt ít nhất 02 giải cá nhân tại 02 cuộc thi khác nhau từ giải Ba, giải Đồng (giải Tư) trở lên tại cuộc thi sáng tác kịch bản cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức. Giải thưởng cá nhân xuất sắc là giải thưởng cao nhất theo từng lĩnh vực sáng tạo hoặc chuyên môn điện ảnh do Ban Tổ chức công bố, bao gồm: biên kịch/tác giả kịch bản, đạo diễn, quay phim, âm thanh, âm nhạc, họa sĩ, diễn viên, kỹ xảo điện ảnh và các chức danh chuyên môn tương đương. Trường hợp cơ cấu giải thưởng được chia thành giải thưởng cá nhân chính xuất sắc và giải thưởng cá nhân phụ xuất sắc thì được quy đổi như sau: 01 giải thưởng cá nhân chính xuất sắc được tính tương đương 01 giải thưởng cá nhân xuất sắc; 02 giải thưởng cá nhân phụ xuất sắc được tính tương đương 01 giải thưởng cá nhân xuất sắc. Tác phẩm tham dự Liên hoan phim, Giải thưởng phim phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép phổ biến trước khi tham dự. b4) Nghệ sĩ lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đạt ít nhất 01 giải Vàng quốc gia trở lên tại các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc hoặc ít nhất từ 01 giải Nhì quốc tế của cá nhân trở lên tại cuộc thi, liên hoan nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế (Cục Nghệ thuật biểu diễn chưa cung cấp nội dung) b5) Nghệ sĩ lĩnh vực mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng: Có ít nhất 01 giải Ba (hoặc giải Đồng) trở lên tại các cuộc thi/triển lãm/liên hoan sau: Cuộc thi và Triển lãm Mỹ thuật Việt Nam, Cuộc thi và Triển lãm Điêu khắc toàn quốc, Festival Mỹ thuật trẻ toàn quốc, Cuộc thi và Triển lãm Mỹ thuật ứng dụng toàn quốc, Cuộc thi và Triển lãm tranh đồ họa 10 nước ASEAN do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức. b6) Nghệ sĩ lĩnh vực nhiếp ảnh: Có ít nhất 02 giải Ba (hoặc giải Đồng) và tương đương (vì Festival Nhiếp ảnh quốc tế chỉ có Giải đồng hạng, không phân chia giải	Điều 29 Luật Giáo dục đại học quy định vị trí, chức danh giảng viên đại học Điều 16, Điều 66 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục 2025; Điều 5, Điều 21 Luật Giáo dục nghề nghiệp sửa đổi 2025.		

nhất, nhì, ba) trở lên tại các cuộc thi/triển lãm/liên hoan sau: Cuộc thi và Triển lãm ảnh nghệ thuật Việt Nam, Festival Nhiếp ảnh Trẻ, Festival Nhiếp ảnh Quốc tế do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức. 3. Thẩm quyền tiếp nhận Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hoặc được phân cấp thẩm quyền tuyển dụng quyết định tiếp nhận theo thẩm quyền. 4. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. 5. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào viên chức a) Sơ yếu lý lịch cá nhân; b) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, giải thưởng, huy chương, thành tích học tập và giấy tờ khác liên quan phù hợp với vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận; c) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng; d) Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác. Trường hợp các thành phần hồ sơ trong tiếp nhận quy định tại khoản này đã tồn tại trong cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức hoặc được trích xuất từ cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức hoặc tồn tại trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thì được sử dụng để tham chiếu và thay thế bản giấy tương ứng; người được đề nghị tiếp nhận vào làm viên chức không phải chuẩn bị. 6. Thủ tục tiếp nhận a) Trường hợp tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định tiếp nhận viên chức theo thẩm quyền. b) Trường hợp tiếp nhận vào viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. 7. Người được tuyển dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài theo quy định của pháp luật về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.			

Điều 29. Đào tạo lại cho viên chức thuộc các lĩnh vực nghệ thuật truyền thống, xiếc, múa khi hết tuổi nghề 1. Viên chức khi hết tuổi nghề được học tập để chuyển đổi vị trí việc làm trong các lĩnh vực sau đây: a) Nghệ thuật truyền thống; b) Xiếc; c) Múa. 2. Viên chức quy định tại khoản 1 Điều này có thời gian trực tiếp luyện tập, biểu diễn chuyên môn (liên tục hoặc cộng dồn) từ 15 năm trở lên được xác định hết tuổi nghề trên cơ sở nguyện vọng của người lao động và quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức. 3. Viên chức được xác định hết tuổi nghề khi không đáp ứng yêu cầu về sức khỏe, thể lực, kỹ năng vận động, độ dẻo dai, phản xạ nghề nghiệp, chất lượng biểu diễn, vị trí biểu diễn trực tiếp. 4. Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo lại, bồi dưỡng, chuyển đổi nghề nghiệp cho viên chức quy định tại khoản 1 Điều này, bao gồm: a) Học phí, chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; b) Chi phí tài liệu, giáo trình, học liệu, thiết bị học tập cần thiết; c) Chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian đào tạo tập trung ngoài địa bàn công tác (nếu có); d) Kinh phí kiểm tra, đánh giá, cấp chứng chỉ hoặc xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo; đ) Các chi phí hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc đào tạo lại, bồi dưỡng, chuyển đổi vị trí việc làm. 5. Hồ sơ đánh giá viên chức hết tuổi nghề bao gồm: Báo cáo tự đánh giá hết tuổi nghề của viên chức; nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo, cấp ủy nơi viên chức công tác, trong đó thể hiện rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý; kết quả đánh giá viên chức 02 năm liền kề của viên chức. Căn cứ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định công nhận hoặc không công nhận viên chức hết tuổi nghề. Căn cứ quyết định công nhận hết tuổi nghề và ngân sách của đơn vị, viên chức được cử đi đào tạo, học tập để chuyển đổi vị trí việc làm.	chưa có quy định		Quy định tại dự thảo Nghị định

Điều 30. Chính sách đào tạo, phát triển tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Đề án phát triển tài năng theo giai đoạn định kỳ 5 năm một lần trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nguồn nhân lực chất lượng cao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. 2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án mở mã ngành đào tạo chuyên ngành giám tuyển, giám định di sản văn hóa, tác phẩm văn hóa, nghệ thuật, phát triển công nghiệp văn hóa.	chưa có quy định		Quy định tại dự thảo Nghị định
Điều 31. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao cho giám tuyển định di sản văn hóa 1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng a. Công chức, viên chức đang làm công tác chuyên môn tại các bảo tàng công lập và các đơn vị công lập có trưng bày, triển lãm về di sản văn hoá. b. Cán bộ quản lý triển lãm tại các trung tâm văn hóa, đơn vị lưu trữ di sản văn hoá. c. Các nghệ sĩ, nhà nghiên cứu làm việc tại bảo tàng, đơn vị có trưng bày, triển lãm về di sản văn hoá, có năng lực và nguyện vọng chuyển sang công tác giám tuyển chuyên nghiệp. 2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng a. Lý thuyết giám tuyển hiện đại, gồm nội dung về tư duy biên tập nội dung, xây dựng thông điệp và câu chuyện (storytelling) cho di sản văn hoá. b. Kỹ năng làm việc với thiết kế trưng bày, triển lãm; Giám tuyển trưng bày, triển lãm số, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và các ứng dụng tương tác đa phương tiện. c. Kỹ năng quản trị trưng bày, triển lãm, marketing văn hóa và xây dựng trải nghiệm khách tham quan. d. Kiến thức về luật pháp và đạo đức nghề nghiệp liên quan đến giám tuyển, gồm bản quyền tác phẩm, quy trình mượn - trả hiện vật quốc tế và đạo đức nghề nghiệp giám tuyển,… và các nội dung liên quan khác. 3. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài gồm các trường đại học quốc tế uy tín trong lĩnh vực Di sản văn hoá, các viên nghiên cứu chuyên ngành và các tổ chức nghề nghiệp quốc tế liên quan. 4. Thời gian đào tạo, bồi dưỡng được quy định từ 01 đến 06 tháng đối với các khóa bồi dưỡng ngắn hạn; từ 01 đến 02 năm đối với chương trình thạc sĩ và từ 04 đến 05	chưa có quy định		Quy định tại dự thảo Nghị định

năm đối với chương trình tiến sĩ, bao gồm cả thời gian thực tập tại các bảo tàng, viện nghiên cứu lớn trong nước và nước ngoài. 5. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ.			
Điều 32. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao cho giám định di sản văn hóa 1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng a) Công chức, viên chức làm việc tại các trung tâm giám định hiện vật, bảo tàng công lập, viện nghiên cứu chuyên ngành (Khảo cổ, Hán Nôm, Lịch sử...). b) Các nhà khoa học trẻ thuộc lĩnh vực khảo cổ học vật lý, hóa học, sinh học hiện đang làm việc tại các đơn vị công lập liên quan có định hướng ứng dụng khoa học vào giám định di sản văn hoá chuyên nghiệp. 2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng a) Phương pháp giám định khoa học, gồm các kỹ năng sử dụng các thiết bị công nghệ cao (phân tích đồng vị carbon, tia X, quang phổ, soi vi mạch) để xác định niên đại và chất liệu. b) Giám định mỹ thuật, kỹ thuật và phong cách, gôm các kiến thức về kỹ năng phân tích đặc điểm tạo hình, hoa văn, kỹ thuật chế tác qua các thời kỳ lịch sử. c) Kỹ năng phát hiện hiện vật giả, gồm kỹ năng nhận diện các kỹ thuật làm giả cổ vật tinh vi và xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện vật thật - giả. d) Số hóa dữ liệu giám định, gồm các kỹ năng ứng dụng AI và Blockchain,… trong việc thiết lập hồ sơ số, truy xuất nguồn gốc và bảo mật thông tin di sản. đ) Nghiên cứu thị trường và định giá, gồm các kiến thức về thị trường cổ vật quốc tế, quy trình đấu giá và các quy định pháp luật về sở hữu di sản văn hoá. e) Những nội dung liên quan khác. 3. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài gồm các trường đại học quốc tế uy tín trong lĩnh vực Di sản văn hoá, các viên nghiên cứu chuyên ngành và các tổ chức nghề nghiệp quốc tế liên quan. 4. Thời gian đào tạo, bồi dưỡng được quy định từ 01 đến 06 tháng đối với các khóa bồi dưỡng ngắn hạn; từ 01 đến 02 năm đối với chương trình thạc sĩ và từ 04 đến 05 năm đối với chương trình tiến sĩ, bao gồm cả thời gian thực tập tại các bảo tàng, viện nghiên cứu lớn trong nước và nước ngoài. 5. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ.	chưa có quy định		Quy định tại dự thảo Nghị định

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 5. Phương hướng xây dựng phát triển cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Phương hướng xây dựng cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa là một nội dung của hệ thống quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Luật Quy hoạch, trong đó xác định mục tiêu, định hướng, giải pháp và tổ chức thực hiện. 2. Nội dung phương hướng xây dựng cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa bao gồm: a) Mục tiêu, định hướng, phương hướng phân bổ không gian và giải pháp phát triển trên địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trong kỳ quy hoạch; b) Dự kiến số lượng, quy mô diện tích tại các tỉnh, thành phố; c) Xác định danh mục các cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa trên địa bàn tỉnh, thành phố, trong đó xác định tên gọi, quy mô diện tích và địa điểm dự kiến của từng cụm, khu, tổ hợp. d) Định hướng các cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa có vai trò dẫn dắt phát triển công nghiệp văn hóa, có tính động lực đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố. 3. Phương hướng xây dựng cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa được xác lập, điều chỉnh cùng với quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch của tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa **5. Ngành công nghiệp văn hóa** "Ngành công nghiệp văn hóa" đề cập đến các ngành sản xuất và phân phối hàng hóa hoặc dịch vụ văn hóa như được định nghĩa trong đoạn 4 ở trên.	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	
Điều 6. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa 1. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa thực hiện hoạt động sau đây: a) Cung cấp dịch vụ hỗ trợ về pháp lý, sở hữu trí tuệ, thiết kế, truyền thông, quảng cáo, marketing, phân phối, xúc tiến thương mại, đào tạo và phát triển tài năng; b) Kết nối hoạt động sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm, sản xuất, phân phối, khai thác và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ văn hóa; c) Cung cấp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, không gian sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ và các điều kiện cần thiết cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa;	Điều 14 Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa Các Thành viên nỗ lực ủng hộ sự hợp tác vì phát triển bền vững và giảm nghèo, đặc biệt liên quan đến các nhu cầu cụ thể của các nước đang phát triển nhằm thúc đẩy sự ra đời của một khu vực hoạt động văn hóa năng động bằng nhiều cách, trong đó có:	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

d) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, ươm tạo tài năng, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, giải trí; đ) Thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghệ cao, chuyển đổi số, mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; g) Kết nối doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, tổ chức nghiên cứu, nhà đầu tư, cộng đồng sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa và kết nối thị trường trong nước, quốc tế. 2. Việc hình thành, phát triển cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy; bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc; không làm biến dạng, xâm hại hoặc thương mại hóa trái pháp luật giá trị văn hóa, di sản văn hóa.	a) Củng cố các ngành công nghiệp văn hóa ở các nước đang phát triển thông qua: b) Nâng cao năng lực thông qua trao đổi thông tin, kinh nghiệm và chuyên môn, cũng như đào tạo nguồn nhân lực ở các nước đang phát triển, trong khu vực công và tư nhất là liên quan tới năng lực chiến lược và quản lý, xây dựng và thực hiện chính sách, thúc đẩy và phân bổ các biểu đạt văn hóa phát triển doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ, sử dụng các công nghệ cũng như phát triển và chuyển giao các kỹ năng. c) Chuyển giao công nghệ thông qua việc giới thiệu các biện pháp khuyến khích sự chuyển giao công nghệ và tri thức, đặc biệt là trong lĩnh vực các ngành công nghiệp và doanh nghiệp văn hóa. d) Hỗ trợ tài chính		
Điều 7. Tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Tổ hợp sáng tạo văn hóa được tổ chức để thực hiện hoạt động sau đây: a) Cho thuê, khai thác, sử dụng không gian sáng tạo, không gian làm việc chung, không gian sáng tạo, không gian biểu diễn, trưng bày, triển lãm, trải nghiệm văn hóa; b) Tổ chức hoạt động sáng tạo, sản xuất, thử nghiệm, biểu diễn, giới thiệu, phân phối và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ văn hóa; c) Cung cấp dịch vụ hỗ trợ về pháp lý, sở hữu trí tuệ, thiết kế, truyền thông, quảng cáo, marketing, phân phối, xúc tiến thương mại, đào tạo và phát triển tài năng; d) Kết hợp phát triển thương mại, dịch vụ phù hợp với mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa, tập trung phát triển du lịch văn hóa, ẩm thực, giải trí, giáo dục trải nghiệm ; đ) Tổ chức sự kiện văn hóa, nghệ thuật, sáng tạo, tuần lễ sáng tạo, hội chợ, triển lãm, biểu diễn sản phẩm, dịch vụ văn hóa.	Điều 14 Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa Hợp tác vì phát triển Các Thành viên nỗ lực ủng hộ sự hợp tác vì phát triển bền vững và giảm nghèo, đặc biệt liên quan đến các nhu cầu cụ thể của các nước đang phát triển nhằm thúc đẩy sự ra đời của một khu vực hoạt động văn hóa năng động bằng nhiều cách, trong đó có: a) Củng cố các ngành công nghiệp văn hóa ở các nước đang phát triển thông qua:	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

2. Tổ hợp sáng tạo văn hóa được hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp hoặc mô hình tổ chức hợp pháp khác.	b) Nâng cao năng lực thông qua trao đổi thông tin, kinh nghiệm và chuyên môn, cũng như đào tạo nguồn nhân lực ở các nước đang phát triển, trong khu vực công và tư nhất là liên quan tới năng lực chiến lược và quản lý, xây dựng và thực hiện chính sách, thúc đẩy và phân bổ các biểu đạt văn hóa phát triển doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ, sử dụng các công nghệ cũng như phát triển và chuyển giao các kỹ năng. c) Chuyển giao công nghệ thông qua việc giới thiệu các biện pháp khuyến khích sự chuyển giao công nghệ và tri thức, đặc biệt là trong lĩnh vực các ngành công nghiệp và doanh nghiệp văn hóa. d) Hỗ trợ tài chính		
Điều 8. Điều kiện hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Điều kiện hình thành: a) Có địa điểm, ranh giới, quy mô, diện tích, phương án sử dụng đất, công trình, mặt bằng hoặc tài sản phù hợp với tính chất, mục tiêu, chức năng hoạt động; trong đó khu công nghiệp sáng tạo văn hóa có diện tích tối thiểu 10 ha, cụm công nghiệp sáng tạo văn hóa có diện tích từ 02 ha đến dưới 10 ha; tổ hợp sáng tạo văn hóa có diện tích tối thiểu 0,3 ha hoặc tối thiểu 5.000 m2 sàn sử dụng đối với tòa nhà, công trình cải tạo, tái thiết hoặc chuyển đổi công năng. Đối với các mô hình có tích hợp phân khu trải nghiệm, du lịch văn hóa, phải dành tối thiểu 10% diện tích sàn sử dụng cho các hoạt động công cộng, trưng bày và tương tác văn hóa; b) Có phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng, chuyển đổi công năng hoặc khai thác hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng dịch vụ, không gian sáng tạo và điều kiện bảo đảm vận hành; bảo đảm hạ tầng viễn thông, lưu trữ, xử lý dữ liệu, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu phù hợp quy mô, tính chất hoạt động;	Chương 9 Hiệp định CPTPP quy định Đầu tư Chương 8 Hiệp định EVFTA quy định tự do hóa đầu tư, thương mại dịch vụ và thương mại điện tử ĐIỀU 4.4 Giải phóng hàng hóa Các Bên, ngoài những việc khác, sẽ cho phép việc giải phóng hàng hóa mà không phải nộp thuế quan, với điều kiện nộp một khoản đảm bảo nếu đoợc yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật của các Bên nhằm đảm bảo việc nộp thuế quan sau đó.	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

c) Có phương án tổ chức quản lý, vận hành, khai thác khả thi, hiệu quả, an toàn, công khai, minh bạch; có bộ máy quản lý, vận hành và cơ chế phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan; d) Có nguồn lực tài chính và phương án huy động nguồn lực tài chính hợp pháp để đầu tư, vận hành, duy trì hoạt động; đ) Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn lao động, bảo vệ di sản văn hóa, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và điều kiện khác theo quy định của pháp luật; e) Có cơ chế quản lý sở hữu trí tuệ, cơ chế bảo mật dữ liệu sáng tạo và chỉ tiêu đánh giá hiệu quả vận hành phù hợp với mô hình cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa hoặc tổ hợp sáng tạo văn hóa; g) Có phương án phân khu chức năng, bao gồm: Phân khu xây dựng, sáng tạo; sản xuất chính; phân khu hạ tầng kỹ thuật dùng chung; phân khu trình diễn, giới thiệu, trải nghiệm và giao lưu; phân khu lưu trú cho chuyên gia, cá nhân sáng tạo; phân khu đào tạo, nghiên cứu. 2. Lập Đề án hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa phải xác định mục tiêu duy trì tối thiểu 60% số lượng tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân hoặc diện tích sử dụng cho hoạt động thuộc danh mục ngành, lĩnh vực công nghiệp văn hóa; đồng thời phải cam kết lộ trình đạt tỷ lệ doanh thu từ IP quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. 3. Đối với các doanh nghiệp hoạt động nội khu, lộ trình đáp ứng tỷ lệ doanh thu từ IP được áp dụng quy định ưu đãi đặc thù như sau: a) Trong thời gian 02 năm đầu (24 tháng) kể từ ngày thành lập hoặc gia nhập cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa: miễn áp dụng chỉ tiêu tỷ lệ doanh thu IP. b) Từ năm thứ 3: tỷ lệ doanh thu IP trên tổng doanh thu hoạt động phải đạt tối thiểu 10%. c) Từ năm thứ 5 trở đi: tỷ lệ doanh thu IP phải đạt tối thiểu 20%. d) Trường hợp doanh nghiệp chưa đạt tỷ lệ doanh thu IP do đặc thù sản phẩm nội dung có chu kỳ nghiên cứu và sản xuất dài, doanh nghiệp được phép quy đổi bằng việc chứng minh chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) dành cho IP chiếm trên 30% tổng chi phí vận hành/năm của doanh nghiệp. Trường hợp tỷ lệ quy định tại Khoản này thấp hơn 60% hoặc không đáp ứng cam kết về doanh thu IP trong 03 năm liên tiếp, cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, đình chỉ, chấm dứt việc áp dụng cơ			

chế, chính sách đặc thù hoặc thu hồi quyết định, văn bản chấp thuận theo quy định của pháp luật. đ) Công thức tính tỷ lệ doanh thu IP/năm (TIP): $$T_{IP} = \frac{DT_{IP}}{DT_{Tổng}} \times 100\%$$ Trong đó: TIP: tỷ lệ doanh thu từ tài sản trí tuệ trong tổng doanh thu của doanh nghiệp trong năm tài chính. DTIP: tổng doanh thu từ việc chuyển quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ, tiền bản quyền, tiền cấp phép; từ phân phối, phổ biến, trình chiếu, phát sóng, truyền đạt, khai thác nội dung trên nền tảng số; doanh thu từ sản phẩm phái sinh dựa trên tài sản trí tuệ gốc và doanh thu khác từ IP quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. DTTổng: doanh thu hợp lệ của doanh nghiệp trong năm tài chính. 3. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa chỉ được hình thành trên cơ sở đề án được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận theo quy định tại Nghị định này.			
Điều 7. Điều kiện hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa và tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Việc hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa và tổ hợp sáng tạo văn hóa phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Có địa điểm, ranh giới, quy mô, diện tích, phương án sử dụng đất, công trình, mặt bằng hoặc tài sản phù hợp với tính chất, mục tiêu, chức năng hoạt động; b) Có phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng hoặc khai thác hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng dịch vụ, không gian sáng tạo và các điều kiện bảo đảm vận hành phù hợp với chức năng; c) Có phương án tổ chức quản lý, vận hành, khai thác khả thi, hiệu quả, an toàn, công khai, minh bạch; xác định rõ đơn vị quản lý, vận hành và cơ chế phối hợp với các cơ quan liên quan; d) Có phương án huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính hợp pháp để đầu tư, vận hành, duy trì hoạt động;	Chương 9 Hiệp định CPTPP quy định Đầu tư Chương 8 Hiệp định EVFTA quy định tự do hóa đầu tư, thương mại dịch vụ và thương mại điện tử ĐIỀU 4.4 Giải phóng hàng hóa Các Bên, ngoài những việc khác, sẽ cho phép việc giải phóng hàng hóa mà không phải nộp thuế quan, với điều kiện nộp một khoản đảm bảo nếu được yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật của các Bên nhằm đảm bảo việc nộp thuế quan sau đó.	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

đ) Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn lao động, bảo vệ di sản văn hóa, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan. 2. Việc xem xét, phê duyệt hoặc chấp thuận hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa và tổ hợp sáng tạo văn hóa phải căn cứ vào mức độ đáp ứng mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa; khả năng kết nối hệ sinh thái sáng tạo; hiệu quả sử dụng đất đai, công trình, hạ tầng; khả năng huy động nguồn lực xã hội; tác động đối với cộng đồng dân cư, môi trường, di sản văn hóa; sự phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng và cả nước. 3. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa và tổ hợp sáng tạo văn hóa chỉ được hình thành trên cơ sở đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này.			
Điều 9. Thẩm quyền quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Chính quyền địa phương tỉnh, thành phố trực thuộc trưng ương quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa trên địa bàn. 2. Tổ chức, cá nhân đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa chịu trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Nghị định này và gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Điều 11. Xây dựng liên kết giữa nhà nước với tư nhân và xã hội dân sự Chỉ riêng các nguồn lực từ thị trường thì không thể đảm bảo gìn giữ và thúc đẩy đa dạng văn hóa – chìa khóa cho sự phát triển bền vững của nhân loại. Do đó cần tái khẳng định tính ưu việt của chính sách công, trong mối liên giao với thành phần tư nhân và xã hội dân sự.	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	
Điều 10. Hồ sơ đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Hồ sơ gồm: a) Văn bản đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa; b) Đề án hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa gồm các nội dung chủ yếu sau: (i) Sự cần thiết, căn cứ pháp lý và mục tiêu hình thành; (ii) Tên gọi, địa điểm, ranh giới, quy mô, diện tích, diện tích sàn sử dụng (nếu có), phạm vi, nội dung hoạt động; phương án phân khu chức năng, phân khu dùng chung, phân khu trải nghiệm du lịch; (iii) Hiện trạng đất đai, công trình, tài sản, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng dịch vụ và điều kiện phục vụ hoạt động;	Chương 9 Hiệp định CPTPP quy định Đầu tư Chương 8 Hiệp định EVFTA quy định tự do hóa đầu tư, thương mại dịch vụ và thương mại điện tử ĐIỀU 4.4 Giải phóng hàng hóa Các Bên, ngoài những việc khác, sẽ cho phép việc giải phóng hàng hóa mà không phải nộp thuế quan, với điều kiện nộp một khoản đảm bảo nếu đoợc yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật của các Bên nhằm đảm bảo việc nộp thuế quan sau đó.	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

(iv) Phương án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, lưu trữ, xử lý dữ liệu, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu; phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng, chuyển đổi công năng, khai thác và sử dụng hạ tầng, mặt bằng, công trình, tài sản; (v) Phương án tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, cung cấp dịch vụ hỗ trợ, bảo vệ và phát triển IP và kết nối thị trường; (vi) Phương án huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính; dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội, văn hóa, tác động môi trường; (vii) Phương án bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ di sản văn hóa, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và xử lý rủi ro trong quá trình hoạt động. c) Đối với trường hợp đề xuất hình thành cụm công nghiệp sáng tạo văn hóa và tổ hợp sáng tạo văn hóa có sử dụng đất, tài sản công, công trình công cộng, thiết chế văn hóa, thể thao, trụ sở, nhà xưởng, kho tàng hoặc công trình thuộc sở hữu nhà nước (hoặc di sản công nghiệp thuộc diện di dời), hồ sơ phải kèm theo tài liệu về hiện trạng pháp lý, phương án quản lý, sử dụng, khai thác, chuyển đổi công năng, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai, tài sản công, đầu tư, xây dựng và pháp luật có liên quan. d) Đối với trường hợp nằm trong khu vực có di sản văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị, khu vực bảo vệ di tích, không gian văn hóa truyền thống hoặc khu vực có yếu tố quốc phòng, an ninh, phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.			
Điều 11. Trình tự, thủ tục hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa lập hồ sơ theo quy định tại Điều 10 của Nghị định này và gửi đến ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân đề hoàn thiện hồ sơ. 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì, lấy ý kiến của cơ quan có liên quan về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xây dựng, tài chính, tài sản công, môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu, di sản văn hóa, khoa học và công nghệ, công thương, sở hữu trí tuệ và nội dung khác có liên quan.	Chương 9 Hiệp định CPTPP quy định Đầu tư Chương 8 Hiệp định EVFTA quy định tự do hóa đầu tư, thương mại dịch vụ và thương mại điện tử ĐIỀU 4.4 Giải phóng hàng hóa Các Bên, ngoài những việc khác, sẽ cho phép việc giải phóng hàng hóa mà không phải nộp thuế quan, với điều kiện nộp một khoản đảm bảo nếu đoợc yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật của các Bên nhằm đảm bảo việc nộp thuế quan sau đó.	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong đó nêu rõ ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước. 5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, trên cơ sở hồ sơ đề nghị và ý kiến của cơ quan có liên quan, cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định, lập báo cáo thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa. 6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa. Trường hợp không chấp thuận, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do (biểu mẫu quyết định ban hành kèm theo Phụ lục số…).			
Điều 12. Điều chỉnh, bổ sung, thu hồi quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa 1. Trường hợp thay đổi, bổ sung, điều chỉnh đơn vị quản lý, vận hành hoặc nội dung hoạt động mà không làm thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi và tính chất hoạt động của cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để theo dõi, cập nhật. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản ghi nhận hoặc yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, làm rõ nội dung thông báo. 2. Trường hợp nội dung điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi hoặc tính chất hoạt động, chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh quyết định hình thành theo quy định tại Nghị định này. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh; trường hợp không điều chỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 3. Quyết định hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa bị thu hồi trong các trường hợp sau: a) Không còn đáp ứng điều kiện hình thành, hoạt động theo quy định tại Nghị định này; b) Hoạt động không đúng mục tiêu, tính chất, chức năng, quy mô, phạm vi hoặc nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định; c) Không duy trì tỷ lệ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân hoặc diện tích sử dụng cho hoạt động công nghiệp văn hóa theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;	Chương 9 Hiệp định CPTPP quy định Đầu tư Chương 8 Hiệp định EVFTA quy định tự do hóa đầu tư, thương mại dịch vụ và thương mại điện tử ĐIỀU 4.4 Giải phóng hàng hóa Các Bên, ngoài những việc khác, sẽ cho phép việc giải phóng hàng hóa mà không phải nộp thuế quan, với điều kiện nộp một khoản đảm bảo nếu đoợc yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật của các Bên nhằm đảm bảo việc nộp thuế quan sau đó.	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

d) Vi phạm đến mức phải xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ di sản văn hóa, sở hữu trí tuệ hoặc quy định pháp luật khác có liên quan; đ) Chủ đầu tư có văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động. 4. Trước khi thu hồi, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư và yêu cầu giải trình, khắc phục trong thời hạn 30 ngày làm việc, trừ trường hợp chủ đầu tư đề nghị chấm dứt hoạt động hoặc trường hợp phải thu hồi ngay để bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, di sản văn hóa hoặc lợi ích công cộng. 5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn khắc phục mà chủ đầu tư không khắc phục hoặc khắc phục không đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi. 6. Trường hợp chủ đầu tư đề nghị chấm dứt hoạt động, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 7. Quyết định thu hồi phải được gửi cho chủ đầu tư, cơ quan có liên quan và công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành quyết định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành. Chủ đầu tư có trách nhiệm chấm dứt việc sử dụng tên gọi cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.			
Điều 13. Tiêu chí thí điểm mô hình đô thị di sản văn hóa Mô hình đô thị di sản xây dựng thí điểm tại các địa phương được đầu tư tu bổ, tôn tạo, bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa để đáp ứng các tiêu chí sau đây: 1. Hình thành quần thể kiến trúc đô thị, nông thôn, địa điểm cư trú, khu vực đô thị và nông thôn, công trình công nghiệp chứa đựng công trình kiến trúc và không gian lịch sử, văn hóa có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển của lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật; 2. Hình thành các nhóm công trình xây dựng, các nhóm công trình liên hoàn có tính đồng nhất về kiến trúc và cảnh quan hoặc có giá trị nổi bật về văn hoá, khoa học, lịch sử theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá; 3. Các địa điểm, khu vực trong lòng đất và dưới nước đã phát hiện di tích, di vật hoặc có dấu hiệu lưu giữ di tích, di vật có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;	Điều 14 Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa Hợp tác vì phát triển Các Thành viên nỗ lực ủng hộ sự hợp tác vì phát triển bền vững và giảm nghèo, đặc biệt liên quan đến các nhu cầu cụ thể của các nước đang phát triển nhằm thúc đẩy sự ra đời của một khu vực hoạt động văn hóa năng động bằng nhiều cách, trong đó có: a) Củng cố các ngành công nghiệp văn hóa ở các nước đang phát triển thông qua: b) Nâng cao năng lực thông qua trao đổi thông tin, kinh nghiệm và chuyên môn, cũng như đào tạo nguồn nhân lực ở các	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

4. Cảnh quan thiên nhiên, môi trường - sinh thái và không gian cảnh quan vật chất tự nhiên chứa đựng giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ cùng không gian văn hóa vật thể và phi vật thể liên quan có tầm quan trọng trong việc hình thành giá trị của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được bảo tồn và phát huy giá trị theo hướng gắn kết không gian di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể với cộng đồng chủ thể; 5. Có nhiều di sản văn hóa vật thể hoặc di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu trên địa bàn được công nhận, xếp hạng, ghi danh UNESCO và quốc gia; thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát huy giá trị gắn với phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa; Ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách đặc thù trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với nghệ nhân; 6. Có kinh nghiệm thực tiễn trong công tác đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa bảo đảm nguyên tắc bảo tồn và yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa theo hướng ổn định, lâu dài, bền vững; lấy di sản văn hoá làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa có hiệu quả, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và GRDP của địa phương; 7. Thực hiện tốt việc phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với giáo dục truyền thống, du lịch văn hóa, tạo sinh kế cho cộng đồng và phát triển bền vững.	nước đang phát triển, trong khu vực công và tư nhất là liên quan tới năng lực chiến lược và quản lý, xây dựng và thực hiện chính sách, thúc đẩy và phân bổ các biểu đạt văn hóa phát triển doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ, sử dụng các công nghệ cũng như phát triển và chuyển giao các kỹ năng. c) Chuyển giao công nghệ thông qua việc giới thiệu các biện pháp khuyến khích sự chuyển giao công nghệ và tri thức, đặc biệt là trong lĩnh vực các ngành công nghiệp và doanh nghiệp văn hóa. d) Hỗ trợ tài chính		
Điều 14. Cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai **Chính quyền địa phương thực hiện thí điểm mô hình đô thị di sản văn hóa được quyết định cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai như sau:** 1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chỉ tiêu sử dụng đất ngoài các chỉ tiêu đã được phân bổ theo quy hoạch sử dụng đất quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực di sản văn hóa, công nghiệp văn hóa. Chỉ tiêu sử dụng đất bổ sung được cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thời kỳ tiếp theo theo quy định; 2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức áp dụng cơ chế ưu đãi đơn giá thuê đất theo từng không gian đặc thù, bảo đảm mức tối đa không vượt quá 50% so với mức quy định hiện hành, để thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ, du lịch, dự án đầu tư công - quản trị tư, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực di sản văn hóa, thực hiện các đề án khai thác kinh tế di sản, phát triển công nghiệp văn hóa theo quy hoạch, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong	Điều 14 Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa Hợp tác vì phát triển Các Thành viên nỗ lực ủng hộ sự hợp tác vì phát triển bền vững và giảm nghèo, đặc biệt liên quan đến các nhu cầu cụ thể của các nước đang phát triển nhằm thúc đẩy sự ra đời của một khu vực hoạt động văn hóa năng động bằng nhiều cách, trong đó có: a) Củng cố các ngành công nghiệp văn hóa ở các nước đang phát triển thông qua: b) Nâng cao năng lực thông qua trao đổi thông tin, kinh nghiệm và chuyên môn, cũng như đào tạo nguồn nhân lực ở các nước đang phát triển, trong khu vực công	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

khu vực di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới (sau đây gọi chung là di tích) trong trường hợp bảo đảm không ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành và cảnh quan văn hóa của di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Mức áp dụng cơ chế ưu đãi đơn giá thuê đất theo từng không gian đặc thù do các tỉnh/thành phố thí điểm đô thị di sản quyết định; 3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giá thuê mặt bằng khai thác dịch vụ tại các di tích thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, làm cơ sở để tổ chức đấu thầu, đấu giá theo hình thức cho thuê mặt bằng tại di tích trong trường hợp bảo đảm không ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành và cảnh quan văn hóa của di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; 4. Ngân sách đô thị di sản được giữ lại 50 % số tiền thu được từ khai thác dịch vụ di sản văn hóa sau khi trừ các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc tổ chức khai thác dịch vụ bao gồm chi phí xác định giá, chi phí tổ chức đấu giá, chi phí trong lựa chọn nhà thầu, chi phí điện nước, nhân công và các chi phí có liên quan khác thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật (nếu có) để tái đầu tư cho hoạt động dịch vụ di sản văn hóa, bổ sung nguồn chi thường xuyên hằng năm sử dụng cho công tác quản lý và hoạt động của đơn vị được giao quản lý, sử dụng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan và được xác định là nguồn thu hợp pháp của đơn vị; trích lập các quỹ theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập; 5. Ngân sách đô thị di sản được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới) do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh (trừ cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của địa bàn; 6. Ngân sách địa phương thí điểm đô thị di sản được hưởng toàn bộ các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất và tiền cho thuê mặt bằng khai thác dịch vụ tại di tích, thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này để tái đầu tư hạ tầng đô thị di sản, thực hiện bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và các hoạt động bảo vệ phát huy giá trị di tích, di sản văn hóa, công nghiệp văn hóa;	và tư nhất là liên quan tới năng lực chiến lược và quản lý, xây dựng và thực hiện chính sách, thúc đẩy và phân bổ các biểu đạt văn hóa phát triển doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ, sử dụng các công nghệ cũng như phát triển và chuyển giao các kỹ năng. c) Chuyển giao công nghệ thông qua việc giới thiệu các biện pháp khuyến khích sự chuyển giao công nghệ và tri thức, đặc biệt là trong lĩnh vực các ngành công nghiệp và doanh nghiệp văn hóa. d) Hỗ trợ tài chính		

7. Các khoản thu quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này không dùng để xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.			
Điều 15. Cơ chế, chính sách ưu đãi về phí, lệ phí Chính quyền địa phương thực hiện thí điểm mô hình đô thị di sản được quyết định cơ chế, chính sách ưu đãi về phí, lệ phí như sau: 1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định ban hành mức thu phí dịch vụ tại di tích, lệ phí ngoài Danh mục phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí; 2. Ngân sách địa phương được hưởng toàn bộ các khoản thu từ phí, lệ phí do Hội đồng nhân dân ban hành ngoài Danh mục phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí; 3. Phí thăm quan di tích trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thí điểm mô hình đô thị di sản phải nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ chi phí được trích để lại cho đơn vị sự nghiệp công lập để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. Ngân sách địa phương được bố trí đầu tư tương ứng số thu phí thăm quan nộp vào ngân sách nhà nước để thực hiện đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn; 4. Các khoản thu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.	Điều 14 Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa Hợp tác vì phát triển Các Thành viên nỗ lực ủng hộ sự hợp tác vì phát triển bền vững và giảm nghèo, đặc biệt liên quan đến các nhu cầu cụ thể của các nước đang phát triển nhằm thúc đẩy sự ra đời của một khu vực hoạt động văn hóa năng động bằng nhiều cách, trong đó có: a) Củng cố các ngành công nghiệp văn hóa ở các nước đang phát triển thông qua: b) Nâng cao năng lực thông qua trao đổi thông tin, kinh nghiệm và chuyên môn, cũng như đào tạo nguồn nhân lực ở các nước đang phát triển, trong khu vực công và tư nhất là liên quan tới năng lực chiến lược và quản lý, xây dựng và thực hiện chính sách, thúc đẩy và phân bổ các biểu đạt văn hóa phát triển doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ, sử dụng các công nghệ cũng như phát triển và chuyển giao các kỹ năng. c) Chuyển giao công nghệ thông qua việc giới thiệu các biện pháp khuyến khích sự chuyển giao công nghệ và tri thức, đặc biệt là trong lĩnh vực các ngành công nghiệp và doanh nghiệp văn hóa. d) Hỗ trợ tài chính	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	
Điều 16. Đặt hàng đối với hoạt động sáng tạo văn hóa sử dụng ngân sách nhà nước 1. Việc đặt hàng sản xuất phim, phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị thực hiện theo quy định tại Nghị định số 131/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số	**Điều 15. ICESCR** **Điều 15.** 1. Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận mọi người đều có quyền:		

điều của Luật Điện ảnh theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu và các quy định liên quan. 2. Việc tổ chức các chương trình nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền bản quyền, phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang và các quy định khác có liên quan. 3. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cụng cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. 4. Cơ chế giá đặt hàng đối với sản phẩm văn hoá như tác phẩm văn học, chương trình biểu diễn nghệ thuật được xác định theo mức khoán chi thí điểm quy định tại Điều 16 Nghị định này do cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án giá. 5. Đối với các công trình, tác phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật có thời gian thực hiện kéo dài hơn 01 năm thì giá đặt hàng được xác định tại năm đầu tiên cho công trình, tác phẩm hoàn thiện. Việc điều chỉnh giá đặt hàng (nếu có) thực hiện theo quy định của Luật Giá và các văn bản có liên quan.	a) Được tham gia vào đời sống văn hoá; b) Được hưởng các lợi ích của tiến bộ khoa học và các ứng dụng của nó; c) Được bảo hộ các quyền lợi tinh thần và vật chất phát sinh từ bất kỳ sáng tạo khoa học, văn học nghệ thuật nào của mình. 2. Các biện pháp mà các quốc gia thành viên Công ước sẽ tiến hành nhằm thực hiện đầy đủ quyền này phải bao gồm các biện pháp cần thiết để bảo tồn, phát triển và phổ biến khoa học và văn hoá. 3. Các thành viên Công ước cam kết tôn trọng quyền tự do không thể thiếu được đối với nghiên cứu khoa học và các hoạt động sáng tạo. 4. Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận lợi ích của việc khuyến khích và phát triển các mối quan hệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khoa học và văn hoá. **ĐIỀU 8.1 EVFTA** Phù hợp với các quy định của Chơương này, mỗi Bên có quyền áp dụng, duy trì và thực thi các biện pháp cần thiết để theo đuổi các mục tiêu chính sách hợp pháp như bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng, chính sách xã hội, sự liêm chính và ổn định của hệ thống tài chính, tăng cường an ninh và an toàn, và thúc đẩy và bảo tồn đa dạng văn hóa.		
Điều 17. Hỗ trợ kinh phí sáng tạo, phổ biến các công trình, tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật 1. Nhà nước bảo đảm chi cho các hoạt động sáng tạo	**Điều 15. ICESCR** **Điều 15.** 1. Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận mọi người đều có quyền: a) Được tham gia vào đời sống văn hoá;	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

a) Chi cho các chức danh sáng tạo tác phẩm theo quy định của pháp luật về nhuận bút thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác. b) Chi cho các hoạt động truyền dạy, sưu tầm, dàn dựng nhằm bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống () theo định mức kinh tế-kỹ thuật. c) Chi cho các tác giả viết, sáng tác đề cương tác phẩm văn học được Hội đồng thẩm định quyết định lựa chọn để hỗ trợ tác phẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 350/2025/NĐ-CP quy định về khuyến khích phát triển văn học. d) Chi cho các tác giả viết, sáng tác tác phẩm văn học hoàn chỉnh được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại Chương II Nghị định 350/2025/NĐ-CP. Ngân sách nhà nước bảo đảm chi cho tác giả được lựa chọn theo một trong hai hình thức sau đây: d1) Trong thời hạn 80 ngày làm việc, tác giả hoàn thành tác phẩm viết, sáng tác tác phẩm văn học và gửi đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Nghị định 350/2025/NĐ-CP. Trong thời gian này, tác giả được chi trả theo lương tối thiểu của viên chức hạng II, bậc 1, loại A2.1; d2) Kinh phí ăn, nghỉ của các tác giả được lựa chọn khi tham gia trại viết, trại sáng tác văn học tổ chức theo quy định tại Chương III Nghị định 350/2025/NĐ-CP. đ) Chi cho sản xuất phim theo quy định tại Điều 7 và 8 của Nghị định số 131/2022/NĐ-CP, theo quy định của pháp luật về nhuận bút thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác và định mức kinh tế-kỹ thuật. e) Chương trình nghệ thuật biểu diễn đặt hàng cho các đơn vị công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo đúng chức năng nhiệm vụ để phục vụ nhiệm vụ chính trị quốc gia, Bộ, ngành và địa phương theo thí điểm khoán chi quy định Điều 16 Nghị định này . 2. Hỗ trợ kinh phí sáng tạo a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho tác giả có kịch bản phim thuộc các loại hình: phim truyện, phim hoạt hình, phim tài liệu, phim khoa học có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật đã được Hội đồng Trung ương thẩm định và tuyển chọn kịch bản phim thẩm định. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các tiêu chí thẩm định cụ thể của Hội đồng Trung ương thẩm định và tuyển chọn kịch bản phim	b) Được hưởng các lợi ích của tiến bộ khoa học và các ứng dụng của nó; c) Được bảo hộ các quyền lợi tinh thần và vật chất phát sinh từ bất kỳ sáng tạo khoa học, văn học nghệ thuật nào của mình. 2. Các biện pháp mà các quốc gia thành viên Công ước sẽ tiến hành nhằm thực hiện đầy đủ quyền này phải bao gồm các biện pháp cần thiết để bảo tồn, phát triển và phổ biến khoa học và văn hoá. 3. Các thành viên Công ước cam kết tôn trọng quyền tự do không thể thiếu được đối với nghiên cứu khoa học và các hoạt động sáng tạo. 4. Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận lợi ích của việc khuyến khích và phát triển các mối quan hệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khoa học và văn hoá. **ĐIỀU 8.1 EVFTA** Phù hợp với các quy định của Chơơng này, mỗi Bên có quyền áp dụng, duy trì và thực thi các biện pháp cần thiết để theo đuổi các mục tiêu chính sách hợp pháp như bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng, chính sách xã hội, sự liêm chính và ổn định của hệ thống tài chính, tăng cường an ninh và an toàn, và thúc đẩy và bảo tồn đa dạng văn hóa.		

b) Hỗ trợ tác giả thoả thuận chuyển giao các tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật cho cơ quan tổ chức công lập để phổ biến phát hành rộng rãi cho nhân dân. 3. Hỗ trợ phổ biến a) Đối với tác phẩm văn học: a1) Công bố tác phẩm văn học trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 10 ngày làm việc theo quy định tại Điều 13 Nghị định 350/2025/NĐ-CP; a2) Phổ biến trên môi trường số trong thời gian 03 năm kể từ ngày công bố, phát hành trên nền tảng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý và khuyến khích tại các nền tảng khác trên cơ sở thoả thuận phù hợp với quy định về bản quyền; a3) Gửi tác phẩm văn học ra nước ngoài dự thi, giới thiệu theo quy định tại Điều 33 Nghị định 350/2025/NĐ-CP. Tác phẩm văn học được hỗ trợ khi đáp ứng đồng thời tiêu chí tại Điều 43 Luật Xuất bản và Điều 28 Nghị định 350/2025/NĐ-CP; a4) Hỗ trợ chi phí dịch thuật theo mức khoán chi văn bản tiếng Việt sang tiếng nước ngoài quy định tại mục C Phụ III Nghị định 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. b) Đối với các chương trình nghệ thuật biểu diễn b1) Hỗ trợ các đơn vị nghệ thuật tổ chức biểu diễn chương trình nghệ thuật đáp ứng tiêu chí tại Điều 16 Nghị định này với mục đích biểu diễn phục vụ công chúng, bảo đảm biểu diễn ít nhất 10 buổi biểu diễn tại các vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa. Kinh phí hỗ trợ gồm chi phí bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn theo mức chi tại Nghị định quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang. b2) Hỗ trợ phát sóng các chương trình biểu diễn nghệ thuật theo Điều 27 của Nghị định này.			
Điều 18. Khoán chi kinh phí cho các hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa đối với sản xuất phim, nghệ thuật biểu diễn 1. Nội dung khoán chi từng phần cho các hoạt động sáng tạo nghệ thuật biểu diễn bao gồm:	**Điều 15. ICESCR** **Điều 15.** 1. Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận mọi người đều có quyền: a) Được tham gia vào đời sống văn hoá;	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

a) Chi hỗ trợ tập luyện theo mức chi tại Nghị định quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang; b) Chi cho chức danh sáng tạo tác phẩm theo mức khoán chi theo quy định của pháp luật về nhuận bút thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác; c) Chi cho nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư tiêu hao phục vụ hoạt động sáng tạo. 2. Cơ sở xác định mức khoán chi theo một trong các phương thức xác định tương đương như sau: a) Định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành; b) Theo số lượng, khối lượng, đơn giá, giá dịch vụ, quyết toán năm trước liền kề với sự kiện tương tự có dự kiến biến động các yếu tố chi phí đầu vào; c) Giá trúng thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia; d) Giá tối đa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được công bố trên Hệ thống giá Quốc gia. 3. Nội dung khoán chi từng phần cho các hoạt động sáng tạo điện ảnh Khoán chi buổi ra mắt, công bố giới thiệu phim đối với phim truyện sản xuất sử dụng ngân sách nhà nước. Mức khoán chi căn cứ mức chi đã thực hiện và quyết toán của năm trước liền kề.	b) Được hưởng các lợi ích của tiến bộ khoa học và các ứng dụng của nó; c) Được bảo hộ các quyền lợi tinh thần và vật chất phát sinh từ bất kỳ sáng tạo khoa học, văn học nghệ thuật nào của mình. 2. Các biện pháp mà các quốc gia thành viên Công ước sẽ tiến hành nhằm thực hiện đầy đủ quyền này phải bao gồm các biện pháp cần thiết để bảo tồn, phát triển và phổ biến khoa học và văn hoá. 3. Các thành viên Công ước cam kết tôn trọng quyền tự do không thể thiếu được đối với nghiên cứu khoa học và các hoạt động sáng tạo. 4. Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận lợi ích của việc khuyến khích và phát triển các mối quan hệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khoa học và văn hoá. **ĐIỀU 8.1 EVFTA** Phù hợp với các quy định của Chơơng này, mỗi Bên có quyền áp dụng, duy trì và thực thi các biện pháp cần thiết để theo đuổi các mục tiêu chính sách hợp pháp như bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng, chính sách xã hội, sự liêm chính và ổn định của hệ thống tài chính, tăng cường an ninh và an toàn, và thúc đẩy và bảo tồn đa dạng văn hóa.		
Điều 19. Chính sách hỗ trợ, thúc đẩy quảng bá hình ảnh Việt Nam 1. Nhà nước tổ chức Tuần Văn hóa Việt Nam; chương trình giao lưu nghệ thuật Việt Nam ở nước ngoài do trung ương tổ chức kỷ niệm thiết lập quan hệ ngoại giao với các quốc gia, đối tác quan trọng của Việt Nam trên thế giới, phục vụ các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước ở nước ngoài; chương trình giao lưu nghệ	**Điều 10 Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa** **“Điều 10. Giáo dục và nhận thức của công chứng** Các Thành viên sẽ:	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

thuật tại nước ngoài do địa phương chủ trì tổ chức tại các thủ đô, thành phố kết nghĩa ở nước ngoài; Kinh phí tổ chức các sự kiện tại các điểm này được Nhà nước hỗ trợ 100% cho các hoạt động sau đây: a) Thuê địa điểm tổ chức chương trình tại nhà hát, bảo tàng, quảng trường, trung tâm hội nghị và các không gian phù hợp theo yêu cầu thực tế; b) Thiết kế và dàn dựng sân khấu; c) Trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, kỹ thuật phục vụ biểu diễn tại nước sở tại; d) Vận chuyển nhạc cụ, đạo cụ, trang phục, hiện vật triển lãm và các sản phẩm văn hóa từ Việt Nam đến địa điểm tổ chức và ngược lại; đ) Chi phí bản quyền tác giả, tác phẩm phục vụ chương trình theo quy định; Hoạt động truyền thông, quảng bá trên cơ quan báo chí, truyền thông, mạng xã hội; e) In ấn tờ rơi, áp phích, bộ nhận diện sự kiện tại nước sở tại; g) Thuê chuyên gia, cộng tác viên, tình nguyện viên tại nước sở tại phục vụ công tác tổ chức, phiên dịch và hướng dẫn; h) Thù lao cho nghệ sĩ tham gia chương trình. Kinh phí cử đoàn ra nước ngoài thực hiện sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của Nhà nước về cử cán bộ đi công tác ngắn hạn. Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài hỗ trợ miễn phí thủ tục pháp lý, kết nối với chính quyền địa phương và huy động các nguồn lực cộng đồng tại chỗ tham gia phối hợp tổ chức các sự kiện. Các tổ chức, cá nhân tài trợ cho sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này được quảng bá thương hiệu, sản phẩm tại sự kiện đó. 2. Truyền dạy và biểu diễn nghệ thuật truyền thống ở nước ngoài: a) Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức các lớp truyền dạy, giới thiệu nghệ thuật truyền thống Việt Nam ở nước ngoài do các Trung tâm Văn hóa Việt Nam ở nước ngoài tổ chức, bao gồm: kinh phí mua sắm các nhạc cụ, trang phục truyền thống, vận chuyển các nhạc cụ, trang phục truyền thống sang địa bàn và kinh phí tổ chức lớp học. b) Nhà nước thực hiện đặt hàng hoặc hỗ trợ kinh phí cho các hội đoàn người Việt, các trường đại học nước ngoài có khoa Việt Nam học để tổ chức các lớp truyền dạy, biểu diễn nghệ thuật truyền thống Việt Nam ở nước ngoài. c) Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú được cử đi truyền dạy, biểu diễn tại nước ngoài được hưởng mức thù lao chuyên gia theo quy định đặc thù, cao hơn 1,5 lần so với định mức công tác phí thông thường áp dụng cho cán bộ, công chức. Chuyên gia tại chỗ được hưởng thù lao, hỗ trợ chi phí đi lại.	a) Khuyến khích và thúc đẩy sự hiểu biết vệ tầm quan trọng của việc bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa, nhất là thông qua các chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức cho công chúng; b) Hợp tác với các Thành viên khác, các tổ chức khu vực và quốc tế để đạt được mục đích nêu tại Điều này; c) Nỗ lực khuyến khích sự sáng tạo và tăng cường năng lực sản xuất thông qua việc xây dựng các chương trình giáo dục, đào tạo và trao đổi trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa. Những biện pháp này cần được thực hiện sao cho không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các hình thức sản xuất truyền thống.” *Điều 12 – Thúc đẩy hợp tác quốc tế* Các Bên sẽ nỗ lực tăng cường hợp tác song phương, khu vực và quốc tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy sự đa dạng của các biểu hiện văn hóa, đặc biệt lưu ý đến các tình huống được đề cập trong Điều 8 và Điều 17, nhất là để: (a) tạo điều kiện thuận lợi cho đối thoại giữa các Bên về chính sách văn hóa; (b) nâng cao năng lực chiến lược và quản lý của khu vực công trong các thể chế văn hóa công, thông qua các hoạt động trao đổi văn hóa chuyên nghiệp và quốc tế cũng như chia sẻ các thực tiễn tốt nhất; (c) củng cố quan hệ đối tác với và giữa xã hội dân sự, các tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân trong việc nuôi dưỡng và		

d) Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng hệ thống bài giảng điện tử, video hướng dẫn đa ngôn ngữ (phụ đề hoặc lồng tiếng) các bộ môn nghệ thuật truyền thống để phổ biến đến các cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. đ) Nhà nước xây dựng "Kho tàng số Nghệ thuật truyền thống", cấp quyền truy cập miễn phí cho các học viên tại nước ngoài vào cơ sở dữ liệu quốc gia về âm nhạc, vũ điệu và kịch bản tuồng, chèo, cải lương để phục vụ biểu diễn phi lợi nhuận. e) Nhà nước có chính sách khen thưởng đối với các cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong công tác truyền dạy và biểu diễn nghệ thuật truyền thống ở nước ngoài. 3. Dạy tiếng Việt a) Nhà nước xây dựng giáo trình dạy tiếng Việt phù hợp theo địa bàn. Định kỳ 02 năm một lần, Nhà nước thực hiện cấp tặng miễn phí bộ sách giáo khoa tiếng Việt chuẩn và tài liệu hướng dẫn văn hóa cho các Trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, các cơ sở giáo dục, câu lạc bộ văn hóa, các lớp học cộng đồng cuối tuần hoặc sau giờ học của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đăng ký thực hiện dạy và học tiếng Việt. b) Ngân sách nhà nước chi trả 100% chi phí tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trực tuyến hoặc trực tiếp cho giáo viên, tình nguyện viên dạy tiếng Việt tại nước ngoài. Định kỳ một năm tổ chức 01 lần. 4. Nhân rộng mô hình khu phố Việt Nam, làng Việt Nam, các mô hình câu lạc bộ văn hóa, võ dân tộc, ẩm thực Việt Nam, học tiếng Việt tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc. a) Hỗ trợ đối với mô hình Khu phố Việt Nam, Làng Việt Nam: a1) Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thiết kế phối cảnh kiến trúc, cổng chào, biển bảng và các biểu tượng văn hóa đặc trưng để tạo sự thống nhất về nhận diện thương hiệu văn hóa quốc gia. a2) Hỗ trợ cung cấp hiện vật phục vụ trang trí không gian chung bao gồm: tranh ảnh di sản, sản phẩm thủ công mỹ nghệ tiêu biểu, tư liệu giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. a3) Ưu tiên đưa các mô hình Khu phố Việt Nam, Làng Việt Nam vào danh mục địa điểm quảng bá trong các chương trình xúc tiến du lịch quốc gia và các diễn đàn kinh tế quốc tế. b) Hỗ trợ đối với mô hình câu lạc bộ văn hóa, võ dân tộc, ẩm thực:	thúc đẩy sự đa dạng của các biểu hiện văn hóa; (d) thúc đẩy việc sử dụng các công nghệ mới, khuyến khích quan hệ đối tác để tăng cường chia sẻ thông tin và hiểu biết văn hóa, và nuôi dưỡng sự đa dạng của các biểu hiện văn hóa; (e) khuyến khích việc ký kết các thỏa thuận đồng sản xuất và đồng phân phối.		

b1) Hỗ trợ chuyên môn: Miễn phí cung cấp hệ thống giáo trình, phim tư liệu hướng dẫn kỹ thuật võ thuật dân tộc (Vovinam, võ cổ truyền), công thức chuẩn hóa các món ăn ẩm thực tiêu biểu Việt Nam. b2) Cung cấp định kỳ 02 năm một lần các gói hỗ trợ bao gồm: võ phục, thảm tập, dụng cụ thi đấu võ thuật; dụng cụ trình diễn ẩm thực và trang phục dân tộc phục vụ hoạt động câu lạc bộ. b3) Nhà nước hỗ trợ kinh phí tổ chức các giải thi đấu võ thuật, hội thi ẩm thực Việt Nam, liên hoan nghệ thuật truyền thống quy mô khu vực hoặc toàn cầu để gắn kết các câu lạc bộ. c) Hỗ trợ đối với mô hình học tiếng Việt: c1) Hỗ trợ xây dựng và duy trì các tủ sách truyền thống và thư viện số tại các trung tâm cộng đồng, cung cấp miễn phí sách giáo khoa, truyện tranh, báo chí tiếng Việt phù hợp với từng lứa tuổi. c2) Nhà nước đầu tư và duy trì hệ thống cổng học tập trực tuyến (E-learning) đa ngôn ngữ dành cho người Việt Nam ở nước ngoài; cung cấp miễn phí tài khoản học tập cho người học tại các địa bàn trọng điểm. c3) Khen thưởng và học bổng: Hàng năm xét chọn và cấp học bổng cho thanh thiếu niên người Việt ở nước ngoài có thành tích xuất sắc trong học tập tiếng Việt để tham gia trại hè và các khóa trải nghiệm văn hóa ngắn hạn tại Việt Nam. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan nhân rộng các mô hình học tiếng Việt hiệu quả tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc.			
Điều 20. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, xuất khẩu sản phẩm văn hóa tiêu biểu ra nước ngoài 1. Doanh nghiệp có sản phẩm văn hóa thuộc danh mục sản phẩm văn hóa tiêu biểu của Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định, được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện các hoạt động sau đây: a) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả tại thị trường nước ngoài; b) Thuê chuyên gia tư vấn định hướng thị trường, thiết kế bao bì, nhãn mác phù hợp với văn hóa nước sở tại; c) Biên dịch, phụ đề, lồng tiếng và chuyển đổi định dạng kỹ thuật phục vụ xuất khẩu sản phẩm văn hóa. 2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% mức chi do cơ quan có thẩm quyền quyết định.	Điều 14 Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa Hợp tác vì phát triển Các Thành viên nỗ lực ủng hộ sự hợp tác vì phát triển bền vững và giảm nghèo, đặc biệt liên quan đến các nhu cầu cụ thể của các nước đang phát triển nhằm thúc đẩy sự ra đời của một khu vực hoạt động văn hóa năng động bằng nhiều cách, trong đó có: a) Củng cố các ngành công nghiệp văn hóa ở các nước đang phát triển thông qua:	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

3. Điều kiện thụ hưởng hỗ trợ: a) Doanh nghiệp có hồ sơ dự án quảng bá, xuất khẩu sản phẩm văn hóa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; b) Sản phẩm văn hóa xuất khẩu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật khác có liên quan. 4. Tiêu chí xác định, quy trình hỗ trợ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	b) Nâng cao năng lực thông qua trao đổi thông tin, kinh nghiệm và chuyên môn, cũng như đào tạo nguồn nhân lực ở các nước đang phát triển, trong khu vực công và tư nhất là liên quan tới năng lực chiến lược và quản lý, xây dựng và thực hiện chính sách, thúc đẩy và phân bổ các biểu đạt văn hóa phát triển doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ, sử dụng các công nghệ cũng như phát triển và chuyển giao các kỹ năng. c) Chuyển giao công nghệ thông qua việc giới thiệu các biện pháp khuyến khích sự chuyển giao công nghệ và tri thức, đặc biệt là trong lĩnh vực các ngành công nghiệp và doanh nghiệp văn hóa. d) Hỗ trợ tài chính		
Điều 21. Xây dựng và thực hiện trưng bày chuyên đề các sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới phục vụ nhiệm vụ chính trị, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam 1. Việc lựa chọn sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam để thực hiện trưng bày hoặc kết hợp trưng bày gắn với các hoạt động thực hành, giáo dục di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi chung là trưng bày chuyên đề) tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới, phục vụ nhiệm vụ chính trị, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam được thực hiện bảo đảm các yêu cầu sau: a) Hiện vật trong sưu tập được lựa chọn phải có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học tiêu biểu; ưu tiên các hiện vật là bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm phản ánh đặc trưng văn hóa các thời kỳ lịch sử, các vùng miền hoặc các di sản văn hóa của Việt Nam; b) Hiện vật trong sưu tập phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và thuộc quyền sở hữu, quản lý hợp pháp của Nhà nước Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; c) Hiện vật trong sưu tập phải được cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở trung ương đánh giá bảo đảm về tình trạng vật lý để vận chuyển và trưng bày. Phải thực hiện định giá hiện vật làm cơ sở mua bảo hiểm và lập phương án bảo vệ, bảo	**Điều 10 Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa** **"Điều 10. Giáo dục và nhận thức của công chúng** Các Thành viên sẽ: a) Khuyến khích và thúc đẩy sự hiểu biết vệ tầm quan trọng của việc bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa, nhất là thông qua các chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức cho công chúng; b) Hợp tác với các Thành viên khác, các tổ chức khu vực và quốc tế để đạt được mục đích nêu tại Điều này; c) Nỗ lực khuyến khích sự sáng tạo và tăng cường năng lực sản xuất thông qua việc xây dựng các chương trình giáo dục, đào	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

quản nghiêm ngặt trong suốt quá trình từ khi rời kho lưu giữ cho đến khi hoàn trả về Việt Nam theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. d) Sưu tập phải được xây dựng theo chủ đề khoa học, có đề cương trưng bày chặt chẽ, hấp dẫn, gắn liền với mục tiêu quảng bá hình ảnh quốc gia và phù hợp với định hướng đối ngoại của Đảng và Nhà nước, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt. 2. Tiêu chí lựa chọn bảo tàng có uy tín trên thế giới để phối hợp tổ chức trưng bày: a) Bảo tàng tiếp nhận trưng bày chuyên đề phải là các tổ chức văn hóa có uy tín, có tầm ảnh hưởng tích cực tại quốc gia sở tại hoặc trên thế giới; có lượng khách tham quan ổn định và khả năng lan tỏa truyền thông cao; b) Phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế về bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy và các thông số kỹ thuật về môi trường trưng bày (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng) phù hợp với yêu cầu bảo quản đối với từng loại chất liệu của hiện vật Việt Nam; c) Bảo tàng đối tác phải ký kết thỏa thuận hợp tác bằng văn bản, cam kết đảm bảo quyền sở hữu của Việt Nam đối với hiện vật; tuân thủ các quy định quốc tế về quyền miễn trừ tịch thu tư pháp và các thủ tục hải quan, vận chuyển theo quy định của cả hai bên; c) Ưu tiên các bảo tàng tại các địa bàn trọng điểm về đối ngoại, các trung tâm văn hóa lớn của thế giới nhằm tối ưu hóa mục tiêu chính trị, văn hóa và phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa. 3. Việc xây dựng và tổ chức trưng bày chuyên đề các sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới được thực hiện như sau: a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức đoàn khảo sát, ký kết hợp tác tổ chức trưng bày giới thiệu di sản văn hóa Việt Nam tại bảo tàng có uy tín trên thế giới; b) Nghiên cứu, xây dựng nội dung, xây dựng danh mục hiện vật trong sưu tập dự kiến trưng bày, đề cương trưng bày, biên soạn nội dung thuyết minh trưng bày; dịch thuật tư liệu phục vụ trưng bày, quảng bá... trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, phê duyệt; c) Tổ chức thiết kế tổng thể trưng bày; thiết kế đồ họa trưng bày; thiết kế ứng dụng công nghệ và các thiết kế phục vụ quảng bá, giới thiệu về trưng bày;	tạo và trao đổi trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa. Những biện pháp này cần được thực hiện sao cho không gây ảnh hưởng tiêu cực đến các hình thức sản xuất truyền thống.”		

d) Tổ chức vận chuyển hiện vật, gồm đóng gói chuyên dụng, vận chuyển quốc tế và bảo quản tạm thời tại nước ngoài; thuê chuyên gia giám sát vận chuyển, bảo quản đi kèm sưu tập trong suốt quá trình vận chuyển và trưng bày; e) Xác định giá trị bằng tiền để mua bảo hiểm cho hiện vật và mua bảo hiểm quốc tế cho toàn bộ sưu tập hiện vật; g) Tổ chức lắp dựng trưng bày tại địa điểm trưng bày; lắp đặt các thiết bị an ninh, tủ trưng bày chuyên dụng tại điểm trưng bày; h) Tổ chức các hoạt động giáo dục di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, hoạt động truyền thông gắn với nội dung trưng bày; i) Tổ chức lễ khai mạc trưng bày chuyên đề, các hoạt động truyền thông và giới thiệu di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể tại bảo tàng nước ngoài. 4. Kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ cho xây dựng và tổ chức thực hiện trưng bày chuyên đề được bố trí để chi cho các nội dung, nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này; nội dung và định mức chi áp dụng theo quy định tại Nghị định 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.			
Điều 22. Chính sách hoàn thuế cho đoàn làm phim nước ngoài sử dụng bối cảnh tại Việt Nam 1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam được hưởng chính sách hoàn thuế đối với những bộ phim góp phần quảng bá đất nước, con người, du lịch Việt Nam. 2. Nguyên tắc thực hiện chính sách hoàn thuế a) Cơ chế hoàn thuế quy định tại Điều này là cơ chế đặc thù thực hiện theo Nghị quyết số 28/2026/QH16 và được áp dụng độc lập với cơ chế hoàn thuế giá trị gia tăng theo pháp luật về thuế; b) Việc hoàn thuế được thực hiện thông qua cơ chế khấu trừ, giảm trừ hoặc hoàn trả trực tiếp vào nghĩa vụ thuế phải nộp đối với hoạt động cung cấp dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam; c) Việc hoàn thuế chỉ áp dụng đối với dịch vụ sản xuất phim, bối cảnh quay phim, nhân lực, thiết bị kỹ thuật và các dịch vụ hợp pháp khác phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim truyền hình, phim tài liệu, phim hoạt hình, video ca nhạc hoặc chương trình ghi hình thực tế tại Việt Nam;	Điều 14 Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa Hợp tác vì phát triển Các Thành viên nỗ lực ủng hộ sự hợp tác vì phát triển bền vững và giảm nghèo, đặc biệt liên quan đến các nhu cầu cụ thể của các nước đang phát triển nhằm thúc đẩy sự ra đời của một khu vực hoạt động văn hóa năng động bằng nhiều cách, trong đó có: a) Củng cố các ngành công nghiệp văn hóa ở các nước đang phát triển thông qua: b) Nâng cao năng lực thông qua trao đổi thông tin, kinh nghiệm và chuyên môn, cũng như đào tạo nguồn nhân lực ở các nước đang phát triển, trong khu vực công và tư nhất là liên quan tới năng lực chiến lược và quản lý, xây dựng và thực hiện chính sách, thúc đẩy và phân bổ các biểu	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

d) Không áp dụng cơ chế hoàn thuế sau đầu tư theo quy định chung của pháp luật về thuế. 3. Điều kiện được hưởng chính sách hoàn thuế Tổ chức, cá nhân nước ngoài được xem xét hoàn thuế khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Có giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về điện ảnh; b) Có sử dụng dịch vụ sản xuất phim, bối cảnh quay phim, nhân lực, thiết bị kỹ thuật và các dịch vụ hợp pháp khác tại Việt Nam phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim truyền hình, phim tài liệu, phim hoạt hình. c) Nội dung phim góp phần quảng bá đất nước, con người, du lịch Việt Nam, không vi phạm Điều 9 Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15; d) Có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan. 4. Các khoản chi phí được hoàn thuế bao gồm: a) Chi phí thuê, sản xuất bối cảnh quay phim tại Việt Nam; b) Chi phí thuê dịch vụ kỹ thuật điện ảnh, hậu kỳ, dựng phim, âm thanh, kỹ xảo và các dịch vụ sản xuất phim khác tại Việt Nam; c) Chi phí mua, thuê thiết bị phục vụ hoạt động quay phim tại Việt Nam. 5. Mức hoàn thuế a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này được áp dụng mức hoàn thuế cơ bản bằng 3% tổng chi phí hợp lệ phát sinh tại Việt Nam. b) Mức hoàn thuế bổ sung: b1) Tổ chức, cá nhân nước ngoài được hoàn thuế theo quy định tại điểm a khoản này được hoàn thuế thêm 1% đối với bộ phim có hình ảnh địa danh, di sản, danh lam thắng cảnh, biểu tượng văn hóa Việt Nam được UNESCO công nhận xuất hiện trong phim với thời lượng từ 10 phút trở lên hoặc xuất hiện xuyên suốt bộ phim; b2) Tổ chức, cá nhân nước ngoài được hoàn thuế theo quy định tại điểm a khoản này được hoàn thuế thêm 1% đối với bộ phim thực hiện hậu kỳ, dựng phim, âm thanh, kỹ xảo hoặc xử lý hình ảnh tại Việt Nam. c) Tổng mức hoàn thuế tối đa không vượt quá 5% tổng chi phí hợp lệ phát sinh tại Việt Nam hoặc không quá 50% số thuế giá trị gia tăng thực tế phát sinh tại Việt Nam đối với hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện hoàn thuế. 6. Hồ sơ đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế bao gồm:	đạt văn hóa phát triển doanh nghiệp nhỏ, vừa và siêu nhỏ, sử dụng các công nghệ cũng như phát triển và chuyển giao các kỹ năng. c) Chuyển giao công nghệ thông qua việc giới thiệu các biện pháp khuyến khích sự chuyển giao công nghệ và tri thức, đặc biệt là trong lĩnh vực các ngành công nghiệp và doanh nghiệp văn hóa. d) Hỗ trợ tài chính		

a) Văn bản đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế theo mẫu số… tại Phụ lục số… ban hành kèm theo Nghị định này; b) Giấy phép cung cấp dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam; c) Hợp đồng cung cấp dịch vụ sản xuất phim tại Việt Nam; d) Kế hoạch sản xuất phim và dự toán chi phí phát sinh tại Việt Nam; đ) Danh mục hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan. 7. Trình tự, thủ tục thực hiện hoàn thuế a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam nộp hồ sơ đề nghị áp dụng cơ chế hoàn thuế đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam đặt trụ sở chính; b) Xác nhận đủ điều kiện áp dụng cơ chế hoàn thuế. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thẩm định điều kiện áp dụng cơ chế hoàn thuếxác nhận nội dung dự kiến phù hợp điều kiện hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định này. c) Sau khi hoàn thành phim, có bản phim hoàn chỉnh và được phép phổ biến hoặc phát hành tại nước sở tại hoặc quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp sản xuất phim tại Việt Nam nộp hồ sơ quyết toán hoàn thuế đến cơ quan có thẩm quyền. d) Cơ quan có thẩm quyền căn cứ bản phim hoàn chỉnh, tài liệu phát hành, nội dung thực tế của phim và mức độ quảng bá hình ảnh Việt Nam để xác nhận mức hoàn thuế bổ sung quy định tại điểm b khoản 5 Điều này. đ) Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ quyết toán, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, số thuế thực tế phát sinh, hóa đơn, chứng từ hợp pháp để thực hiện khấu trừ, giảm trừ hoặc hoàn trả trực tiếp. e) Thời hạn giải quyết hoàn thuế thực hiện trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. g) Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan chuyên môn về tài chính và cơ quan thuế có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm việc thực hiện cơ chế hoàn thuế quy định tại Điều này. h) Trường hợp tổ chức cá nhân nước ngoài và Việt Nam kê khai không đúng, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, sử dụng chính sách không đúng mục đích hoặc không đáp ứng điều kiện hưởng chính sách theo quy định của Nghị định này thì bị thu hồi số thuế đã được hoàn và xử lý theo quy định của pháp luật. 8. Thủ tục để hoàn thuế về tài khoản của tổ chức, cá nhân nước ngoài.			

9. Chính sách hỗ trợ của địa phương đối với hoạt động sản xuất phim sử dụng bối cảnh tại địa phương: a) Căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định chính sách hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hoạt động quay phim, sản xuất phim sử dụng bối cảnh tại địa phương nhằm quảng bá hình ảnh, văn hóa, du lịch của địa phương và Việt Nam, phù hợp quy định Luật Ngân sách nhà nước b) Nội dung hỗ trợ bao gồm: b1) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, bối cảnh quay phim tại địa phương; b2) Hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng, mặt bằng, công trình công cộng phục vụ hoạt động quay phim; b3) Hỗ trợ chi phí quảng bá, truyền thông, phát hành phim gắn với quảng bá hình ảnh địa phương; b4) Hỗ trợ chi phí tổ chức sản xuất phim, hậu cần, lưu trú, vận chuyển và các hoạt động phục vụ trực tiếp quá trình quay phim tại địa phương; c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định: c1) Mức hỗ trợ cụ thể đối với từng nội dung hỗ trợ; c2) Điều kiện, tiêu chí áp dụng hỗ trợ; c3) Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; c4) Miễn, giảm các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của địa phương đối với hoạt động quay phim, sản xuất phim sử dụng bối cảnh tại địa phương theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. d) Ngoài các nội dung hỗ trợ quy định tại điểm b khoản này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định các hình thức hỗ trợ khác phù hợp điều kiện thực tế của địa phương và quy định của pháp luật. 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: a1) Chủ trì tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký áp dụng chính sách hoàn thuế theo cơ chế đặc thù đối với hoạt động sản xuất phim sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc thông qua doanh nghiệp Việt Nam.			

a2) Xác định nội dung phim, mức độ quảng bá hình ảnh, văn hóa, đất nước, con người và du lịch Việt Nam và mức độ đáp ứng điều kiện áp dụng mức hoàn thuế bổ sung theo quy định tại Điều này. a3) Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan thuế trong việc xác nhận điều kiện hưởng chính sách hoàn thuế theo quy định tại Điều này. a4) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm việc thực hiện cơ chế hoàn thuế thuộc phạm vi quản lý nhà nước về điện ảnh. b) Bộ Tài chính (cơ quan thuế): b1) Chủ trì thực hiện cơ chế hoàn thuế đặc thù theo quy định tại Điều này; b2) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ quyết toán hoàn thuế; xác định: chi phí hợp lệ, số thuế giá trị gia tăng thực tế phát sinh tại Việt Nam, mức thuế được hoàn theo quy định tại Điều này; b3) Thực hiện khấu trừ, giảm trừ, hoàn trả trực tiếp đối với số thuế được hoàn theo quy định tại Điều này; b4) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, xử lý vi phạm đối với việc thực hiện cơ chế hoàn thuế đặc thù. c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: c1) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ tại địa phương theo Nghị quyết HĐND tỉnh và các nội dung hỗ trợ khác theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng. c2) Công khai thủ tục, đầu mối hỗ trợ hoạt động quay phim; c3) Chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quay phim, sản xuất phim tại địa phương.			
Điều 23. Quỹ Văn hóa, nghệ thuật Quỹ Văn hóa, nghệ thuật tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 264/2025/NĐ-CP quy định về quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương. 1. Nhà nước thí điểm thành lập Quỹ Văn hóa, nghệ thuật (sau đây gọi là quỹ) ở trung ương và một số địa phương. Quỹ hoạt động theo mô hình hợp tác công tư, là quỹ đầu tư mạo hiểm, hoạt động theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận khả năng rủi ro, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn. Thời gian thực hiện thí điểm tối đa đến hết năm 2035. 2. Quỹ ở trung ương do Thủ tướng Chính phủ thành lập, quỹ ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập. Người có thẩm quyền thành lập quỹ quyết định tỷ lệ vốn góp từ ngân sách nhà nước, tổng mức vốn nhà nước trong vốn điều lệ	**Công ước về bảo vệ và thúc đẩy sự đa dạng của các biểu hiện văn hóa** *Điều 18 – Quỹ Quốc tế về Đa dạng Văn hóa* 1. Một Quỹ Quốc tế về Đa dạng Văn hóa, sau đây gọi tắt là "Quỹ", được thành lập theo văn bản này. 2. Quỹ này sẽ bao gồm các quỹ ủy thác được thành lập theo Quy chế Tài chính của UNESCO. 3. Nguồn lực của Quỹ bao gồm: (a) các khoản đóng góp tự nguyện của các	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

của quỹ phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng huy động nhà đầu tư tham gia thành lập quỹ. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ ngân sách trung ương hoặc địa phương, được cấp một lần và được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu tài trợ, hỗ trợ, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; chương trình, dự án văn hóa, nghệ thuật có tính sáng tạo đột phá, có tiềm năng thị trường và khả năng thương mại, khả năng lan tỏa, tác động xã hội mà không được ngân sách nhà nước cấp kinh phí. 3. Trường hợp không thành lập riêng Quỹ thì bổ sung danh mục đầu tư mạo hiểm cho lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật quy định ở khoản 4 Điều này vào Quỹ đầu tư mạo hiểm đã thành lập ở trung ương, địa phương. 4. Danh mục các chương trình, dự án văn hóa, nghệ thuật có tính sáng tạo đột phá, có tiềm năng thị trường và khả năng thương mại, khả năng lan tỏa, tác động xã hội mà không được nhà nước cấp kinh phí quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 28/2026/QH16 quy định tại Phụ lục … ban hành kèm theo Nghị định này.	Bên; (b) các khoản kinh phí được Đại hội đồng UNESCO phân bổ cho mục đích này; (c) các khoản đóng góp, quà tặng hoặc di chúc của các Quốc gia khác; các tổ chức và chương trình của hệ thống Liên Hợp Quốc, các tổ chức khu vực hoặc quốc tế khác; và các cơ quan hoặc cá nhân công hoặc tư; (d) bất kỳ khoản lãi nào đến hạn trên nguồn lực của Quỹ; (e) các khoản tiền thu được từ việc quyên góp và nhận được từ các sự kiện được tổ chức vì lợi ích của Quỹ; (f) bất kỳ nguồn lực nào khác được quy định trong điều lệ của Quỹ. 4. Việc sử dụng nguồn lực của Quỹ sẽ do Ủy ban Liên chính phủ quyết định trên cơ sở các hướng dẫn do Hội nghị các Bên đề cập tại Điều 22 đưa ra. 5. Ủy ban liên chính phủ có thể chấp nhận các khoản đóng góp và các hình thức hỗ trợ khác cho các mục đích chung và cụ thể liên quan đến các dự án cụ thể, với điều kiện các dự án đó đã được Ủy ban phê duyệt. 6. Không được phép gắn kèm bất kỳ điều kiện chính trị, kinh tế hoặc điều kiện nào khác không phù hợp với mục tiêu của Công ước này vào các khoản đóng góp cho Quỹ. 7. Các bên sẽ nỗ lực đóng góp tự nguyện một cách thường xuyên để thực hiện Công ước này.		

Điều 24. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê bất động sản khác là tài sản công 1. Nhà xuất bản, cơ sở sản xuất phim tài liệu và khoa học do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuê nhà và bất động sản khác gắn liền với đất là tài sản công đối với diện tích sử dụng trực tiếp cho hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm; tổ chức hoạt động giới thiệu sách, triển lãm sách; thư viện và phát triển văn hóa đọc; sản xuất phim tài liệu, phim khoa học và thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. 2. Miễn 100% tiền thuê đất; giảm 80% tiền thuê nhà và bất động sản khác gắn liền với đất là tài sản công đối với diện tích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Không áp dụng miễn, giảm đối với diện tích sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết hoặc hoạt động khác không thuộc khoản 1 Điều này. 4. Chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định danh mục, diện tích, mức miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuê nhà và bất động sản khác gắn liền với đất là tài sản công cụ thể đối với từng đơn vị trên địa bàn bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục tiêu hỗ trợ phát triển văn hóa, không làm thất thoát tài sản công.	**ĐIỀU 8.1 EVFTA** Phù hợp với các quy định của Chương này, mỗi Bên có quyền áp dụng, duy trì và thực thi các biện pháp cần thiết để theo đuổi các mục tiêu chính sách hợp pháp như bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng, chính sách xã hội, sự liêm chính và ổn định của hệ thống tài chính, tăng cường an ninh và an toàn, và thúc đẩy và bảo tồn đa dạng văn hóa.		
Điều 25. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bố trí kinh phí đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước Việc bố trí kinh phí đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi chung là bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị) về nước được thực hiện như sau: 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép chủ trương sử dụng ngân sách nhà nước để mua, đấu giá và đưa về nước. 2. Bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương mua hoặc đấu giá và đưa về Việt Nam, đưa về Việt Nam theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này gửi Bộ Tài chính để bố trí kinh phí thực hiện. 3. Sau khi nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Bộ Tài chính xem xét, cấp kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện việc mua hoặc đấu giá bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị và đưa về Việt Nam, đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị về Việt Nam. Trường	**Công ước về bảo vệ và thúc đẩy sự đa dạng của các biểu hiện văn hóa** *Điều 8 – Các biện pháp bảo vệ biểu hiện văn hóa* 1. Không ảnh hưởng đến các quy định tại Điều 5 và Điều 6, một Bên có thể xác định sự tồn tại của các tình huống đặc biệt trong đó các biểu hiện văn hóa trên lãnh thổ của mình đang có nguy cơ bị tuyệt chủng, bị đe dọa nghiêm trọng hoặc cần được bảo vệ khẩn cấp. 2. Các Bên có thể thực hiện mọi biện pháp thích hợp để bảo vệ và gìn giữ các biểu hiện văn hóa trong các tình huống nêu tại khoản 1 theo cách phù hợp với các quy định của Công ước này. 3. Các bên phải báo cáo với Ủy ban liên chính phủ nêu tại Điều 23 về tất cả các biện pháp đã thực hiện để đáp ứng các yêu	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

hợp mua hoặc đấu giá bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị có thời hạn giao dịch, chuyển nhượng gấp theo điều kiện của phía nước ngoài, không đủ thời gian để lập hồ sơ gửi Bộ Tài chính cấp kinh phí theo quy định tại Khoản 4 Điều này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được chủ động sử dụng dự toán ngân sách nhà nước giao hàng năm để thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp kinh phí gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí theo quy định. 4. Hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính cấp kinh phí mua, đấu giá, đưa bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước, bao gồm: a) Văn bản đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; b) Tài liệu chứng minh về giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và nguồn gốc Việt Nam của hiện vật, gồm văn bản giám định, ảnh đặc tả, tư liệu lịch sử; c) Thông tin về đấu giá hoặc thỏa thuận mua bán, gồm hồ sơ đấu giá, hợp đồng nguyên tắc hoặc văn bản báo giá của phía nước ngoài kèm Dự toán chi tiết kinh phí bao gồm: giá mua, chi phí chuyển quyền sở hữu, phí đấu giá, phí dịch vụ pháp lý, chi phí bảo hiểm, chi phí đóng gói, vận chuyển quốc tế và chi phí bảo quản tạm thời, chi phương án bảo đảm an ninh, an toàn, chi phí vận chuyển bảo vật quốc gia, cổ vật về Việt Nam.	cầu cấp bách của tình hình, và Ủy ban có thể đưa ra các khuyến nghị thích hợp.		
Điều 26. Ưu tiên sử dụng dịch vụ và đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất tại đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động văn hóa, nghệ thuật truyền thống 1. Khi tổ chức các sự kiện, chương trình nghệ thuật quốc gia, quốc tế phục vụ nhiệm vụ chính trị ở trung ương và địa phương, ưu tiên sự tham gia của các loại hình nghệ thuật truyền thống. 2. Việc thực hiện đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho đơn vị sự nghiệp công lập đang cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu là dịch vụ văn hóa, nghệ thuật truyền thống phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	**Công ước về bảo vệ và thúc đẩy sự đa dạng của các biểu hiện văn hóa** *Điều 8 – Các biện pháp bảo vệ biểu hiện văn hóa* 1. Không ảnh hưởng đến các quy định tại Điều 5 và Điều 6, một Bên có thể xác định sự tồn tại của các tình huống đặc biệt trong đó các biểu hiện văn hóa trên lãnh thổ của mình đang có nguy cơ bị tuyệt chủng, bị đe dọa nghiêm trọng hoặc cần được bảo vệ khẩn cấp. 2. Các Bên có thể thực hiện mọi biện pháp thích hợp để bảo vệ và gìn giữ các biểu hiện văn hóa trong các tình huống nêu tại khoản 1 theo cách phù hợp với các quy định của Công ước này.	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

	3. Các bên phải báo cáo với Ủy ban liên chính phủ nêu tại Điều 23 về tất cả các biện pháp đã thực hiện để đáp ứng các yêu cầu cấp bách của tình hình, và Ủy ban có thể đưa ra các khuyến nghị thích hợp		
Điều 27. Bảo đảm thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống trên hệ thống phát thanh, truyền hình 1. Đối với kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình quy định trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình a) Chương trình tin tức văn hóa, nghệ thuật: a1) Thời lượng truyền dẫn, phát sóng: Tối thiểu 60 giây cho một lần truyền dẫn, phát sóng. a2) Tần suất truyền dẫn, phát sóng mới: Tối thiểu 01 lần cho một ngày; riêng tháng 11 hàng năm 03 lần cho một ngày. a3) Thời điểm truyền dẫn, phát sóng: Trong các chương trình bản tin hàng ngày. b) Chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống: b1) Thời lượng truyền dẫn, phát sóng: Tối thiểu 15 phút cho một lần truyền dẫn, phát sóng. b2) Tần suất truyền dẫn, phát sóng mới: Tối thiểu 01 lần trong một tuần; riêng tháng 11 hàng năm là tối thiểu 03 lần trong một tuần. b3) Thời điểm truyền dẫn, phát sóng: Trong khung giờ từ 18h00 đến 22h00 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần; trong khung giờ từ 8h00 đến 12h00 và trong khung giờ từ 18h00 đến 22h00 các ngày thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần. 2. Đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước có tôn chỉ, mục đích, nội dung chuyên biệt về văn hóa, nghệ thuật, thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống thực hiện theo quy định tại giấy phép được cấp. 3. Đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước có tôn chỉ, mục đích phục vụ đối tượng trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số và phục vụ nhiệm vụ đối ngoại, thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống bảo đảm tối thiểu 02 % tổng thời lượng phát sóng kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình tính theo ngày. 4. Đối với kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước khác, thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian,	**Công ước về bảo vệ và thúc đẩy sự đa dạng của các biểu hiện văn hóa** *Điều 8 – Các biện pháp bảo vệ biểu hiện văn hóa* 1. Không ảnh hưởng đến các quy định tại Điều 5 và Điều 6, một Bên có thể xác định sự tồn tại của các tình huống đặc biệt trong đó các biểu hiện văn hóa trên lãnh thổ của mình đang có nguy cơ bị tuyệt chủng, bị đe dọa nghiêm trọng hoặc cần được bảo vệ khẩn cấp. 2. Các Bên có thể thực hiện mọi biện pháp thích hợp để bảo vệ và gìn giữ các biểu hiện văn hóa trong các tình huống nêu tại khoản 1 theo cách phù hợp với các quy định của Công ước này. 3. Các bên phải báo cáo với Ủy ban liên chính phủ nêu tại Điều 23 về tất cả các biện pháp đã thực hiện để đáp ứng các yêu cầu cấp bách của tình hình, và Ủy ban có thể đưa ra các khuyến nghị thích hợp.	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

nghệ thuật truyền thống bảo đảm tối thiểu 01% tổng thời lượng phát sóng kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình tính theo tuần. 5. Trách nhiệm của cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình a) Thực hiện truyền dẫn, phát sóng đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. b) Cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình văn hóa đặc trưng của địa phương. c) Xây dựng kế hoạch hàng năm để triển khai sản xuất, truyền dẫn, phát sóng đáp ứng yêu cầu tuyên truyền về văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống. d) Chủ động đề xuất hoặc bố trí đủ kinh phí sản xuất, truyền dẫn, phát sóng theo quy định tại Nghị định này. 6. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản báo chí a) Chỉ đạo các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép được cấp và đúng theo chương trình, kế hoạch hàng năm của cơ quan. b) Bố trí kinh phí bảo đảm duy trì giao nhiệm vụ, đặt hàng cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình trực thuộc thực hiện sản xuất, truyền dẫn, phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật theo quy định tại Nghị định này.			
Điều 28. Chính sách tuyển dụng đối với tài năng và nhân lực đặc thù về nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao 1. Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao được áp dụng hình thức tiếp nhận vào viên chức đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Đối tượng tiếp nhận a) Người học được đào tạo trong nước hoặc nước ngoài thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao ở trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng, tốt nghiệp loại giỏi trở lên hoặc có kết quả học tập, kết quả đánh giá chuyên môn, đồ án, luận văn, luận án, đề án, dự án, tác phẩm, chương trình tốt nghiệp, bài thi tốt nghiệp, kết quả biểu diễn, sáng tác, thực hành nghề nghiệp hoặc hình thức đánh giá chuyên môn đặc thù đạt loại giỏi trở lên hoặc mức tương đương theo hệ thống đánh giá của cơ sở đào tạo; đối với chương trình đào tạo không áp dụng xếp loại theo loại giỏi trở lên, việc xác định kết quả đào tạo hoặc năng lực chuyên môn của người học được thực hiện theo xác nhận của cơ sở đào tạo, hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền.	**Điều 6 ICESCR quy định** **“Điều 6.** 1. Các quốc gia thành viên Công ước này thừa nhận quyền làm việc, trong đó bao gồm quyền của tất cả mọi người có cơ hội kiếm sống bằng công việc do họ tự do lựa chọn hoặc chấp nhận, và các quốc gia phải thi hành các biện pháp thích hợp để đảm bảo quyền này. 2. Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành các biện pháp để thực hiện đầy đủ quyền này, bao gồm triển khai các chương trình đào tạo kỹ thuật và hướng nghiệp, các chính sách và biện pháp kỹ thuật nhằm đạt tới sự phát triển vững chắc về kinh tế, xã hội và văn hoá, tạo công ăn	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

b) Vận động viên, nghệ sĩ tài năng có trình độ đào tạo theo yêu cầu vị trí việc làm tuyển dụng đạt được một trong các huy chương, giải thưởng cá nhân tại cuộc thi, liên hoan, hội thi, triển lãm, giải đấu chuyên ngành cấp quốc gia, khu vực, châu lục, quốc tế phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng, cụ thể như sau: b1) Vận động viên lĩnh vực thể thao thành tích cao đạt 02 huy chương vàng giải Đại hội Thể thao khu vực Đông Nam Á (SEA Games) hoặc đạt 01 huy chương bạc hoặc huy chương vàng Đại hội Thể thao Châu á (ASIAD) hoặc giành suất chính thức tham dự Đại hội thể thao Thế giới (Olympic, Olympic trẻ) hoặc đạt 03 huy chương vàng giải vô địch Đông Nam Á hoặc đạt 01 huy chương vàng giải vô địch Châu Á hoặc đạt 01 huy chương giải vô địch Thế giới; b2) Vận động viên lĩnh vực thể thao dành cho người khuyết tật đạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại Đại hội thể thao người khuyết tật châu Á (Asian Para Games) và Đại hội thể thao người khuyết tật thế giới (Paralympic Games) hoặc đạt huy chương Vàng, Bạc tại giải vô địch thể thao người khuyết tật châu Á hoặc thế giới hoặc đạt huy chương Vàng từ 02 kỳ liên tiếp trở lên tại Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á (ASEAN Para Games); b3) Nghệ sĩ lĩnh vực điện ảnh: Đạt ít nhất 02 giải thưởng cá nhân xuất sắc tại Liên hoan phim Việt Nam hoặc tại các Liên hoan phim, giải thưởng điện ảnh cấp khu vực, quốc tế có tối thiểu 70 quốc gia/vùng lãnh thổ gửi phim dự thi (02 giải thưởng từ 02 kỳ Liên hoan phim hoặc giải thưởng phim khác nhau); đạt ít nhất 01 giải thưởng cá nhân xuất sắc tại các Liên hoan phim, Giải thưởng phim nêu trên và 01 giải cá nhân từ giải Ba, giải Đồng trở lên tại cuộc thi sáng tác kịch bản cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức; đạt ít nhất 02 giải cá nhân tại 02 cuộc thi khác nhau từ giải Ba, giải Đồng (giải Tư) trở lên tại cuộc thi sáng tác kịch bản cấp quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức. Giải thưởng cá nhân xuất sắc là giải thưởng cao nhất theo từng lĩnh vực sáng tạo hoặc chuyên môn điện ảnh do Ban Tổ chức công bố, bao gồm: biên kịch/tác giả kịch bản, đạo diễn, quay phim, âm thanh, âm nhạc, họa sĩ, diễn viên, kỹ xảo điện ảnh và các chức danh chuyên môn tương đương. Trường hợp cơ cấu giải thưởng được chia thành giải thưởng cá nhân chính xuất sắc và giải thưởng cá nhân phụ xuất sắc thì được quy đổi như sau: 01 giải thưởng cá nhân chính xuất sắc được tính tương đương 01 giải thưởng cá nhân xuất sắc; 02 giải thưởng cá nhân phụ xuất sắc được tính tương đương 01 giải thưởng cá nhân xuất sắc.	việc làm đầy đủ và hữu ích với điều kiện đảm bảo các quyền tự do cơ bản về chính trị và kinh tế của từng cá nhân." **Hiệp định EVFTA quy định tại Chương 2 về bảo hộ đầu tư, Chương 16 Hợp tác nâng cao năng lực** **Chương 9 Hiệp định RCEP quy định di chuyển thể nhân** **Chương 19 Hiệp định CPTPP quy định về lao động, trong đó có cam kết chung** **"Điều 19.2: Tuyên bố về cam kết chung** 1. Các Bên khẳng định những nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên ILO, trong đó có những nghĩa vụ được nêu trong Tuyên bố của ILO về quyền lao động trong lãnh thổ của họ. 2. Các Bên thừa nhận rằng, như được nêu tại đoạn 5 Tuyên bố của ILO, tiêu chuẩn lao động không được sử dụng vì mục đích bảo hộ thương mại" **Điều 7 ICESCR** **"Điều 7.** Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận quyền của mọi người được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, đặc biệt đảm bảo: a. Thù lao cho tất cả mọi người làm công tối thiểu phải đảm bảo: (i) Tiền lương thoả đáng và tiền công bằng nhau cho những công việc có giá trị như nhau, không có sự phân biệt đối xử nào; đặc biệt, phụ nữ phải được đảm bảo những điều kiện làm việc không kém hơn đàn		

Tác phẩm tham dự Liên hoan phim, Giải thưởng phim phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép phổ biến trước khi tham dự. b4) Nghệ sĩ lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đạt ít nhất 01 giải Vàng quốc gia trở lên tại các cuộc thi, liên hoan nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc hoặc ít nhất từ 01 giải Nhì quốc tế của cá nhân trở lên tại cuộc thi, liên hoan nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp quốc tế (Cục Nghệ thuật biểu diễn chưa cung cấp nội dung) b5) Nghệ sĩ lĩnh vực mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng: Có ít nhất 01 giải Ba (hoặc giải Đồng) trở lên tại các cuộc thi/triển lãm/liên hoan sau: Cuộc thi và Triển lãm Mỹ thuật Việt Nam, Cuộc thi và Triển lãm Điêu khắc toàn quốc, Festival Mỹ thuật trẻ toàn quốc, Cuộc thi và Triển lãm Mỹ thuật ứng dụng toàn quốc, Cuộc thi và Triển lãm tranh đồ họa 10 nước ASEAN do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức. b6) Nghệ sĩ lĩnh vực nhiếp ảnh: Có ít nhất 02 giải Ba (hoặc giải Đồng) và tương đương (vì Festival Nhiếp ảnh quốc tế chỉ có Giải đồng hạng, không phân chia giải nhất, nhì, ba) trở lên tại các cuộc thi/triển lãm/liên hoan sau: Cuộc thi và Triển lãm ảnh nghệ thuật Việt Nam, Festival Nhiếp ảnh Trẻ, Festival Nhiếp ảnh Quốc tế do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức. 3. Thẩm quyền tiếp nhận Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hoặc được phân cấp thẩm quyền tuyển dụng quyết định tiếp nhận theo thẩm quyền. 4. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. 5. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào viên chức a) Sơ yếu lý lịch cá nhân; b) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, giải thưởng, huy chương, thành tích học tập và giấy tờ khác liên quan phù hợp với vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận; c) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng; d) Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác. Trường hợp các thành phần hồ sơ trong tiếp nhận quy định tại khoản này đã tồn tại trong cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức hoặc được trích xuất từ cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức hoặc tồn tại trong cơ sở dữ	ông, được trả công ngang nhau đối với những công việc giống nhau; (ii) Một cuộc sống tương đối đầy đủ cho họ và gia đình họ phù hợp với các quy định của Công ước này. b) Những điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh, c) Cơ hội ngang nhau cho mọi người trong việc được đề bạt lên chức vụ thích hợp cao hơn, chỉ cần xét tới thâm niên và năng lực làm việc; d) Sự nghỉ ngơi, thời gian rảnh rỗi, giới hạn hợp lý số giờ làm việc, những ngày nghỉ thường kỳ được hưởng lương cũng như thù lao cho những ngày nghỉ lễ.”		

liệu chuyên ngành khác thì được sử dụng để tham chiếu và thay thế bản giấy tương ứng; người được đề nghị tiếp nhận vào làm viên chức không phải chuẩn bị. 6. Thủ tục tiếp nhận a) Trường hợp tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định tiếp nhận viên chức theo thẩm quyền. b) Trường hợp tiếp nhận vào viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. 7. Người được tuyển dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài theo quy định của pháp luật về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.			
Điều 29. Đào tạo lại cho viên chức thuộc các lĩnh vực nghệ thuật truyền thống, xiếc, múa khi hết tuổi nghề 1. Viên chức khi hết tuổi nghề được học tập để chuyển đổi vị trí việc làm trong các lĩnh vực sau đây: a) Nghệ thuật truyền thống; b) Xiếc; c) Múa. 2. Viên chức quy định tại khoản 1 Điều này có thời gian trực tiếp luyện tập, biểu diễn chuyên môn (liên tục hoặc cộng dồn) từ 15 năm trở lên được xác định hết tuổi nghề trên cơ sở nguyện vọng của người lao động và quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức. 3. Viên chức được xác định hết tuổi nghề khi không đáp ứng yêu cầu về sức khỏe, thể lực, kỹ năng vận động, độ dẻo dai, phản xạ nghề nghiệp, chất lượng biểu diễn, vị trí biểu diễn trực tiếp. 4. Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo lại, bồi dưỡng, chuyển đổi nghề nghiệp cho viên chức quy định tại khoản 1 Điều này, bao gồm: a) Học phí, chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; b) Chi phí tài liệu, giáo trình, học liệu, thiết bị học tập cần thiết; c) Chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian đào tạo tập trung ngoài địa bàn công tác (nếu có);	**Điều 7 ICESCR** **"Điều 7.** Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận quyền của mọi người được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, đặc biệt đảm bảo: a. Thù lao cho tất cả mọi người làm công tối thiểu phải đảm bảo: (i) Tiền lương thoả đáng và tiền công bằng nhau cho những công việc có giá trị như nhau, không có sự phân biệt đối xử nào; đặc biệt, phụ nữ phải được đảm bảo những điều kiện làm việc không kém hơn đàn ông, được trả công ngang nhau đối với những công việc giống nhau; (ii) Một cuộc sống tương đối đầy đủ cho họ và gia đình họ phù hợp với các quy định của Công ước này. b) Những điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh, c) Cơ hội ngang nhau cho mọi người trong việc được đề bạt lên chức vụ thích hợp cao	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

d) Kinh phí kiểm tra, đánh giá, cấp chứng chỉ hoặc xác nhận hoàn thành chương trình đào tạo; đ) Các chi phí hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc đào tạo lại, bồi dưỡng, chuyển đổi vị trí việc làm. 5. Hồ sơ đánh giá viên chức hết tuổi nghề bao gồm: Báo cáo tự đánh giá hết tuổi nghề của viên chức; nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo, cấp ủy nơi viên chức công tác, trong đó thể hiện rõ ý kiến đồng ý hay không đồng ý; kết quả đánh giá viên chức 02 năm liền kề của viên chức. Căn cứ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định công nhận hoặc không công nhận viên chức hết tuổi nghề. Căn cứ quyết định công nhận hết tuổi nghề và ngân sách của đơn vị, viên chức được cử đi đào tạo, học tập để chuyển đổi vị trí việc làm.	hơn, chỉ cần xét tới thâm niên và năng lực làm việc; d) Sự nghỉ ngơi, thời gian rảnh rỗi, giới hạn hợp lý số giờ làm việc, những ngày nghỉ thường kỳ được hưởng lương cũng như thù lao cho những ngày nghỉ lễ.”		
Điều 30. Chính sách đào tạo, phát triển tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Đề án phát triển tài năng theo giai đoạn định kỳ 5 năm một lần trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nguồn nhân lực chất lượng cao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. 2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Đề án mở mã ngành đào tạo chuyên ngành giám tuyển, giám định di sản văn hóa, tác phẩm văn hóa, nghệ thuật, phát triển công nghiệp văn hóa.	**Điều 6 ICESCR quy định** **“Điều 6.** 1. Các quốc gia thành viên Công ước này thừa nhận quyền làm việc, trong đó bao gồm quyền của tất cả mọi người có cơ hội kiếm sống bằng công việc do họ tự do lựa chọn hoặc chấp nhận, và các quốc gia phải thi hành các biện pháp thích hợp để đảm bảo quyền này. 2. Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành các biện pháp để thực hiện đầy đủ quyền này, bao gồm triển khai các chương trình đào tạo kỹ thuật và hướng nghiệp, các chính sách và biện pháp kỹ thuật nhằm đạt tới sự phát triển vững chắc về kinh tế, xã hội và văn hoá, tạo công ăn việc làm đầy đủ và hữu ích với điều kiện đảm bảo các quyền tự do cơ bản về chính trị và kinh tế của từng cá nhân.”	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	
Điều 31. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao cho giám tuyển định di sản văn hóa 1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng	**Điều 7 ICESCR** **“Điều 7.**		

a) Công chức, viên chức đang làm công tác chuyên môn tại các bảo tàng công lập và các đơn vị công lập có trưng bày, triển lãm về di sản văn hoá. b) Cán bộ quản lý triển lãm tại các trung tâm văn hóa, đơn vị lưu trữ di sản văn hoá. c) Các nghệ sĩ, nhà nghiên cứu làm việc tại bảo tàng, đơn vị có trưng bày, triển lãm về di sản văn hoá, có năng lực và nguyện vọng chuyển sang công tác giám tuyển chuyên nghiệp. 2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng a) Lý thuyết giám tuyển hiện đại, gồm nội dung về tư duy biên tập nội dung, xây dựng thông điệp và câu chuyện (storytelling) cho di sản văn hoá. b) Kỹ năng làm việc với thiết kế trưng bày, triển lãm; Giám tuyển trưng bày, triển lãm số, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và các ứng dụng tương tác đa phương tiện. c) Kỹ năng quản trị trưng bày, triển lãm, marketing văn hóa và xây dựng trải nghiệm khách tham quan. d) Kiến thức về luật pháp và đạo đức nghề nghiệp liên quan đến giám tuyển, gồm bản quyền tác phẩm, quy trình mượn - trả hiện vật quốc tế và đạo đức nghề nghiệp giám tuyển và các nội dung liên quan khác. 3. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài gồm các trường đại học quốc tế uy tín trong lĩnh vực di sản văn hoá, các viên nghiên cứu chuyên ngành và các tổ chức nghề nghiệp quốc tế liên quan. 4. Thời gian đào tạo, bồi dưỡng được quy định từ 01 đến 06 tháng đối với các khóa bồi dưỡng ngắn hạn; từ 01 đến 02 năm đối với chương trình thạc sĩ và từ 04 đến 05 năm đối với chương trình tiến sĩ, bao gồm cả thời gian thực tập tại các bảo tàng, viện nghiên cứu lớn trong nước và nước ngoài. 5. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ.	Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận quyền của mọi người được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, đặc biệt đảm bảo: a. Thù lao cho tất cả mọi người làm công tối thiểu phải đảm bảo: (i) Tiền lương thoả đáng và tiền công bằng nhau cho những công việc có giá trị như nhau, không có sự phân biệt đối xử nào; đặc biệt, phụ nữ phải được đảm bảo những điều kiện làm việc không kém hơn đàn ông, được trả công ngang nhau đối với những công việc giống nhau; (ii) Một cuộc sống tương đối đầy đủ cho họ và gia đình họ phù hợp với các quy định của Công ước này. b) Những điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh, c) Cơ hội ngang nhau cho mọi người trong việc được đề bạt lên chức vụ thích hợp cao hơn, chỉ cần xét tới thâm niên và năng lực làm việc; d) Sự nghỉ ngơi, thời gian rảnh rỗi, giới hạn hợp lý số giờ làm việc, những ngày nghỉ thường kỳ được hưởng lương cũng như thù lao cho những ngày nghỉ lễ.”		
Điều 32. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao cho giám định di sản văn hóa 1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng a) Công chức, viên chức làm việc tại các trung tâm giám định hiện vật, bảo tàng công lập, viện nghiên cứu chuyên ngành (Khảo cổ, Hán Nôm, Lịch sử...).	**Điều 7 ICESCR** **“Điều 7.** Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận quyền của mọi người được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, đặc biệt đảm bảo:	Dự thảo Nghị định tương thích với điều ước quốc tế	

b) Các nhà khoa học trẻ thuộc lĩnh vực khảo cổ học vật lý, hóa học, sinh học hiện đang làm việc tại các đơn vị công lập liên quan có định hướng ứng dụng khoa học vào giám định di sản văn hoá chuyên nghiệp. 2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng a) Phương pháp giám định khoa học, gồm các kỹ năng sử dụng các thiết bị công nghệ cao (phân tích đồng vị carbon, tia X, quang phổ, soi vi mạch) để xác định niên đại và chất liệu. b) Giám định mỹ thuật, kỹ thuật và phong cách, gồm các kiến thức về kỹ năng phân tích đặc điểm tạo hình, hoa văn, kỹ thuật chế tác qua các thời kỳ lịch sử. c) Kỹ năng phát hiện hiện vật giả, gồm kỹ năng nhận diện các kỹ thuật làm giả cổ vật tinh vi và xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện vật thật - giả. d) Số hóa dữ liệu giám định, gồm các kỹ năng ứng dụng AI và Blockchain,… trong việc thiết lập hồ sơ số, truy xuất nguồn gốc và bảo mật thông tin di sản. đ) Nghiên cứu thị trường và định giá, gồm các kiến thức về thị trường cổ vật quốc tế, quy trình đấu giá và các quy định pháp luật về sở hữu di sản văn hoá. e) Những nội dung liên quan khác. 3. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài gồm các trường đại học quốc tế uy tín trong lĩnh vực Di sản văn hoá, các viên nghiên cứu chuyên ngành và các tổ chức nghề nghiệp quốc tế liên quan. 4. Thời gian đào tạo, bồi dưỡng được quy định từ 01 đến 06 tháng đối với các khóa bồi dưỡng ngắn hạn; từ 01 đến 02 năm đối với chương trình thạc sĩ và từ 04 đến 05 năm đối với chương trình tiến sĩ, bao gồm cả thời gian thực tập tại các bảo tàng, viện nghiên cứu lớn trong nước và nước ngoài. 5. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ.	a. Thù lao cho tất cả mọi người làm công tối thiểu phải đảm bảo: (i) Tiền lương thoả đáng và tiền công bằng nhau cho những công việc có giá trị như nhau, không có sự phân biệt đối xử nào; đặc biệt, phụ nữ phải được đảm bảo những điều kiện làm việc không kém hơn đàn ông, được trả công ngang nhau đối với những công việc giống nhau; (ii) Một cuộc sống tương đối đầy đủ cho họ và gia đình họ phù hợp với các quy định của Công ước này. b) Những điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh, c) Cơ hội ngang nhau cho mọi người trong việc được đề bạt lên chức vụ thích hợp cao hơn, chỉ cần xét tới thâm niên và năng lực làm việc; d) Sự nghỉ ngơi, thời gian rảnh rỗi, giới hạn hợp lý số giờ làm việc, những ngày nghỉ thường kỳ được hưởng lương cũng như thù lao cho những ngày nghỉ lễ.”		